

CÔNG TY TNHH QUANG VINH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ “CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH (CHỢ QUANG VINH 1)”

(Tổng diện tích 18.249,82 m², trong đó: khu chợ 2.658,3 m², đất ở khu phố chợ 7.857,59 m² khoảng 400 người, diện tích còn lại làm nhà bảo vệ, hạ tầng, giao thông, cây xanh,...)

Địa điểm thực hiện: Thửa đất số 868, tờ bản đồ số 33, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Bình Dương, tháng 08 năm 2024

CÔNG TY TNHH QUANG VINH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ “CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH (CHỢ QUANG VINH 1)”

(Tổng diện tích 18.249,82 m², trong đó: khu chợ 2.658,3 m², đất ở khu phố chợ 7.857,59 m² khoảng 400 người, diện tích còn lại làm nhà bảo vệ, hạ tầng, giao thông, cây xanh,...)

Địa điểm thực hiện: Thửa đất số 868, tờ bản đồ số 33, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

CHỦ CƠ SỞ:

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

GIÁM ĐỐC



Lê Quang Vinh

ĐƠN VI TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT

TỔNG HỢP LÂM ANH



Nguyễn Thị Dương Lâm

Bình Dương, tháng 08 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	VI
1.1. Tên chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở:.....	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:	12
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	12
1.3.2. Công nghệ sản xuất, vận hành	13
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	13
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án	18
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án	18
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và nhu cầu sử dụng của Công ty.....	19
1.4.2.1. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng	19
1.4.2.2. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	21
1.5.1. Tình hình hoạt động hiện nay của chợ và khu phố chợ Khánh Bình	21
1.5.2. Tổng mức đầu tư của cơ sở:.....	21
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	22
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	23
Chương III	30
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	30
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	30

3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:	30
3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:	30
3.1.3. Xử lý nước thải:.....	31
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	39
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:..	39
3.3.1. Công trình lưu giữ, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình hoạt động của chợ và khu phố chợ:.....	39
3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	41
3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:	43
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	44
3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối các HTXL nước thải:.....	44
3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:	49
3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	49
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	53
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:	54
CHƯƠNG IV	56
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	56
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	56
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	57
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	57
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:.....	58
Chương V	60
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	60
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI:.....	60
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI KHÍ THẢI:	61
CHƯƠNG VI.....	63
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	63

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	63
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	63
6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	64
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	64
CHƯƠNG VII	65
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	65
CHƯƠNG VIII.....	66
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	66

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	– Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 ⁰ C -đo trong 5 ngày.
BTNMT	– Bộ Tài nguyên và Môi trường.
BVMT	– Bảo vệ môi trường.
BYT	– Bộ Y tế.
BTCT	– Bê tông cốt thép.
COD	– Nhu cầu oxy hóa học.
CTNH	– Chất thải nguy hại.
CTR	– Chất thải rắn.
DO	– Oxy hòa tan.
ĐTM	– Đánh giá tác động môi trường.
KVA	– Kilô Volt Ampe.
HTXL	– Hệ thống xử lý
NTSH	– Nước thải sinh hoạt.
PCCC	– Phòng cháy chữa cháy.
QLMT	– Quản lý môi trường.
QCVN	– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
TCVN	– Tiêu chuẩn Việt Nam.
TDS	– Tổng chất rắn hoà tan.
TNHH	– Trách nhiệm hữu hạn.
TT	– Thông tư.
TXLNT	– Trạm xử lý nước thải
TSS	– Tổng chất rắn lơ lửng.
XLNT	– Xử lý nước thải.
UBND	– Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ góc ranh của khu đất cơ sở (VN-2000).....	8
Bảng 1. 2. Quy mô sử dụng đất của chợ và khu phố chợ Khánh Bình.....	12
Bảng 1. 3. Danh mục các tiểu thương trong chợ	13
Bảng 1. 4. Bảng thống kê chi tiết các lô và thửa đất xây dựng.....	16
Bảng 1.5. Nguyên vật liệu, hóa chất của cơ sở.....	18
Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng nước của chợ và khu phố chợ Khánh Bình.....	20
Bảng 3.1. Hạng mục công trình của hệ thống thoát nước mưa	30
Bảng 3.2. Hạng mục công trình của hệ thống thu gom nước thải	31
Bảng 3.3. Hạng mục công trình của HTXLNT công suất 160 m ³ /ngày.....	34
Bảng 3.4. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước thải công suất 160 m ³ /ngày.đêm	35
Bảng 3.5. Thành phần và khối lượng hóa chất sử dụng xử lý nước thải.....	38
Bảng 3 6. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt.....	40
Bảng 3.7. Bảng nguồn phát sinh, thành phần và khối lượng của CTNH	42
Bảng 3. 8. Kích bản sự cố và phương án ứng phó sự cố HTXL nước thải	45
Bảng 3. 9. Danh mục máy móc thiết bị PCCC	50
Bảng 3. 10. Những nội dung sai khác so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....	54
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	57
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sau hệ thống xử lý.....	60
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc không khí tại khu chợ và phố chợ Khánh Bình	61
Bảng 6.1. Thời gian, vị trí và thông số quan trắc nước thải vận hành thử nghiệm ..	63
Bảng 6.2. Kinh phí giám sát môi trường giai đoạn hoạt động.....	64

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí tọa độ ranh góc dự án.....	9
Hình 3. 1. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty	32
Hình 3. 2. Hình ảnh HTXL nước thải của Công ty.....	34
Hình 3. 3. Hình ảnh nhà kho chứa chất thải sinh hoạt và CTNH của Công ty	43
Hình 3. 4. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	52

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: **Công ty TNHH Quang Vinh**
- Địa chỉ văn phòng: Số 199/F, tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Lê Quang Vinh
 - + Chức vụ: Giám đốc
 - + Quốc tịch: Việt Nam
 - + Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân.
 - + Số giấy chứng thực cá nhân: 001067016689 Ngày cấp: 14/03/2021
 - Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 - + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E6 khu phố 5, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - + Chỗ ở hiện tại: E6 khu phố 5, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700596880 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2004, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023.

1.2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: **Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình (chợ Quang Vinh 1)**
(Tổng diện tích 18.249,82 m², trong đó: khu chợ 2.658,3 m², đất ở khu phố chợ 7.857,59 m² khoảng 400 người, diện tích còn lại làm nhà bảo vệ, hạ tầng, giao thông, cây xanh,...)
- Địa điểm thực hiện cơ sở: Thửa đất số 868, tờ bản đồ số 33, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Vị trí tiếp giáp của khu đất dự án như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường ĐT 746.

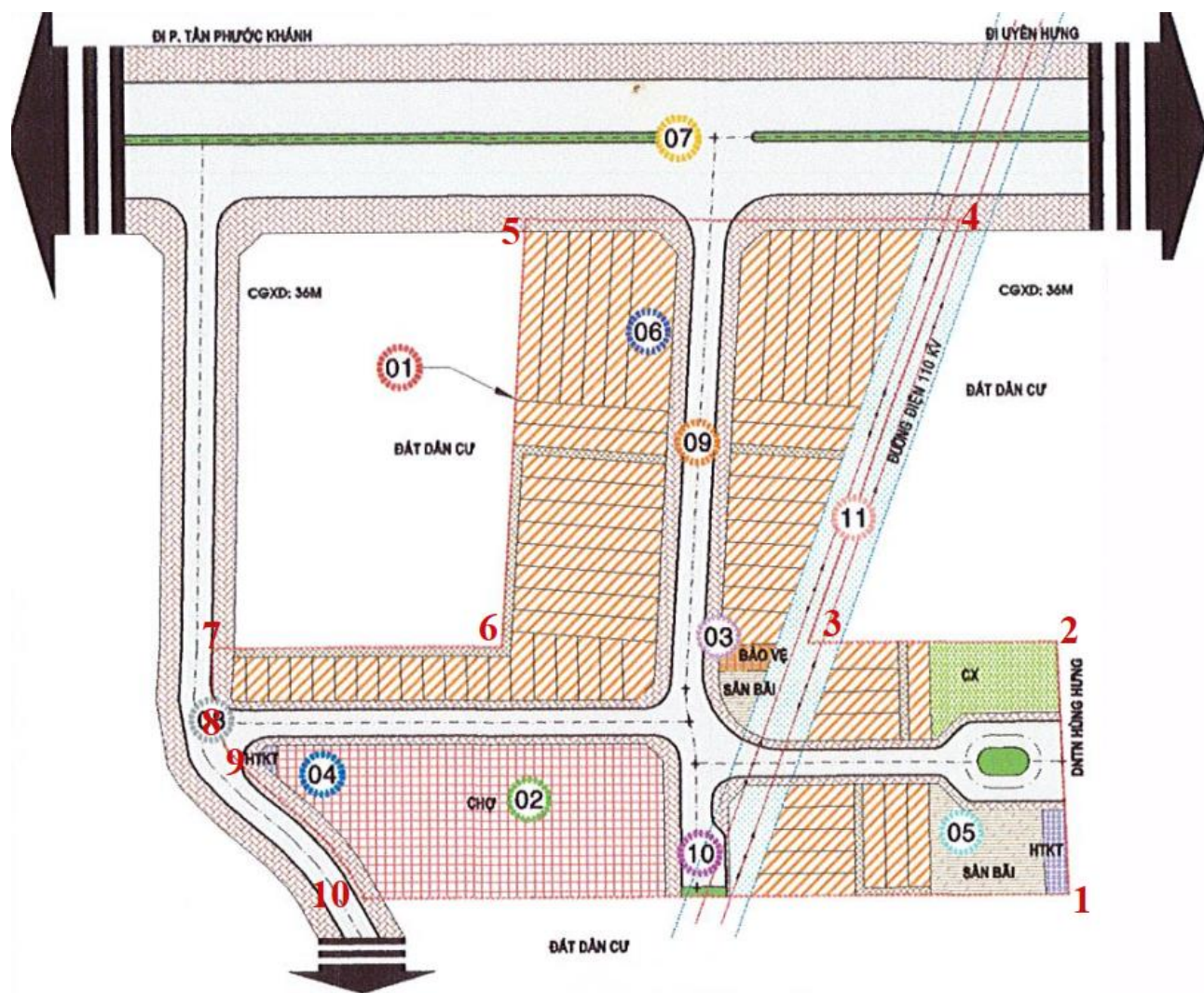
- Phía Nam: Giáp đất dân cư hiện hữu.
- Phía Tây: Giáp đất dân cư và đường Khánh Bình 26
- Phía Đông: Giáp với nhà máy giấy Hùng Hưng và đất dân cư.

Tọa độ góc ranh của dự án như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ góc ranh của khu đất cơ sở (VN-2000)

Mốc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
1	12.21.959	06.09.407
2	12.22.016	06.09.405
3	12.22.016	06.09.348
4	12.22.111	06.09.384
5	12.22.112	06.09.285
6	12.22.015	06.09.279
7	12.22.015	06.09.213
8	12.22.004	06.09.213
9	12.21.993	06.09.216
10	12.21.958	06.09.247

(Nguồn: Bản đồ trích lục địa chính dự án chợ và khu phố chợ Khánh Bình (chợ Quang Vinh 1) của Công ty TNHH Quang Vinh)



Hình 1. 1. Vị trí tọa độ ranh góc dự án

– Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các giấy phép có liên quan đến môi trường phê duyệt của dự án:

+ Văn bản số 2833/UBND-KTTH ngày 5/6/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư chợ tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (với diện tích 4.500 m²).

+ Văn bản số 4334/UBND-KTTH ngày 22/8/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc mở rộng địa điểm đầu tư xây dựng chợ tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên.

+ Văn bản số 5654/UBND-KTTH ngày 01/11/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đầu tư xây dựng mở rộng dự án khu phố chợ tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên.

+ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của UBND huyện Tân Uyên về việc ban hành quy chế quản lý xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 4 – xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Quy chế quản lý xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của UBND huyện Tân Uyên.

+ Văn bản số 422/KTKT/2013 ngày 20/08/2013 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV về việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa bảo đường ĐT746.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00184 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Quyết định số 2036/QĐ-UBND, ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh Bình Dương cho phép Công ty TNHH Quang Vinh gia hạn tiến độ sử dụng đất với thời hạn gia hạn là 24 tháng (kể từ ngày ký quyết định).

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3700586880 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp.

+ Văn bản số 252/TD-PCCC ngày 03/5/2018 của cảnh sát PCCC Bình Dương về việc chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Văn bản số 453/TD-PCCC ngày 06/07/2020 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Bình Dương về việc chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC Chợ quang Vinh 1 của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Văn bản số 721/PC07-CTPC ngày 24/11/2020 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an tỉnh Bình Dương về việc nghiệm thu PCCC của chợ Quang Vinh 1.

– Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 05/10/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Văn bản số 573/STNMT – CCBVMT ngày 22/02/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Thông báo số 1140/STNMT-CCBVMT ngày 03/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra, xác nhận công trình xử lý nước thải của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 77/GP-STNMT ngày 16/8/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

– Quy mô của cơ sở: Tổng vốn đầu tư của dự án là 3.323.967.000 VNĐ nên theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công thì quy mô dự án thuộc nhóm A.

– Với ngành nghề đầu tư là khu chợ và khu phố nên dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, dự án đầu tư thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

– Căn cứ vào mục số 2, phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cơ sở “*Chợ và khu phố chợ Khánh Bình*” của Công ty TNHH Quang Vinh thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thẩm định và phê duyệt.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô chợ: 2.658,3 m².
- Quy mô khu phố chợ: 7.857,59 m², 65 hộ, khoảng 400 người.

Bảng 1. 2. Quy mô sử dụng đất của chợ và khu phố chợ Khánh Bình

Stt	Loại đất	Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất				Hệ số sử dụng đất	Mật độ XD tối đa (%)	Tầng cao XD (tầng)	Tỷ lệ (%)
		Diện tích (m ²)	Số thửa	Dân số (người)	Chỉ tiêu (m ² /ng)				
I	ĐẤT DÂN DỤNG	16.773,81			41,93				91,91
1	Đất ở (Khu phố chợ)	7.857,59	65	400	19,64			2-4	43,06
	Lô A1	3.013,00	16	98	7,53	≤ 3,0	≤ 74		
	Lô A2	2.435,04	17	105	6,09	≤ 3,5	≤ 88		
	Lô A3	1.088,51	19	117	2,72	≤ 4,0	≤ 100		
	Lô A4	490,09	5	31	1,23	≤ 3,6	≤ 90		
	Lô A5	830,94	8	49	2,08	≤ 3,6	≤ 89		
2	Đất thương mại dịch vụ (chợ)	2.658,30			6,65	≤ 1,2	≤ 60	1-2	14,57
3	Nhà bảo vệ	71,28			0,18	≤ 0,4	≤ 40	1	0,39
4	Đất cây xanh	493,38			1,23				2,70
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	572,74			1,43				3,14
	Hành lang kỹ thuật sau nhà	455,29			1,14				
	Trạm xử lý nước thải	99,00			0,25				
	Nhà chứa rác	18,46							
6	Đất giao thông	4.502,61			11,26				24,67
7	Đất sân bãi (đậu xe)	617,91			1,54				3,39
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	1.476,01							8,09
	Đất HLAT đường điện	1.476,01							8,09
	TỔNG CỘNG	18.249,82	65	400	45,62	≤ 1,6	≤ 45,3	3,60	100

(Nguồn: Thuyết minh tổng hợp đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình, 10/2016)

1.3.2. Công nghệ sản xuất, vận hành

Chợ và khu phố chợ Khánh Bình gồm các hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại 65 căn hộ (khoảng 400 người). Người dân mua đất và xây dựng nhà theo quy chế xây dựng chung của dự án.

Về hoạt động của khu chợ thì Công ty TNHH Quang Vinh xây dựng nhà lồng chợ có diện tích 2.658,3 m², chia ra làm 142 sạp, kiot cho các tiểu thương thuê lại.

Toàn bộ nước thải phát sinh của các tiểu thương trong chợ và của các hộ dân trong khu phố chợ Khánh Bình được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của khu phố chợ Khánh Bình và được xử lý đạt quy chuẩn xả ra môi trường. Việc quản lý và vận hành toàn bộ hệ thống xử lý nước thải do chủ đầu tư – Công ty TNHH Quang Vinh chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở khi đi vào hoạt động bao gồm 65 căn hộ (400 dân) diện tích 7.857,59 m² và khu nhà lồng chợ diện tích 2.658,3 m² được chia ra làm 142 sạp bán hàng. Cụ thể phân lô của khu phố chợ và các sạp của chợ như sau:

Bảng 1. 3. Danh mục các tiểu thương trong chợ

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	MẶT HÀNG	S.LƯỢNG	DIỆN TÍCH (m ²)	GHI CHÚ
1	PHẠM THỊ UYÊN PHƯƠNG	K-02	Bán sữa	1	15,5	
2	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	K-03	Mỹ phẩm	1	15,5	
3	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	K-04	Mỹ phẩm	1	15,5	
4		K-05		1	15,5	Chưa có người thuê
5	PHAN THỊ BÍCH THỦY	K-06	Bán sữa	1	15,5	
6		K-07		1	15,5	Chưa có người thuê
7		K-08		1	15,5	Chưa có người thuê
8	PHẠM THỊ ANH ĐÀO	K-09	Kim kẹp	1	15,5	
9	DƯƠNG HỒNG PHƯỢNG	K-10	Đồ gia dụng	1	15,5	
10	MAI XUÂN HIẾU	K-11	Đồ điện	1	15,5	
11	VŨ THỊ THÚY	K-12	Quần áo	1	15,5	
12	NGUYỄN THỊ HỒNG	K-13	Hộp xốp	1	15,5	
13		K-14		1	15,5	Chưa có người thuê
14		K-15		1	15,5	Chưa có người thuê
15		K-16		1	15,5	Chưa có người thuê
16		K-17		1	15,5	Chưa có người thuê

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở “**Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình (chợ Quang Vinh 1)**” (Tổng diện tích 18.249,82 m², trong đó: khu chợ 2.658,3 m², đất ở khu phố chợ 7.857,59 m² khoảng 400 người, diện tích còn lại làm hạ tầng, giao thông, cây xanh,...)

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	MẶT HÀNG	S.LƯỢNG	DIỆN TÍCH (m ²)	GHI CHÚ
17	NGUYỄN HỒNG THÚY	K-18	Mỹ phẩm	1	15,5	
18	NGUYỄN HỒNG THÚY	K-19	Mỹ phẩm	1	15,5	
19	LÊ THỊ HỒNG HOANH	K-20	Giày dép	1	15,2	
20		K-21		1	15,2	Chưa có người thuê
21	HỒ THỊ THANH TÙNG	K-22	Mỹ phẩm	1	15,2	
22	HỒ THỊ THANH TÙNG	K-23	Giày dép	1	15,1	
23	HỒ THỊ THANH TÙNG	K-24	Mỹ phẩm	1	15,1	
24		K-25		1	15	Chưa có người thuê
25	DOÃN VĂN HƯỜNG	K-26	Giày dép	1	15	
26	DOÃN VĂN HƯỜNG	K-27	Quần áo	1	15	
27		K-28		1	15	Chưa có người thuê
28	PHAN THỊ KIM TUYỀN	K-29	Quần áo	1	7,9	
29	TRẦN THỊ HIỀN	K-30	Quần áo	1	11,4	
30	LÊ THỊ ANH	K-31	Kim kẹp	1	11,4	
31	NGUYỄN THỊ HẰNG	K-32	Giày dép	1	11,4	
32	HUỲNH THỊ KIM HIỀN	K-33	Giày dép	1	11,4	
33	HUỲNH THỊ KIM HIỀN	K-34	Giày dép	1	11,4	
34	HỒ THỊ THANH TÙNG	K-35	Mỹ phẩm	1	11,4	
35	LÊ THỊ HỒNG HOANH	K-36. 37	Giày dép	2	22,8	Kiot cặp
36	NGUYỄN HỒNG THÚY	K-38. 39	Mỹ phẩm	2	22,8	Kiot cặp
37	LÊ THỊ THƯƠNG	K-40	Giày dép	1	11,4	
38	LÊ THỊ THƯƠNG	K-41	Giày dép	1	11,4	
39	TRƯƠNG THỊ TRÌNH	K-42	Giày dép	1	11,4	
40	TRƯƠNG THỊ TRÌNH	K-43	Quần áo	1	11,4	
41	NGUYỄN THỊ HỒNG	K-44	HỘP XÓP	1	11,4	
42	VŨ THỊ THÚY	K-45	Quần áo	1	11,4	
43	NGUYỄN THỊ THANH DUYÊN	K-46	Quần áo	1	11,4	
44		K-47		1	11,4	Chưa có người thuê
45		K-48		1	11,4	Chưa có người thuê
46		K-49		1	11,4	Chưa có người thuê
47		K-50		1	11,4	Chưa có người thuê
48	TRƯƠNG THỊ DIỄM CHI	K-51	Quần áo	1	11,4	
49	TRƯƠNG THỊ DIỄM CHI	K-52	Quần áo	1	11,4	
50	TRƯƠNG THỊ DIỄM CHI	K-53	Quần áo	1	11,4	
51	VÕ VĂN VINH	K-54	Quần áo	1	11,4	
52	VÕ VĂN VINH	K-55	Quần áo	1	11,4	
53		K-56		1	12,1	Chưa có người thuê
54	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	K-57	Quần áo	1	16,6	
55	NGUYỄN THANH HẢI	K-58	Quần áo	1	16,6	
56	VÕ VĂN VINH	K-59	Quần áo	1	16,6	
57	VÕ VĂN VINH	K-60	Quần áo	1	16,6	
58	NGUYỄN THỊ TÂM	K-61	Quần áo	1	16,6	
59	NGUYỄN THỊ TÂM	K-62	Quần áo	1	16,6	
60	TRẦN ANH CAO	K-63	Quần áo	1	16,6	
61	TRẦN ANH CAO	K-64	Quần áo	1	16,6	
62	LÊ THỊ KIM HỒNG	K-65	Quần áo	1	16,6	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở “**Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình (chợ Quang Vinh 1)**” (Tổng diện tích 18.249,82 m², trong đó: khu chợ 2.658,3 m², đất ở khu phố chợ 7.857,59 m² khoảng 400 người, diện tích còn lại làm hạ tầng, giao thông, cây xanh,...)

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	MẶT HÀNG	S.LƯỢNG	DIỆN TÍCH (m ²)	GHI CHÚ
63	LÊ THỊ KIM HỒNG	K-66	Quần áo	1	16,6	
64	NGUYỄN THỊ KHUYẾN	K-67	Quần áo	1	16,6	
65	PHẠM SƠN HÙNG	K-68	Quần áo	1	16,6	
66	TRẦN THỊ NHÁNH	K-69	Quần áo	1	16,6	
67	TRẦN THỊ NHÁNH	K-70	Quần áo	1	16,6	
68	PHẠM HUY CƯỜNG	K-71	Quần áo	1	16,6	
69	PHẠM HUY CƯỜNG	K-72	Quần áo	1	16,6	
70	NGUYỄN THỊ HẰNG	K-73	Quần áo	1	16,6	
71	PHẠM THỊ NHƯ VÀ	K-74	Quần áo	1	16,6	
72	VŨ THỊ THÚY	K-75	Quần áo	1	16,6	
73	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	K-76	Quần áo	1	16,6	
74	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	K-77	Quần áo	1	16,6	
75	LÂM VĂN TRÍ	K-78	Quần áo	1	16,6	
76	DƯƠNG NGỌC KIÊN	K-79	Quần áo	1	16,6	
77	DƯƠNG NGỌC KIÊN	K-80	Quần áo	1	16,6	
78	DƯƠNG NGỌC KIÊN	K-81	Quần áo	1	10,4	
79		S-20		1	6,1	Chưa có người thuê
80		S-21		1	6,1	Chưa có người thuê
81	NGUYỄN THỊ NGÓ	S-22	Hàng cá	1	6,1	
82	PHẠM VĂN NAM	S-23	Hàng cá	1	6,1	
83	PHẠM VĂN NAM	S-24	Hàng cá	1	6,1	
84	ĐẶNG VĂN DƯƠNG	S-25	Hàng cá	1	6,1	
85		S-26		1	6,1	
86	NGUYỄN ĐẮC ĐÔNG	S-27	Hàng cá	1	6,1	
87	PHẠM THỊ HUƠNG	S-28	Hàng cá	1	6,1	
88		S-29		1	2,4	Chưa có người thuê
89		S-30		1	2,4	Chưa có người thuê
90	NGUYỄN VĂN VŨ	S-31	Thịt heo	1	2,4	
91		S-32		1	2,4	Chưa có người thuê
92		S-33		1	2,4	Chưa có người thuê
93	TRỊNH DUY DŨNG	S-34	Thịt heo	1	2,4	
94	VŨ THỊ LÀNH	S-35	Thịt heo	1	2,4	
95	VŨ VĂN CƯỜNG	S-36	Thịt heo	1	2,4	
96		S-37		1	2,4	Chưa có người thuê
97	MAI THỊ VĂN	S-38	Thịt heo	1	2,4	
98	BÙI VĂN TUẤN	S-39	Thịt heo	1	2,4	
99	ĐOÀN THỊ CÚC	S-40	Thịt heo	1	2,4	
100	PHAN THỊ LINH	S-41	Thịt heo	1	2,4	
101		S-42		1	2,4	Chưa có người thuê
102		S-43		1	2,4	Chưa có người thuê
103		S-44		1	2,4	Chưa có người thuê
104	ĐOÀN THỊ VÂN	S-45	Thịt bò	1	2,4	
105		S-46		1	2,4	Chưa có người thuê
106	NGUYỄN THỊ THANH	S-47	Thịt gà	1	2,4	
107	NGUYỄN VĂN ĐOẠT	S-48	Thịt gà	1	2,4	
108		S-49		1	2,4	Chưa có người thuê
109		S-50		1	2,4	Chưa có người thuê

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở “**Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình (chợ Quang Vinh 1)**” (Tổng diện tích 18.249,82 m², trong đó: khu chợ 2.658,3 m², đất ở khu phố chợ 7.857,59 m² khoảng 400 người, diện tích còn lại làm hạ tầng, giao thông, cây xanh,...)

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ	MẶT HÀNG	S.LƯỢNG	DIỆN TÍCH (m ²)	GHI CHÚ
110		S-51		1	2,4	Chưa có người thuê
111	LÊ THỊ NĂM	S-52	Thịt gà	1	2,4	
112		S-53		1	2,4	
113		S-54		1	2,4	
114		S-55		1	2,4	
115		S-56		1	2,4	
116	NGUYỄN QUANG LẬP	S-59	Hàng cá	1	6,8	
117		S-60		1	6,8	Chưa có người thuê
118	NGUYỄN THỊ NGÓ	S-61	Hàng cá	1	6,8	
119	NGUYỄN VĂN CHÀ	S-62	Hàng cá	1	6,8	
120	NGUYỄN VĂN CHÀ	S-63	Hàng cá	1	6,8	
121	NGUYỄN NGỌC SƠN	S-64	Hàng cá	1	6,8	
122		S-65		1	6,8	Chưa có người thuê
123		S-66		1	6,2	Chưa có người thuê
124		S-67		1	6,3	Chưa có người thuê
125		S-68		1	2,2	
126	NGUYỄN THỊ LAN ANH	S-69	Đậu hủ	1	2,2	
127		S-70		1	2,2	Chưa có người thuê
128	TRẦN ĐỨC KIỀU	S-71	Chả giò	1	2,2	
129	TRẦN VĂN HIỂN	S-72	Bán bún	1	2,2	
130		S-73		1	2,2	Chưa có người thuê
131		S-74		1	2,2	Chưa có người thuê
132		S-75		1	2,2	Chưa có người thuê
133		S-76		1	2,2	Chưa có người thuê
134	ĐỖ ĐÌNH HẢI	S-77	Bán bún	1	2,2	
135	LÊ VĂN TUÂN	S-78	Chả giò	1	2,2	
136		S-79		1	2,2	Chưa có người thuê
137	BÙI VĂN LỊCH	S-80	Khô, trứng	1	2,2	
138	BÙI VĂN LỊCH	S-81	Khô trứng	1	2,2	
139		S-82		1	9,8	Chưa có người thuê
140	LƯƠNG THỊ HUẾ	S-92	Trái cây	1	11,9	
	TỔNG CỘNG			142	1.374,7	

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Bảng 1. 4. Bảng thống kê chi tiết các lô và thửa đất xây dựng

Hạng mục	Ký hiệu lô	Tên thửa	Số thửa	MĐXD từng thửa (%)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao XD (tầng)	Diện tích (m ²)	Diện tích lô (m ²)	Dân số
NHÀ PHỐ LIỀN KÈ	A1 (16 Thửa)	1	1	71	≤ 74	2-4	190,16	3.013	98
		2	1	71			192,4		
		3	1	71			194,32		
		4	1	70			196,24		
		5	1	71			190,22		
		6	1	51			389,44		
		7	1	73			174,14		
		8	1	73			174,18		

		9	1	74			163,39		
		10	1	74			163,56		
		11	1	74			163,73		
		12	1	74			163,9		
		13	1	74			164,07		
		14	1	74			164,24		
		15	1	74			164,42		
		16	1	74			164,59		
NHÀ PHỐ LIỀN KÈ	A2 (17 thửa)	1	1	68	≤ 88	2-4	223,24	2.435,04	105
		2	1	71			192,32		
		3	1	71			194,02		
		4	1	70			195,32		
		5	1	70			197,01		
		6	1	71			190,35		
		7	1	74			156,45		
		8	1	76			140,64		
		9	1	77			133,23		
		10	1	78			122,83		
		11	1	78			115,42		
		12	1	79			108,01		
		13	1	80			100,6		
		14	1	83			93,19		
		15	1	86			86,21		
		16	1	88			79,07		
		17	1	79			107,12		
NHÀ PHỐ LIỀN KÈ	A3 (19 thửa)	1	1	100	≤ 100	2-4	29,62	1.088,51	117
		2	1	100			50		
		3	1	100			50		
		4	1	100			49,6		
		5	1	100			50		
		6	1	100			50		
		7	1	100			50		
		8	1	100			50		
		9	1	100			50		
		10	1	100			50		
		11	1	100			50		
		12	1	100			50		
		13	1	100			50,03		
		14	1	88			80,42		
		15	1	90			75,58		
		16	1	91			72,65		
		17	1	91			72,14		
		18	1	92			68,8		
		19	1	84			89,66		
NHÀ PHỐ LIỀN KÈ	A4 (05 thửa)	1	1	78	≤ 90	2-4	121,99	490,09	31
		2	1	84			91,15		

		3	1	87			81,6		
		4	1	86			85,41		
		5	1	79			109,95		
NHÀ PHỐ LIỀN KÈ	A5 (08 thửa)	1	1	89	≤ 89	2-4	77,54	830,94	49
		2	1	85			86,89		
		3	1	82			96,23		
		4	1	79			105,58		
		5	1	79			114,92		
		6	1	78			116,66		
		7	1	78			116,59		
		8	1	78			116,53		
Tổng cộng			65				7857,59	7857,59	400

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án

Đối với loại hình hoạt động chợ thì trong quá trình hoạt động sẽ có các hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa phục vụ cho nhu cầu cuộc sống con người.

Riêng đối với khu dân cư (ngoài dân cư thì có khu ngân hàng và quán cơm, café) thì trong quá trình hoạt động chủ yếu có các loại thức ăn uống hàng ngày, giấy vệ sinh, nước lau sàn, rửa chén, giấy in, mực in sử dụng cho loại hình dịch vụ ngân hàng, nhớt xe máy, bình xịt côn trùng,...

Quá trình hoạt động của chủ hạ tầng dự án chủ yếu sử dụng hóa chất xử lý nước thải, các nguyên vật liệu cho văn phòng như: giấy vệ sinh, nước lau sàn, giấy in, mực máy in, máy photo, pin đồng hồ, clorin khử trùng, dinh dưỡng cấp cho xử lý nước thải. Nhu cầu sử dụng hầu như không cố định. Sau đây chúng tôi chỉ thống kê 1 số loại nguyên vật liệu, hóa chất tiêu biểu thường xuyên sử dụng trong quá trình hoạt động:

Bảng 1.5. Nguyên vật liệu, hóa chất của cơ sở

TT	Tên nguyên vật liệu, hóa chất	Đơn vị/năm	Số lượng sử dụng	
			Hiện nay	Tối đa cấp phép MT
1	Giấy vệ sinh (lộc 12 cuộn)	Lộc	456	600
2	Nước lau sàn	Lít	400	506
3	Nước rửa chén, bát	Lít	700	930
4	Giấy in A4-A5 các loại	Thùng	60	60

5	Hộp mực máy in	Hộp	10	16
6	Chai xịt côn trùng	Chai	192	195
7	Nhớt động cơ xe máy, oto	Lít	240	400
8	Pin	Kg	2	3
9	Clorrin 70% khử trùng nước thải	Lít	180	260
10	Mật ri đường xử lý nước thải	Kg	80	Lượng sử dụng tùy thực tế vi sinh hoạt động
11	Chế phẩm vi sinh khử mùi khu tập kết rác	Lít	12	12

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và nhu cầu sử dụng của Công ty

1.4.2.1. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng

– *Nguồn cung cấp điện:* Nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch lấy từ lưới điện quốc gia qua đường dây trung thế 22kV trên đường ĐT 746.

– Mạng lưới điện phân phối cho các lô nhà dùng điện bố trí dọc theo các trục đường chính phân phối đi dọc đến các hộ liên tục.

– Tuyến điện trung thế đi nổi sử dụng cáp AsEV (P: 3x70mm²+N: 1x50mm²).

– Tuyến điện hạ thế đi nổi sử dụng cáp ABC 4x120mm² và cáp ABC 4x95mm².

– Mạng lưới chiếu sáng đi nổi trên trụ điện hạ thế, sử dụng cáp ABC 4x16mm² và bộ đèn cao áp 150W/220V.

– *Trạm biến áp:* Cơ sở bố trí 01 trạm biến áp 3 pha với công suất 250 kVA/trạm.

– *Nhu cầu tiêu thụ điện:* Đối với khu dân cư thì các hộ dân tự ký hợp đồng và mua bán điện với đơn vị cấp điện qua đồng hồ riêng. Đối với chợ thì Chủ đầu tư gắn đồng hồ điện riêng và chịu trách nhiệm thanh toán với cơ quan nhà nước. Theo số liệu thống kê từ đồng hồ điện thì nhu cầu sử dụng điện của chợ hiện nay là 13.620 kWh/tháng (hóa đơn tiền điện sử dụng 5 tháng đầu năm 2024 đính kèm phụ lục báo cáo), nhu cầu sử dụng điện khi cơ sở hoạt động tối đa khoảng 2.965 kW/tháng.

1.4.2.2. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng

• *Nguồn cung cấp:* Nguồn cấp nước cho quá trình hoạt động của chợ và khu phố chợ Khánh Bình được lấy từ tuyến công cấp nước D100 hiện hữu trên đường ĐT 746.

• *Mục đích sử dụng nước:* Sinh hoạt, tưới cây, PCCC.

• *Nhu cầu sử dụng:* Đối với các hộ dân thuộc khu phố chợ thì mỗi căn hộ có đồng hồ nước riêng, tự ký hợp đồng và thanh toán với công ty cấp nước. Riêng khu chợ thì Công ty TNHH Quang Vinh chịu trách nhiệm gắn đồng hồ nước cấp và thanh toán cho đơn vị cấp nước. Do vậy, dựa vào hóa đơn tiền nước sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2024 cho thấy nhu cầu sử dụng nước của chợ hiện nay trung bình khoảng 37,9 m³/ngày, ngày lớn nhất là 57,3 m³/ngày và ngày nhỏ nhất là 21,6 m³/ngày (*hóa đơn tiền nước sử dụng được đính kèm phụ lục báo cáo*). Dự kiến khi đi vào hoạt động tối đa thì lượng nước sử dụng khoảng cho cơ sở được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của chợ và khu phố chợ Khánh Bình

Stt	Hạng mục sử dụng	Quy mô		Định mức sử dụng	Lưu lượng sử dụng (m³/ngày)		Lưu lượng xả thải (m³/ngày)	
		Hiện hữu	Tối đa		Hiện hữu	Tối đa	Hiện hữu	Tối đa
1	Nước cấp cho sinh hoạt khu phố chợ (dân cư)	256 người	400 người	150 lít/người	38,4	60	38,4	60
2	Nước cấp cho nhà lồng chợ	Thực tế từ đồng hồ theo dõi nước cấp			30	50	30	50
3	Nước cấp cho WC chợ	Thực tế từ đồng hồ theo dõi nước cấp			7,9	10	7,9	10
4	Nước tưới cây, rửa đường	493,38 m²		3 lít/m²/lần tưới	3		0	
5	Nước PCCC	Không thường xuyên, chỉ sử dụng khi có sự cố cháy					0	
	Tổng cộng				79,3	123	76,3	120

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Ghi chú: Công ty bố trí bể ngầm thể tích 380 m³ để chứa nước phục vụ cho PCCC, sinh hoạt.

Lượng nước chữa cháy đảm bảo dập tắt 02 đám cháy xảy ra đồng thời với lưu lượng q=15 l/s, trong khoảng thời gian 3 giờ. Tương đương 324 m³/h (Theo QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình).

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

1.5.1. Tình hình hoạt động hiện nay của chợ và khu phố chợ Khánh Bình

Hiện nay 65 thửa đất thuộc khu phố chợ Khánh Bình thì dân cư đã sinh sống lấp đầy, tuy nhiên dân số chỉ khoảng 256 người (theo quy hoạch thì có 400 người).

Đối với khu chợ thì có 94 tiểu thương bán hàng (chiếm 1.055,3 m²) trong tổng số 142 sạp bán hàng quy hoạch (có tổng diện tích 1.374,7 m²).

1.5.2. Tổng mức đầu tư của cơ sở:

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 3.323.967.000 VNĐ. Trong đó chi phí đầu tư các hạng mục công trình như sau:

- Hệ thống giao thông: 1.410.440.000 VNĐ
- Hệ thống thoát nước mưa: 392.920.000 VNĐ
- Hệ thống thoát và xử lý nước thải: 456.940.000 VNĐ
- Hệ thống cấp nước: 240.317.000 VNĐ
- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng: 746.350.000 VNĐ
- Hệ thống thông tin liên lạc: 77.000.000 VNĐ

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Theo quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Dương thì ngành nghề và vị trí hoạt động của công ty phù hợp với quy hoạch của tỉnh cũng như phân vùng môi trường. Bởi vì vị trí của Công ty tọa lạc tại thành phố Tân Uyên thuộc vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, Công ty phải đầu tư các công trình bảo vệ môi trường nhằm xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

Ngoài ra, để đánh giá tính phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án thì phải xét đến các khía cạnh phù hợp về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

- Về điều kiện tự nhiên: cơ sở nằm tại phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi: đất đai bằng phẳng; Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và được chia làm hai mùa rõ rệt (mùa mưa và mùa khô). Bình Dương là tỉnh có hệ thống sông, suối tương đối nhiều, thuận lợi cho việc thoát nước,... Cách cơ sở khoảng 1,9 km về phía Tây có suối Cái, đây là nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của dự án. Nước từ suối Cái chảy ra sông Đồng Nai, khoảng cách từ giao điểm suối Cái với sông Đồng Nai tới giao điểm suối Cái với đường ĐT 746 khoảng 4km đi xen kẽ qua các khu dân cư.

- Về điều kiện kinh tế - xã hội: cơ sở nằm trên trục đường chính ĐT 746 là tuyến đường chính kết nối khu vực với huyện Bắc Tân Uyên và thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Thuận An, Dĩ An. Kế bên cơ sở là KCN Nam Tân Uyên...; tất cả đã tạo nên sự thuận lợi cho thông thương, giao lưu phát triển kinh tế.

- Về mặt môi trường: Đặc thù cơ sở hoạt động về loại hình khu dân cư và chợ nên nguồn ô nhiễm chính của cơ sở là nước thải sinh hoạt, nước thải từ các tiểu

thương bán cá, thịt trong chợ và chất thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên, về nước thải thì công ty xây dựng hệ thống thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả ra suối Cái, cuối cùng dẫn ra sông Đồng Nai. Đối với chất thải rắn sinh hoạt thì trong khu vực có xí nghiệp xử lý chất thải thuộc Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương, ... Như vậy xét về yếu tố môi trường thì vị trí hoạt động của cơ sở thuận lợi và phù hợp.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông suối:

Nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép được xả ra tuyến cống thoát nước chung → suối Cái → sông Đồng Nai. Như vậy: nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của dự án là sông Đồng Nai.

Do vậy, đối với dự án này chúng tôi sẽ đánh giá khả năng tiếp nhận của sông Đồng Nai và suối Cái. Việc đánh giá được xét cả về nồng độ chất ô nhiễm và lưu lượng.

a) Đánh giá khả năng tiếp nhận về nồng độ chất ô nhiễm đối với sông Đồng Nai:

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải theo hướng dẫn tại thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, và Điều 82 của Thông tư 02:2022/TT-BTNMT. Cụ thể của phương pháp gián tiếp như sau:

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

+ L_{tn} (kg/ngày) là khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm;

+ L_{td} tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông tính toán, đơn vị là kg/ngày;

+ L_{nn} tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông tính toán, đơn vị là kg/ngày;

+ L_{tt} tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải; đơn vị là kg/ngày;

+ F_s là hệ số an toàn.

+ NP_{td} : tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị là kg/ngày.

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Tải lượng tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = C_{qc} * Q_s * 86,4$$

Trong đó:

+ C_{qc} (mg/l) là giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông; Do nguồn nước đang đánh giá sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có qua xử lý và các mục đích khác do đó giá trị C_{qc} được xác định tương ứng với mức A, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Q_s (m³/s) là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá; với sông Đồng Nai vào mùa khô thì $Q_s = 242$ m³/s (Số liệu được nêu tại mục 3.2 chương 3).

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 1. Bảng tải lượng ô nhiễm tối đa của Sông Đồng Nai

TT	CHỈ TIÊU	Q_s (m ³ /s)	C_{tc} (mg/l)	L_{td} (kg/ngày)
01	TSS	242	100	2.090.880
02	COD	242	15	313.632
03	Nitrit	242	0,05	1.045
04	Amoni	242	0,3	6.273
05	Tổng N	242	0,1	2.091

06	Tổng P	242	0,6	12.545
----	--------	-----	-----	--------

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$$

Trong đó:

+ Q_s : (m³/s) lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá; tương tự như trên, Q_s = 242 m³/s.

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

+ C_{nn} : (mg/l) kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt; tham khảo giá trị trung bình của kết quả phân tích chất lượng nước mặt sông Đồng Nai do Trung Tâm quan trắc – kỹ thuật môi trường thực hiện quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương, 3/2024.

Bảng 2. 2. Nồng độ chất ô nhiễm có trong nguồn nước mặt sông Đồng Nai tại vị trí họng thu nước nhà máy nước Tân Hiệp (vị trí gần dự án nhất so với tất cả các điểm quan trắc)

Stt	Thông số	Thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người													Trung bình	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2)
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3		
		2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2024	2024	2024		
1	Amoni	0,01	0,02	0,01	0,01	0,1	0,01	0,16	0,01	0,45	0,01	0,08	0,52	0,01	0,12	0,3
2	Nitrit	0,004	0,014	0,04	0,033	0,014	0,044	0,028	0,01	0,043	0,015	0,019	0,026	0,01	0,03	0,05
3	Fe	0,13	0,13	0,18	0,07	0,71	0,39	0,62	0,68	0,48	0,03	0,06	0,16	0,01	0,30	0,5
4	pH	7	6,8	6,9	7	6,9	6,7	6,6	6,3	6,7	6,4	6,6	6,5	6,6	6,69	6,5-8,5
5	COD	6	6	6	6	6	7	6	5	10	5	4	7	9	6,38	≤15
6	TSS	8	9	8	15	21	29	47	23	27	9	6	15	6	15,94	≤100
7	DO	5,8	6,2	6,1	6,3	5,6	5,5	6,4	6,2	5,3	5,2	5,9	5,5	5,8	5,83	>5
8	Coliform	2450	2100	3350	2450	2450	2450	2450	2100	2100	1300	1200	2200	1450	2,157	≤5000
9	Tổng N	-	-	-	-	-	-	3,29	4,8	2,74	2,2	1,9	1,39	1,54	2,55	≤0,1
10	Tổng P	-	-	-	-	-	-	0,06	0,04	0,14	0,01	0,01	0,01	0,01	0,04	≤0,6

(Nguồn: Báo cáo quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Trung tâm quan trắc kỹ thuật môi trường Bình Dương, 3/2024)

Bảng 2. 3. Bảng tải lượng ô nhiễm có trong nguồn nước mặt sông Đồng Nai

TT	CHỈ TIÊU	Q_s , (m ³ /s)	C_{nn} (mg/l)	L_{nn} (kg/ngày)
01	TSS	242	15,94	333.286

02	COD	242	6,38	133.398
03	Nitrit	242	0,03	627
04	Amoni	242	0,12	2.509
05	Tổng N	242	2,55	53.317
06	Tổng P	242	0,04	836

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt}):

Tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải:

$$L_{tt} = L_t + L_d + L_n$$

Trong đó: Các giá trị L_d và L_n được xác định trên cơ sở xem xét gộp dựa vào phương trình cân bằng vật chất $L_d + L_n + LB - NP = L_y - L_{y0}$, với sông Đồng Nai tạm tính LB, NP, L_y, L_{y0} có giá trị bằng 0 nên $L_d + L_n = 0 \Rightarrow L_{tt} = L_t$

Tải lượng ô nhiễm của một chất ô nhiễm cụ thể từ nguồn xả thải đưa vào nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức:

$$L_t = Q_t * C_t * 86,4$$

Trong đó:

+ Q_t (m³/s) lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông; Theo công suất xây dựng tối đa của hệ thống là 160 m³/ngày.đêm = 0,0018 m³/s.

+ C_t (mg/l) kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông; Theo số liệu quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của công ty do Trung tâm quan trắc kỹ thuật – môi trường Bình Dương phân tích tháng 1/2024 đến nay cho giá trị trung bình như sau: $C_{TSS} = 28,9$ mg/l và $C_{amoni} = 1,87$ mg/l.

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 4. Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải đưa vào nước mặt sông Đồng Nai

TT	CHỈ TIÊU	Q_t (m ³ /s)	C_t (mg/l)	L_t (kg/ngày)
01	TSS	0,0018	28,9	4,49
02	COD	0,0018	-	-
03	Nitrit	0,0018	-	-
04	Amoni	0,0018	1,87	0,29

05	Tổng N	0,0018	-	-
06	Tổng P	0,0018	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Khả năng tiếp nhận nước thải

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức gián tiếp:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$$

F_s : là hệ số an toàn có giá trị trong khoảng $0,3 < F_s < 0,7$. Chọn $F_s = 0,4$ do có nhiều yếu tố không thể định lượng như việc khai thác, sử dụng nước ở sông Đồng Nai hàng ngày phải tiếp nhận một khối lượng lớn nước thải từ các nguồn khác nhau như các KCN, các cơ sở sản xuất ngoài KCN, ... nên các yếu tố không chắc chắn lớn và nguy cơ rủi ro cao do đó chọn hệ số an toàn thấp.

NP_{td} chọn bằng 0 do không xác định chính xác được lượng chất ô nhiễm mất đi do quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông.

Bảng 2. 5. Khả năng tiếp nhận của sông Đồng Nai sau khi tiếp nhận nước thải của dự án

TT	CHỈ TIÊU	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
01	TSS	2.090.880	333.286	4,49	703.035
02	COD	313.632	133.398	-	-
03	Nitrit	1.045	627	-	-
04	Amoni	6.273	2.509	0,29	1.505
05	Tổng N	2.091	53.317	-	-
06	Tổng P	12.545	836	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Nhận xét: Như vậy qua bảng số liệu tính toán trên cho thấy sông Đồng Nai vẫn còn đủ khả năng tiếp nhận các thông số ô nhiễm chính sử dụng tính toán. Nhìn chung hiện nay chất lượng nước sông Đồng Nai tương đối tốt nhờ việc ý thức cao trong công tác bảo vệ môi trường của từng cá nhân và công tác tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ các nguồn thải trước khi xả vào môi trường của nhân dân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) *Đánh giá khả năng tiếp nhận về nồng độ chất ô nhiễm đối với suối Cái:*

Việc đánh giá khả năng tiếp nhận về nồng độ chất ô nhiễm đối với suối Cái được thực hiện tương tự như đối với sông Đồng Nai. Với dữ liệu đầu vào để tính toán như sau:

C_{qc} (mg/l) được xác định tương ứng với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT. $C_{TSS} = 100$ mg/l; $C_{BOD5} = 6$ mg/l; $C_{COD} = 15$ mg/l và $C_{amoni} = 0,3$ mg/l

Q_s (m³/s) là lưu lượng dòng chảy: Đối với suối Cái thì không có số liệu tham khảo từ các đề tài nghiên cứu, công ty Lâm Anh đã tiến hành đo đạc bằng phương pháp xác định vận tốc dòng chảy và tiết diện mặt cắt ngang của 1 sới vị trí trên suối Cái cho giá trị lưu lượng từ 2,1-3,2 m³/s.

C_{nn} : (mg/l) kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt; tham khảo giá trị trung bình của kết quả phân tích chất lượng nước mặt suối Cái do Trung Tâm quan trắc – kỹ thuật môi trường thực hiện quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương, 3/2024.

Bảng 2. 6. Nồng độ chất ô nhiễm có trong nguồn nước mặt suối Cái tại cầu Bến Sắn

Stt	Thông số	Thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người													Trung bình	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2)
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3		
		2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2024	2024	2024		
1	Amoni	1,57	2,68	1,6	1,29	1,02	0,66	1,45	0,85	0,88	1,35	1,51	2,56	0,17	0,35	0,3
2	Nitrit	0,36	0,164	0,125	0,157	0,15	0,111	0,086	0,055	0,062	0,3	0,093	0,144	0,21	0,16	0,05
3	Fe	0,91	0,76	1,09	0,31	1,05	1,02	1,09	1,08	1,05	0,49	0,9	1,29	0,3	0,87	0,5
4	pH	7,2	6,6	7	6,9	6,6	6,9	6,2	6,7	6,7	6,8	6,8	6,7	6,6	6,75	6,5-8,5
5	COD	6	20	6	10	12	6	4	6	14	20	4	6	16	10	≤15
6	TSS	33	33	70	36	60	63	87	76	10	87	47	25	26	50,23	≤ 100
7	DO	3,4	5,5	3,4	4,2	4,5	4,3	4,2	3,4	4,2	2,5	3,9	2,8	3,1	3,80	>5
8	Coliform	2300	2300	3900	2100	2800	2800	2300	2100	1700	2400	2100	2400	1100	2.331	≤ 5000
9	Tổng N	-	-	-	-	-	-	7,55	6,8	3,62	5,5	5,6	9,4	5,56	6,29	≤ 0,1
10	Tổng P	-	-	-	-	-	-	0,23	0,13	0,2	0,18	0,19	0,11	0,3	0,19	≤ 0,6

(Nguồn: Báo cáo quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Trung tâm quan trắc kỹ thuật môi trường Bình Dương, 3/2024)

Bảng 2. 7. Khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của mương thoát nước sau khi tiếp nhận nước thải của dự án

TT	CHỈ TIÊU	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tm} (kg/ngày)
01	TSS	27.648	13.888	4,49	5.502
02	COD	4.147	2.765	-	-

03	Nitrit	14	44	-	-
04	Amoni	83	97	0,29	-5,76
05	Tổng N	28	1.739	-	-
06	Tổng P	166	53	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Nhận xét: Qua số liệu tính toán trên cho thấy suối Cái còn khả năng tiếp nhận các thông số ô nhiễm chính như TSS, COD, BOD₅, riêng thông số amoni thì không còn khả năng tiếp nhận.

c) Khả năng tiếp nhận lưu lượng:

Cơ sở đã đưa vào hoạt động từ năm 2006, trong thời gian hoạt động vừa qua cho thấy chất sông Đồng Nai và suối Cái vẫn đảm bảo khả năng thoát nước, không có tình trạng ngập úng.

2.2.2. Khả năng tiếp nhận khí thải của dự án:

Đối với loại hình hoạt động chợ và khu dân cư thì khí thải chủ yếu phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, mùi hôi thối từ quá trình phân hủy kỵ khí của chất thải rắn sinh hoạt, nước tồn đọng của những sạp tiểu thương bán cá, thịt; ngoài ra nguồn ô nhiễm không khí có nguồn gốc từ quá trình nấu chế biến thức ăn của khu dân cư.

Tuy nhiên nguồn ô nhiễm này không đáng quan tâm, chỉ cần áp dụng biện pháp quản lý chặt chẽ thì sẽ giảm nguồn ô nhiễm này. Do vậy, việc hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí khu vực.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

- Nguồn tiếp nhận: toàn bộ hệ thống thoát nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước trên đường ĐT 746.

- Giải pháp thiết kế:

+ Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng.

+ Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch được thu gom và thoát về phía bắc khu đất hướng ra đường ĐT 746.

+ Cống thoát nước của khu vực quy hoạch sử dụng loại cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn đường kính D500.

+ Tuyến cống thoát nước mưa D500 của dự án được đầu nối với tuyến cống thoát nước mưa hiện hữu D1000 trên đường ĐT 746.

(Bản vẽ quy hoạch thoát nước mưa được đính kèm phụ lục báo cáo)

Bảng 3.1. Hạng mục công trình của hệ thống thoát nước mưa

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
1	Cống BTCT D500mm	390	m
2	Gối cống BTCT D500mm	95	Cái
3	Hố ga BTCT D500mm	19	Cái

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:

a) Thu gom nước thải:

- Giải pháp thiết kế:

+ Khu vực thu gom là toàn bộ khu quy hoạch gồm chợ và khu phố chợ Khánh Bình.

- + Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế tách biệt với đường nước mưa
 - + Toàn bộ nước thải được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại ba ngăn trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của công ty.
 - + Tuyến cống thu gom nước thải là cống tròn HDPE D200mm
- (Bản vẽ quy hoạch thu gom và thoát nước thải được đính kèm phụ lục báo cáo)

Bảng 3.2. Hạng mục công trình của hệ thống thu gom nước thải

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
1	Cống HDPE D200mm	463	m
2	Hố ga (800x800)	21	Cái

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

b) Thoát nước thải:

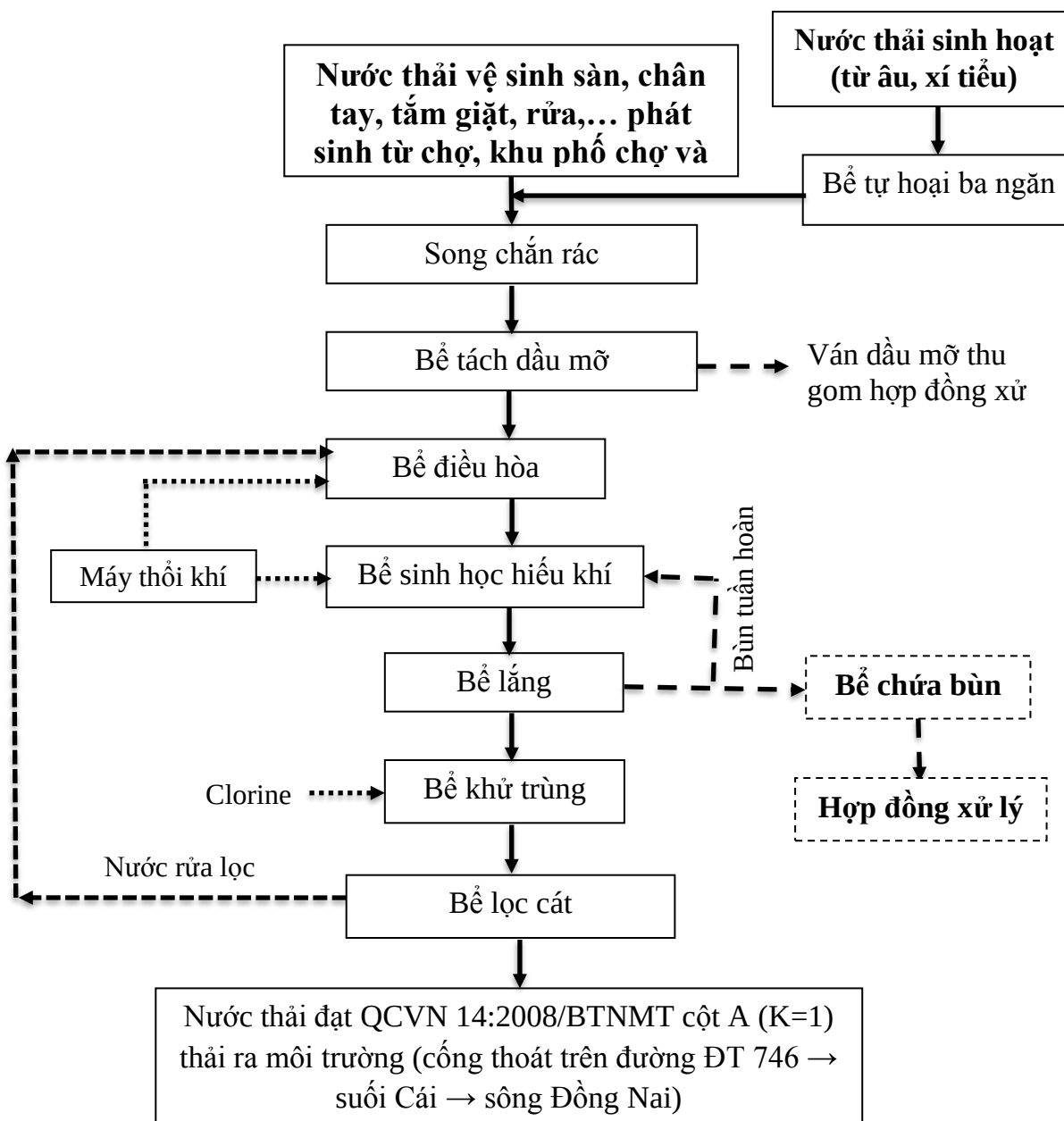
Nước thải sau xử lý được dẫn theo cống HDPE D200 dài 30m thoát ra tuyến cống thoát nước mưa trên đường số 3 của khu quy hoạch, từ đây nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A đi chung với đường nước mưa thoát ra đường ĐT 746, dẫn về suối Cái và cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai (phương án thoát nước được phê duyệt trong báo cáo ĐTM và quy hoạch 1/500).

3.1.3. Xử lý nước thải:

- Tiền xử lý nước thải sinh hoạt:
 - + Đối với khu chợ thì Công ty bố trí 1 nhà vệ sinh gồm có 2 bể tự hoại ba ngăn kích thước mỗi bể $D \times R \times C = 1,68 \times 1,44 \times 1,04 = 2,5 \text{ m}^3$.
 - + Đối với dân cư thuộc khu phố chợ Khánh Bình thì nhà dân tự xây dựng theo quy chế xây dựng chung. Mỗi căn hộ được bố trí 1 bể tự hoại ba ngăn để tiền xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của toàn khu quy hoạch.
- Xử lý nước thải sản xuất:

Hiện tại Công ty đã xây dựng 1 HTXL nước thải sinh hoạt, công suất 160 m³/ngày. Đơn vị thiết kế và thi công xây dựng là: Công ty TNHH kỹ thuật – Tổng hợp Lâm Anh.

Địa chỉ tại: số 23, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam, với quy trình công nghệ như sau:



Hình 3. 1. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty

Thuyết minh quy trình xử lý:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của các hộ kinh doanh trong chợ, cùng với nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại từ khu dân cư trong khu vực dự án sau khi qua song chắn rác sẽ được thu gom về hố thu gom để tách các tạp chất có kích thước lớn. Sau đó nước thải từ hố thu gom sẽ được bơm lên bể điều hòa.

Bể điều hòa có chức năng ổn định, điều hòa lưu lượng nước thải, đảm bảo an toàn cho các hạng mục phía sau, từ bể điều hòa nước thải tiếp tục được bơm qua bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm. Tại đây, quá trình xử lý sinh học được diễn ra nhờ các vi sinh vật hiếu khí. Quá trình xử lý diễn ra khi cho lớp vật liệu vi sinh bám dính (*dạng tổ ong*) đặt ngập trong bể. Ở bề mặt của vật liệu lọc và ở các khe hở giữa chúng các cặn bẩn được giữ lại và tạo thành màng – gọi là màng vi sinh. Lượng oxy cần thiết để oxy hóa các chất bẩn hữu cơ thâm nhập vào bể cùng với nước thải khi ta bơm và qua hệ thống phân phối khí ở đáy bể. Vi sinh hấp thụ chất hữu cơ và nhờ có oxy mà quá trình oxy hóa được thực hiện. Những màng vi sinh đã chết sẽ cùng với nước thải ra khỏi bể và được giữ lại ở bể lắng (*để đảm bảo vi sinh hoạt động tốt, cần duy trì tỷ lệ BOD : N : P = 100 : 5 : 1*). Hầu hết các chất ô nhiễm hữu cơ được sử dụng để duy trì sự sống của vi khuẩn tại bể sinh học này. Nước thải sau khi trải qua quá trình xử lý sinh học sẽ theo ống dẫn qua bể lắng (*lắng đứng vách nghiêng*).

Ở bể lắng, nước đi vào từ ống phân phối trung tâm, bùn được phân phối ở đáy và thu nước ở bề mặt bể. Quá trình hoạt động của bể là quá trình liên tục, bùn sinh ra trong quá trình lắng (bùn vi sinh) một phần được xả về bể chứa bùn và một phần tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí để duy trì nồng độ bùn trong bể hiếu khí đạt MSLVSS từ 3.000-3.500 mg/l.

Nước sau khi lắng sẽ tràn vào máng răng cưa và tự chảy sang bể khử trùng. Tại bể khử trùng một lượng Chlorine được châm vào nhằm tiêu diệt các vi trùng gây bệnh có trong nước thải. Cuối cùng nước thải từ bể khử trùng sẽ chảy qua bể lọc cát nhằm loại bỏ hoàn toàn hàm lượng cặn chưa lắng hết ở bể lắng và lượng cặn sinh ra do quá trình khử

trùng vi sinh. Nước thải sau khi qua bể lọc sẽ đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (k=1), trước khi thải ra đường thoát nước trên đường DT746.

– Về công tác xử lý bùn và cặn rác

+ Bùn vi sinh dưới đáy của bể lắng một phần bơm tuần hoàn trở về bể sinh học hiếu khí, một phần được bơm đến bể chứa bùn. Với thời gian lưu thích hợp, bùn được lắng xuống từ nồng độ 1 % lên 2 – 2,5 %, sau đó định kỳ được xe hút bùn đến hút đem đi xử lý theo đúng quy định. Nước dư từ bể chứa bùn được đưa về bể điều hòa để tiếp tục quá trình xử lý.

Một số hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của Công ty:



Hình 3. 2. Hình ảnh HTXL nước thải của Công ty

Bảng 3.3. Hạng mục công trình của HTXLNT công suất 160 m³/ngày

STT	Hạng Mục	Thông số kỹ thuật	ĐV	SL
-----	----------	-------------------	----	----

01	Hố thu gom kết hợp lắng cát;	– Đáy BT M200 dày 100mm; – Thành thả bi, mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 2,5m x 1,0m x 2,0m;	Bể	01
02	Bể tách dầu mỡ;	– Đáy BTCT M200 dày 150mm; – Thành xây gạch dày 200mm, tô vữa mặt trong M75 dày 2cm; – Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 4,0m x 2,0m x 3,7m;	Bể	1
03	Bể điều hòa	– Đáy BTCT M200 dày 150mm; – Thành xây gạch dày 200mm, tô vữa mặt trong M75 dày 2cm; – Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 4,0m x 4,0m x 3,7m;	Bể	1
04	Bể Aerotank	– Đáy, thành BTCT, M200 dày 2000mm; – Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 4,6m x 4,0m x 4,7m;	Bể	01
05	Bể lắng	– Đáy, thành BTCT, M200 dày 2000mm; – Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 2,5m x 2,5m x 4,7m;	Bể	01
06	Bể khử trùng + Lọc chậm	– Đáy BTCT M200 dày 150mm; – Thành xây gạch dày 200mm, tô vữa mặt trong M75 dày 2cm; – Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 1,9m x 1,0m x 1,5m;	Bể	01
07	Bể chứa bùn	– Đáy, thành BTCT, M200 dày 2000mm; – Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; – Kích thước: LxBxH: 1,9m x 1,3m x 4,7m;	Bể	01
08	Nhà điều hành	– Tường xây gạch dày 100mm; – Mái lợp tôn, nền tráng xi măng. – Diện tích (5m²);	Nhà	01

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Bảng 3.4. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước thải công suất 160 m³/ngày.đêm

STT	Tên máy móc thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐV	SL
I				
Hố Thu Gom Kết Hợp Lắng Cát				
01	- Song chắn rác thô	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước khe lược: 10 mm	bộ	01
02	- Bơm nước thải	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm; - Lưu lượng: Q = 8-10m ³ /h; - Cột áp: H = 6-8mH ₂ O; - Công suất: 1HP;	bộ	02
03	- Phao điện;	- Xuất xứ: Việt Nam	bộ	02
II				
Bể Điều Hòa				
01	- Đĩa thổi khí;	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí thô - Vật liệu: PVC cao cấp - Kích thước: D=110mm - Xuất xứ: Đài Loan	đĩa	16
02	- Bơm nước thải;	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm có xích treo; - Lưu lượng: Q = 8-10m ³ /h; - Cột áp: H = 6-8mH ₂ O; - Công suất: 1HP;	bộ	02
03	- Phao điện;	- Xuất xứ: Việt Nam	bộ	02
III				
Bể Aerotank				
01	- Máy thổi khí;	- Loại máy: Longtech –Taiwan hoặc tương đương - Lưu lượng: Q = 6,5-9m ³ /phút - Công suất: 5,HP	bộ	02
02	- Vật liệu vi sinh bám dính;	- Loại giá thể: Giá thể tổ ong - Vật liệu: PVC - Xuất xứ: Đài Loan;	m ³	24
03	- Đĩa phân phối khí;	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí tinh - Vật liệu: PVC cao cấp - Kích thước: D=270mm - Xuất xứ: Đài Loan	đĩa	24
04	- Giá đỡ vật liệu vi sinh bám dính;	- Vật liệu: Thép V43, phủ Epoxi	bộ	01
05	- Hệ thống lan	- Vật liệu: Thép CT3, phủ kẽm	bộ	01

STT	Tên máy móc thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐV	SL
	can, hành lang công tác			
IV	BỂ LẮNG			
01	- Bơm bùn;	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm - Lưu lượng: Q = 6m ³ /h - Cột áp: H = 6-8mH ₂ O - Công suất: 1HP	bộ	01
02	- Ống trung tâm;	- Inox 304, D = 400mm, H = 3,0m	bộ	01
03	- Giá đỡ ống trung tâm;	- Vật liệu: Thép V4, phủ Epoxi	bộ	01
04	- Tấm chắn dòng, máng răng cưa;	- Vật liệu: Inox 304, dày 0,8mm	bộ	01
05	- Hệ thống lan can, hành lang công tác	- Vật liệu: Thép CT3, phủ kẽm	bộ	01
V	BỂ KHỬ TRÙNG + LỌC CHẬM			
01	- Bồn chứa hóa chất;	- Vật liệu: PVC - Thể tích: V = 300 lít	bồn	01
02	- Bơm định lượng;	- Loại bơm: Bơm màng - Nhãn hiệu: Blue White - Lưu lượng: Q = 100lít/h - Xuất xứ: Mỹ	bộ	01
03	- Giá đỡ vật liệu lọc	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước khe lọc: 4 mm	bộ	01
04	- Lốp vật liệu lọc;	- Vật liệu lọc tổng hợp;	Mục c	01
VI	CÁC HẠNG MỤC VÀ THIẾT BỊ KHÁC			
01	- Hệ thống ống kỹ thuật thu gom, kết nối công trình;	- ống uPVC Bình Minh + phụ kiện	Hệ	01

STT	Tên máy móc thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐV	SL
02	– Hệ thống ống phân phối khí;	– Đường ống sắt tráng kẽm phân phối khí cho bể điều hòa và Aerotank;	Hệ	01
03	– Hệ thống điện động lực kết nối vận hành cho toàn công trình	– Linh kiện LG (Korea), dây điện CADIVI (VN) các loại 3 pha, 2 pha và các phụ kiện	Hệ	01
04	Tủ điện điều khiển tự động cho toàn công trình	Linh kiện điện LG (Korea), timer, các phụ kiện điện tử tự động	Tủ	01

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

c) Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng và định mức

Bảng 3.5. Thành phần và khối lượng hóa chất sử dụng xử lý nước thải

Stt	Tên hoá chất	Nhu cầu sử dụng hiện nay (kg/năm)	Nhu cầu xin cấp phép MT (kg/năm)
1	Clorin 70%	180	260
2	Mật rỉ đường	80	Không bổ sung thường xuyên, khi nào vi sinh yếu mới bổ sung
	Tổng cộng	260	260

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

d) Định mức tiêu hao năng lượng:

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ước tính định mức lượng điện tiêu hao để xử lý khoảng 220 Kwh/tháng, tương đương khoảng 3 Kwh/m³ nước thải.

e) Yêu cầu quy chuẩn nước thải đạt được sau xử lý

Nước thải sau xử lý của Công ty phải đạt quy chuẩn - QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) trước khi xả ra môi trường.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Loại hình dự án chợ và khu dân cư nên không có công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

3.3.1. Công trình lưu giữ, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình hoạt động của chợ và khu phố chợ:

Nguồn gốc phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của khu chợ, của khu dân cư và rác quét đường phố, chăm sóc cây xanh.

Khối lượng và thành phần:

+ Đối với khu dân cư: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 0,9 kg/người/ngày. Hiện nay khu dân cư có khoảng 256 người nên lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 230 kg/ngày. Khi khu dân cư có số người ở tối đa theo phê duyệt quy hoạch 400 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 360 kg/ngày = 10.800 kg/tháng.

+ Đối với khu chợ: Lượng phát sinh chất thải từ khu chợ không cố định, theo số lượng chất thải phát sinh thực tế hiện nay với 94 quầy bán hàng thì lượng rác hàng ngày khoảng 350-500 kg/ngày. Dự kiến khi khu chợ hoạt động tất cả 142 quầy bán hàng thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 500-750 kg/ngày = 15.000-22.500 kg/tháng.

+ Rác từ nguồn quét dọn đường phố, chăm sóc cây xanh phát sinh khoảng 25-40 kg/ngày = 750-1.200 kg/tháng.

+ Bùn thải từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải khoảng 170 kg/tháng đối với giai đoạn hiện nay lượng nước thải khoảng 76 m³/ngày. Như vậy, khi dân cư và chợ lấp đầy dân số theo quy hoạch lượng nước thải 110 m³/ngày thì khối lượng bùn thải phát sinh khoảng 245 kg/tháng.

⇒ Như vậy tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại chợ và khu phố chợ Khánh Bình là: 26.795-34.745 kg/tháng.

Thành phần: Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, thức ăn dư thừa, rau quả,...

Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống

Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh,...

Các hợp chất có nguồn gốc kim loại: vỏ hộp lon chai đựng đồ ăn thức uống...

Có thể tham khảo thành phần chất thải rắn sinh hoạt theo kết quả điều tra của Trung tâm Centema (ĐHDL Văn Lang) năm 2012.

Bảng 3 6. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt

TT	Thành phần	Tỷ lệ (%)	
		Khoảng dao động	Trung bình
1	Thực phẩm	61,0 – 96,6	79,17
2	Giấy	1,0 – 19,7	5,18
3	Carton	0 – 4,6	0,18
4	Nilon	0 – 36,6	6,84
5	Nhựa	0 – 10,8	2,05
6	Vải	0 – 14,2	0,98
7	Gỗ	0 – 7,2	0,66
8	Cao su mềm	0	0
9	Cao su cứng	0 – 2,8	0,13
10	Thủy tinh	0 – 25,0	1,94
11	Lon đồ hộp	0 – 10,2	1,05
12	Sắt	0	0
13	Kim loại màu	0 – 3,3	0,36
14	Sành sứ	0 – 10,5	0,74
15	Bông băng	0	0
16	Xà bần	0 – 9,3	0,69
17	Styrofoam	0 – 1,3	0,12

(Nguồn: Trung tâm Centema, 2012)

Tác động: Rác thải sinh hoạt có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy nếu không được thu gom xử lý tốt, kịp thời sẽ gây tác động xấu cho môi trường không khí, nước và đất. Vì các chất hữu cơ phân hủy kỵ khí trong điều kiện tự nhiên tạo ra các hợp chất có mùi hôi như H₂S, mercaptan,... ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Các loại chất

thải rắn là môi trường thuận lợi cho vi trùng phát triển, là nguồn phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (ruồi, chuột, kiến, gián,...). Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt của con người cũng như vẻ mỹ quan khuôn viên dự án.

Biện pháp xử lý:

Phân loại rác tại nguồn, thu gom vào thùng chứa và tập trung về kho chứa rác sinh hoạt diện tích 40,75 m² (*kho 42,75 m² nhưng đã bố trí khu vực diện tích 2 m² để lưu giữ chất thải nguy hại*) và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý hàng ngày. Cụ thể như sau:

+ Đối với khu vực chợ chúng tôi bố trí 2 thùng chứa loại 240 lít để thu gom. Cuối ngày người dọn vệ sinh do công ty TNHH Quang Vinh bố trí sẽ di chuyển rác về khu vực nhà chứa diện tích 40,75 m².

+ Đối với khu dân cư thì cuối mỗi ngày người dân tự mang rác ra phía trước nhà, người thu gom rác do công ty TNHH Quang Vinh sắp xếp sẽ đi thu gom tập trung rác từ các nhà dân về khu vực kho lưu giữ diện tích 40,75 m²

+ Đối với rác đường phố và chần sóc cây xanh thì đội vệ sinh tập trung trực tiếp vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Toàn khu quy hoạch bố trí 1 nhà chứa rác sinh hoạt có diện tích 40,75 m² (*Thực tế 1 kho có diện tích $4,5 \times 9,5 = 42,75 \text{ m}^2$ nhưng công ty đã bố trí một khu vực có diện tích 2 m² để lưu giữ chất thải nguy hại*). Kho có mái che và tường bao quanh bằng tôn, cửa ra vào. Bên trong kho bố trí tổng cộng 23 thùng chứa rác loại 240 lít có nắp đậy.

Hiện nay công ty đã hợp đồng với hợp tác xã dịch vụ môi trường Khánh Bình để thu gom, vận chuyển đi xử lý hàng ngày (*hợp đồng số 111KB/HĐ-KB/2024 ngày 01/01/2024 được đính kèm phụ lục báo cáo*).

3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Dựa vào khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại chợ và khu phố chợ hiện nay và dựa vào số lượng các tiểu thương buôn bán trong chợ cũng như số lượng chất thải

nguy hại phát sinh trong thời gian qua, ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh khi cơ sở đi vào hoạt động ổn định như sau:

Bảng 3.7. Bảng nguồn phát sinh, thành phần và khối lượng của CTNH

Thành phần	Khối lượng CTNH (kg/năm)		Mã CTNH
	Hiện hữu	Ổn định	
Thiết bị điện tử có chứa các linh kiện điện tử	-	40 - 200	16 01 13
Bóng đèn huỳnh quang thải	3	70 - 100	16 01 06
Pin, ắc quy chì thải	-	60 - 80	19 06 01
Giẻ lau dính dầu nhớt thải	12	10 - 15	18 02 01
Dầu thủy lực tổng hợp thải	-	40-60	17 01 06
Hộp mực máy in photo thải	-	3 - 4	08 02 04
Bao bì mềm thải	15	20 - 30	18 01 01
Bao bì cứng bằng kim loại	8	15 - 20	18 01 02
Bao bì cứng bằng nhựa	5	12 - 15	18 01 03
Tổng cộng	36 – 50	270 - 524	

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Biện pháp quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở:

Tuyên truyền nâng cao nhận thức phân loại chất thải nguy tại nguồn, mỗi hộ gia đình tự tách riêng rác nguy hại ra khỏi rác sinh hoạt. Buổi tối hàng ngày sẽ tập kết ra trước nhà và đội vệ sinh của khu dân cư sẽ đi thu gom về khu tập kết chất thải. Đối với rác sinh hoạt thì lưu giữ và khu rác sinh hoạt và đối chất thải nguy hại thì sẽ tập trung về khu lưu giữ chất thải nguy hại.

Công ty bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 2 m² (*Thực tế 1 kho có diện tích $4,5 \times 9,5 = 42,75 \text{ m}^2$ nhưng công ty đã bố trí một khu vực có diện tích 2 m² để lưu giữ chất thải nguy hại và khu còn lại diện tích 40,75 m² để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*). Kho lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng quy định của pháp luật: có tường xung quanh bằng lưới B40 để tách riêng với khu chất thải rắn sinh hoạt, có gờ xung quanh cao 20cm để ngăn không cho chất lỏng rò rỉ ra bên ngoài, nền chống thấm, có biển ghi chú, biển cảnh báo nguy hiểm và mã chất thải.

Bên trong kho bố trí thùng chứa bằng nhựa từ 60-120 lít để lưu giữ các loại chất thải nguy hại khác nhau.

Toàn bộ chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định của pháp luật. Hiện nay công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Sen Vàng để thu gom xử lý (*hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo*).



Hình 3. 3. Hình ảnh nhà kho chứa chất thải sinh hoạt và CTNH của Công ty
3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển ra vào chợ và khu dân cư, từ máy bơm, máy thổi khí khu xử lý nước thải, từ tiếng nói của người đi chợ, từ âm thanh của loa thùng các hộ dân sinh sống trong khu phố chợ Khánh Bình,... Do đó, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn như sau:

- Giảm tốc độ đối với các phương tiện vận tải ra vào khu dân cư, chợ.

– Bố trí quỹ đất trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

– Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn:

+ Môi trường xung quanh: QCVN 26:2010/BTNMT: từ 6 giờ đến 21 giờ (70 dBA); từ 21 giờ đến 6 giờ (55 dBA).

+ Môi trường bên trong chợ: QCVN 24:2016/BTNMT giới hạn tối đa 85 dBA.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối các HTXL nước thải:

a) Biện pháp phòng ngừa:

– Công ty vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên theo dõi giám sát hoạt động của bể vi sinh nhằm đảm bảo quá trình xử lý các chất ô nhiễm đạt tối ưu.

– Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

– Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị. Định kỳ khoảng 1-2 tháng tiến hành bảo trì bảo dưỡng máy móc, thiết bị một lần.

– Các máy móc thiết bị hoạt động chính (máy bơm, máy thổi khí) được lắp đặt đồng thời 2 máy để hoạt động luân phiên nhằm mục đích tăng cường tuổi thọ đồng thời sử dụng trong trường hợp có sự cố 1 máy bị hư hỏng thì máy còn lại hoạt động liên tục.

– Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

– Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được chúng tôi tuyển chọn là công nhân đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận hành hệ thống xử lý nước thải.

– Nhân viên quản lý môi trường tại Công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.

b) Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

Các kịch bản sự cố và phương án ứng phó sự cố như sau:

Bảng 3. 8. Kịch bản sự cố và phương án ứng phó sự cố HTXL nước thải

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
I	Sự cố chung của toàn bộ HTXL nước thải			
SC1	Sự cố HTXL phải ngưng hoạt động trong thời gian dài	-Máy móc, thiết bị hư hỏng -Chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.	-Thực hiện kiểm tra toàn bộ máy móc, thiết bị trong HTXL -Kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra.	–Nhân viên vận hành đóng cửa xả, lưu giữ nước thải tại các hạng mục công trình xử lý. Cụ thể thông thường bể tách mỡ và bể điều hòa chỉ lưu chứa 50% thể tích bể, do vậy 50% thể tích bể còn trống ứng với 45m³ sẽ được lưu giữ nước thải lúc sự cố. Ngoài ra bể hiếu khí và bể lắng cũng được thiết kế hệ số dư 1,5 lần nên lúc gặp sự cố thì 2 bể này cũng lưu chứa được 40m³. Như vậy tổng 4 bể này lưu giữ được 85 m³ tương đương khoảng 1 ngày để khắc phục sự cố. Trường hợp các hạng mục của công trình xử lý đã lưu giữ đầy nhưng công ty vẫn chưa khắc phục xong thì phải thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý. –Tìm nguyên nhân tiến hành đưa ra quy trình khắc phục. –Trong quá trình khắc phục sự cố thì luôn đảm bảo các bể sinh học luôn có nước thải, duy trì DO trong bể từ 1,5 – 2,5mg/l. Bổ sung các chất dinh dưỡng vào trong các bể sinh học nếu cần thiết. –Khi khắc phục xong sự cố sẽ hoạt động trở lại.
SC2	Sự cố nước thải không đạt quy chuẩn đầu ra	Có thể do nhiều nguyên nhân như: Hiệu quả xử lý sinh học không đạt yêu cầu: Vi sinh chết, không đảm bảo dinh dưỡng cho vi sinh hoạt động; xảy ra hiện tượng sốc	-Thực hiện kiểm tra toàn bộ máy móc, thiết bị. -Kiểm tra tổng thể các bể xử lý -Lấy mẫu kiểm tra chỉ số DO, MLSS, SVI, F/M tại các bể xử lý sinh học.	- Nhân viên vận hành đóng ngay cửa xả, cho nước lưu giữ trong bể sự cố và các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải. Thời gian lưu chứa khoảng 1 ngày. -Đến đây NVVH gọi điện thông báo quản lý để tìm nguyên nhân, đưa ra phương hướng giải quyết kịp thời. –Trường hợp sự cố cần khắc phục

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
		tải; máy móc thiết bị bị hư hỏng không phát hiện kịp thời....	-Lấy mẫu kiểm tra pH, COD, BOD, TSS tại các công đoạn xử lý,... -Kiểm tra lại quá trình vận hành,....	kéo dài hơn 1 ngày thì Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý. - Khi khắc phục xong sự cố, nước thải lưu chứa tại các bể sẽ được quay vòng xử lý đến khi nào đạt quy chuẩn mới tiến hành xả thải.
SC3	Sự cố rò rỉ hóa chất	-Do người vận hành không đảm bảo kỹ thuật trong lúc pha chế hóa chất. -Do quá trình vận chuyển bao bì đựng hóa chất bị rách -Do đường ống châm hóa chất bị hư hỏng dẫn đến rò rỉ	Kiểm tra bồn chứa hóa chất và đường ống	Dự án chỉ sử dụng duy nhất chlorine khử trùng. Do vậy, sự cố xảy ra ở mức độ nhẹ. Nhân viên vận hành sử dụng bảo hộ lao động, dùng xẻng trộn đều cát với hóa chất rồi xúc cho vào bao rồi dùng vòi nước sạch xịt rửa khu vực bị rò rỉ + Sửa chữa hoặc thay thế đường ống bị rò rỉ. + Mở van tay ra và bật công tắc bơm. + Khi hóa chất bắn vào người thì phải sử dụng vòi nước sạch xịt vào người, xịt vào các khu vực bị hóa chất bắn vào và di chuyển đến trung tâm y tế gần nhất (nếu trong trường hợp nặng)
II Sự cố tại cụm bể vi sinh và bể lắng				
SC4	Bùn nổi trên bề mặt bể lắng	Vi sinh sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	Nếu SVI <100, có thể không phải do nguyên nhân 1a, dùng kính hiển vi để kiểm tra xem có vi sinh vật dạng sợi trong bùn hay không.	Nếu DO tại bể aerotank <1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể để duy trì DO trong > 2 mg/l. Giảm F/M. Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn Bổ sung thiếu hụt dinh dưỡng để tỷ số đạt tỷ số BOD:N:P =100:5:1. Tăng pH đến 7. Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC5	Trong bể aerotank có váng bọt màu nâu đen	Do chỉ số F/M thấp	- Kiểm tra F/M	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra vừa phải Giảm lưu lượng bùn hồi lưu Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC6	Trong bể aerotank có	MLSS quá thấp Sự cố mất của	Kiểm tra MLSS. Nếu MLSS phù	Giảm bùn thải để tăng MLSS. Giám sát nguồn thải có chứa chất

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
	lớp sồng bọt trắng dày	những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học	hợp thì có thể do chất hoạt động bề mặt	hoạt động bề mặt Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC7	Bùn trong bể aerotank có xu hướng trở nên đen	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	Kiểm tra DO Kiểm tra bề và độ mở van máy thổi khí	Tăng mức độ thổi khí Kiểm tra đường ống phân phối khí. Rửa sạch những đĩa phân phối khí bị nghẽn Tăng công suất máy thổi khí nếu không đủ. Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC8	Có nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể aerotank bọt bị kết thành khối	Một số đầu phân phối khí bị tắc hoặc vỡ	Kiểm tra hệ thống phân phối khí	Rửa sạch nếu bị tắc Thay thế các đĩa, ống phân phối khí nếu bị vỡ, hư hỏng Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian khắc phục trong ngày
SC9	Vi sinh trong bể aerotank bị chết	Vi sinh chết có thể do các nguyên nhân sau: + Do bị sốc tải + Do thiếu dinh dưỡng + Không cấp đủ khí. + Môi trường nước thải có độc hoặc pH không đảm bảo Dấu hiệu khi vi sinh chết: + Bùn nổi lên bề mặt bể + Bùn trong bể có dấu hiệu đen dần	Kiểm tra chỉ số F/M Kiểm tra DO Kiểm tra tỷ lệ BOD:N:P	Nếu thiếu dinh dưỡng thì bổ sung thêm dinh dưỡng cho vi sinh đảm bảo tỷ lệ BOD:P:N=100:5:1 Nếu DO tại bể <1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể để duy trì DO trong khoảng 1,5 – 4 mg/l. Nếu pH trong bể không đảm bảo thì thực hiện điều chỉnh pH đến 7. Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian khắc phục trong ngày. – Trong trường hợp khắc phục chưa xong, thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý.
III	Sự cố máy móc, thiết bị			
SC10	Hư máy bơm	- Bơm không chạy. -Bơm nước không lên	- Chưa cung cấp điện cho động cơ. - Nước trong bể ít. - Van máy bơm chưa mở - Kiểm tra công tắc phao. - Đầu dây bị sút.	- Đóng CP, ấn nút khởi động bơm. - Chờ nước đầy. - Kiểm tra van - Đặt lại đúng vị trí. - Gắn lại ống đẩy. - Vệ sinh ống. - Chỉnh nhỏ van hồi lưu (nếu có) hoặc đóng mở van chính cho đạt

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
			-Đường ống bị nghẹt. - Cột áp không đạt. -Cánh bơm bị nghẹt rác.	thiết kế. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC11	Máy thổi khí	- Máy không hoạt động. - Áp lực khí không đủ. - Áp lực khí quá lớn. - Quá nhiệt, tiếng ồn bất thường	-Kiểm tra điện cung cấp. -Dây đai bị giãn. -Bộ lọc khí bị nghẹt. -Xem xét bộ phận phối khí. -Kiểm tra dầu, kiểm tra bạc đạn	- Nếu đã có điện mà không chạy, kiểm tra động cơ. - Tăng đai, thay đai. - Vệ sinh bộ lọc khí. - Kiểm tra lại đường ống khí, xả nước ngưng, xả bớt khí. - Thay dầu nếu hết dầu, thay bạc đạn nếu bị hư. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện.
SC12	Bơm định lượng	- Bơm hoá chất không lên. - Dầu bơm bị rò. - Lượng hoá chất vượt quá yêu cầu.	-Luppê bị nghẹt. - Hở tại các nối (đầu hút). - Chưa mở máy. - Mặt bích đầu bơm không siết chặt hoặc màng bơm bị hỏng. - Bộ điều chỉnh bị hỏng. -Điều chỉnh quá mức thiết kế.	- Vệ sinh luppê. - Nối lại chắc chắn. - Khởi động bơm. - Siết lại đầu bơm hoặc tháo đầu bơm, kiểm tra, thay màng. - Sửa chữa bộ điều chỉnh, điều chỉnh lại ở mức quy định. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC13	Bộ phận phối khí.	- Áp lực không đạt (trị số DO). - Phân phối khí không đều.	-Máy nén không đảm bảo đúng áp lực khí. -Bị nghẽn do bùn, rác. -Độ mở van chưa hợp lý.	- Điều chỉnh tốc độ động cơ. Chỉnh van cấp khí. - Xả bùn trong ống bằng cách mở van xả cặn cuối đường ống. - Chỉnh lại van tại mỗi ống phân phối. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC14	Đường ống	- Nước chảy. không rõ nguyên nhân. - Không có nước (hoặc hoá chất) chảy qua ống. - Ống bị biến dạng, trở nên mỏng, mềm.	- Đường ống bị thủng. -Đầu nối không chắc chắn, không siết chặt cổ dê. - Ống bị nghẹt. -Van ở trạng thái đóng. -Bơm không chạy	- Thay ống dẫn. - Siết lại cổ dê, trét keo tại các vị trí nối ống có rò rỉ. - Vệ sinh ống. - Mở van. - Mở bơm cho hoạt động. - Gia cố ống, bọc vật liệu chịu hoá chất, chịu nhiệt. - Thay đổi hướng đặt ống tránh các

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
			(với ống đẩy – hút của bơm.) -Hoá chất thuộc loại ăn mòn. - Nhiệt độ dòng chảy trong ống quá cao. - Chịu tác dụng của ngoại lực (đất lún, vật nặng tụt lên ống, nước rác chảy với tốc độ cao đập vào ống...)	lực tác động. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian hoàn thành trong ngày

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

Công ty chủ hạ tầng chỉ sử dụng hóa chất Clorin khử trùng, hóa chất này mua về với số lượng vừa sử dụng trong thời gian 2 tháng, không lưu trữ nhiều tại khu xử lý nước thải nhằm hạn chế sự cố tràn đổ rò rỉ.

Tại kho chứa hóa chất xử lý nước thải được trang bị những vật dụng để thu gom chất thải lỏng trong trường hợp bị tràn đổ rò rỉ. Ví dụ như cát, mặt cưa, chổi, xi xúc, xô đựng, găng tay, mặt nạ chống độc, kính bảo hộ lao động,...

3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

a. Các văn bản về PCCC đã được cơ quan chuyên môn nhà nước cấp:

+ Văn bản số 252/TD-PCCC ngày 03/5/2018 của cảnh sát PCCC Bình Dương về việc chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Văn bản số 453/TD-PCCC ngày 06/07/2020 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Bình Dương về việc chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC Chợ quang Vinh 1 của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Văn bản số 721/PC07-CTPC ngày 24/11/2020 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an tỉnh Bình Dương về việc nghiệm thu PCCC của chợ Quang Vinh 1.

b. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy, nổ:

Để hạn chế các rủi ro xảy ra do sự cố cháy nổ, Chúng tôi đã có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

– Thành lập đội PCCC tại công ty. Hàng năm Công ty phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC tổ chức diễn tập PCCC và tập huấn về kiến thức an toàn phòng chống cháy nổ cũng như thực tập phương án cháy kết hợp theo quy định.

– Công ty tổ chức kiểm tra bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị và kiểm tra công tác an toàn PCCC theo định kỳ.

– Tuyên truyền, giáo dục ý thức PCCC cho người dân bằng cách dán bảng hiệu, bảng thông báo đề phòng sự cố cháy, bảng sơ đồ liên lạc trong tình huống khẩn cấp.

– Về cơ sở vật chất: Công ty đã bố trí trạm bơm, bể chứa nước phòng cháy, hòng nước chữa cháy vách tường với các cuộn vòi chữa cháy, bình PCCC các loại bố trí đều khắp các khu vực chợ và dân cư,... Cụ thể những trang thiết bị phục vụ cho PCCC tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 9. Danh mục máy móc thiết bị PCCC

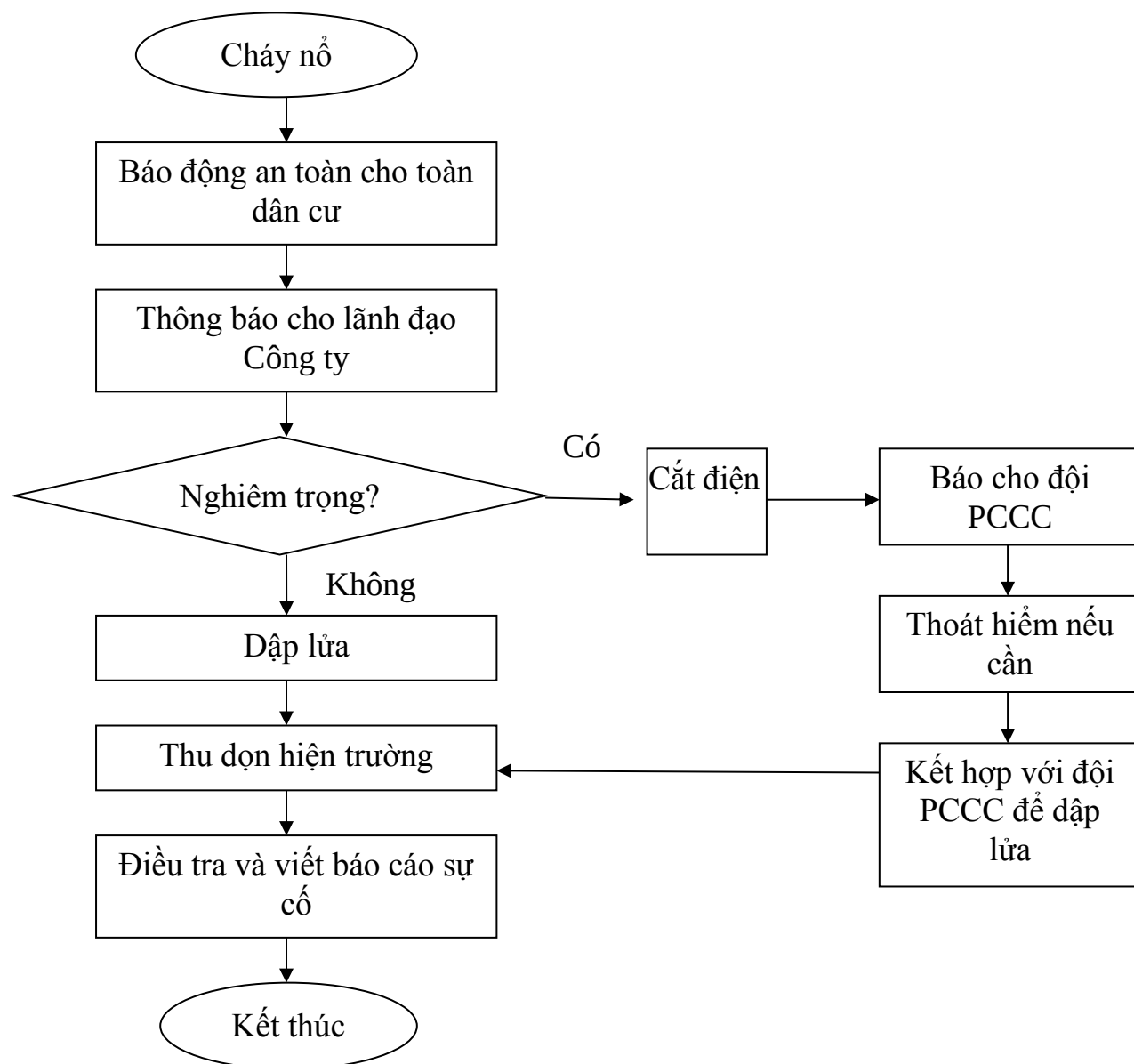
Stt	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Đơn vị
I	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY		
1	Bơm chữa cháy động cơ điện 3 pha 380VAC (Parma) Q=169-332 m ³ /h: H= 75-45 m	1	Bơm
2	Bơm chữa cháy động cơ nổ DIEZEL Q=169-332 m ³ /h: H=75-45 m	1	Bơm
3	Bơm bù áp Q= 1.5-7.2 m ³ /h, H=80-35 m	1	Bơm
4	Tủ điều khiển trạm bơm chữa cháy + cáp kéo từ bơm đến tủ	1	Bộ
5	Đồng hồ, công tắc áp lực	4	cái
6	Hộp đựng vòi chữa cháy trong nhà	8	Hộp
7	Hộp đựng vòi chữa cháy ngoài nhà	2	Hộp
8	Vòi chữa cháy D50	8	Cuộn

9	Vòi chữa cháy D65	2	Cuôn
10	Đầu nối vòi hợp kim nhôm D50	8	Bộ
11	Đầu nối vòi hợp kim nhôm D65	2	Bộ
12	Lăng phun chữa cháy D50	8	Cái
13	Lăng phun chữa cháy D65	2	Cái
14	Van chữa cháy D50	8	Cái
15	Họng tiếp nước	1	Cái
16	Trụ ngoài trời	2	Trụ
17	Ống STK các loại D140, D114vv.	1	Lô
18	Đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler	240	Cái
19	Vật liệu phụ các loại ...vv.	1	Lô
II	HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG		
1	Trung tâm báo cháy tự động 10 ZONE (Formosa)	1	Tủ
2	Bình ác quy dự phòng 24 VDC	1	Bình
3	Đầu báo BEAM 24VDC	2	Bộ
4	Còi báo động	8	Cái
5	Khẩn báo động	8	Cái
6	Dây tín hiệu các loại	1	Lô
7	Ống luồn dây các loại	1	lô
8	Đầu báo khói	85	Đầu
9	Vật liệu phụ các loại...	1	Lô

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

c. Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:

Trong trường hợp xảy ra sự cố thì tất cả người dân phát hiện ra đều phải khẩn trương thông báo qua điện thoại, chuông báo động hoặc trực tiếp báo cho đội PCCC tỉnh Bình Dương, bảo vệ dự án và lãnh đạo. Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3. 4. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Như vậy, theo sơ đồ quy trình nêu trên, thì khi xảy ra sự cố cháy, Công ty sẽ có các bước thực hiện ứng phó cụ thể như sau:

– Khi xảy ra sự cố cháy tại bất kỳ khu vực nào trong chợ, khu dân cư, tất cả người dân phải tuân thủ theo các bước sau đây:

+ Người phát hiện ra đám cháy đầu tiên phải báo động cho người cùng biết bằng cách hô to khẩu lệnh “Cháy, cháy, cháy”. Sau đó nhấn nút báo động khẩn và điện

thoại hotline trên bảng hướng dẫn gần ở chợ, khu dân cư → liên lạc đến bộ phận quản lý, ban giám đốc → liên lạc với Công an PCCC Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Những khu vực xảy ra cháy phải nhanh chóng cúp ngay cầu dao điện đồng thời sử dụng bình xịt CO₂, bình bột, nước vách tường để chữa cháy ngay ban đầu.

+ Sơ tán người dân ra khỏi khu vực cháy ngay lập tức.

+ Tất cả các thành viên trong đội PCCC của công ty nhanh chóng vào vị trí và triển khai đội hình chữa cháy đã được phân công.

– Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố: Ban Chỉ huy PCCC có trách nhiệm tổ chức buổi họp sau khi xảy ra sự cố cháy nổ hoặc sau các buổi diễn tập PCCC nhằm rút kinh nghiệm và khắc phục các sai sót (nếu có) trong suốt quá trình đáp ứng với tình huống khẩn cấp. Trong những trường hợp cần thiết, Trưởng Phòng Bảo vệ - PCCC có trách nhiệm bổ sung, sửa đổi các nội dung trong các quy trình xử lý của thủ tục. Đại diện Lãnh đạo Môi trường có trách nhiệm đảm bảo rằng việc sửa đổi các tài liệu được thực hiện đúng theo quy định trong Thủ Tục Quản Lý và Kiểm Soát Tài Liệu.

– Lưu hồ sơ: Các hồ sơ liên quan đến việc đáp ứng các tình huống khẩn cấp cháy nổ sẽ được Ban Chỉ huy PCCC hoặc các Trưởng Bộ phận liên quan ghi vào Biểu Mẫu Ghi Nhận Thông Tin và Sự không phù hợp và chuyển cho đại diện lãnh đạo phụ trách môi trường.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Đối với mùi từ khu chứa rác sinh hoạt và công trình thu gom xử lý nước thải thì công ty có những biện pháp quản lý như sau:

- Dùng chế phẩm vi sinh phun khử mùi khu chứa rác sinh hoạt và xung quanh khu xử lý nước thải.

- Thường xuyên nạo vét bùn ở tuyến cống thu gom nước thải định kỳ 6 tháng/lần. Đối với tuyến cống thu gom nước mưa thì nạo vét bùn trước khi vào mùa mưa.

- Rác sinh hoạt tại kho chứa được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị thu gom rác vận chuyển đi xử lý hàng ngày tránh tình trạng để lâu gây mùi ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực.

- Thường xuyên xịt rửa nhà chứa rác sinh hoạt cũng như vệ sinh các thùng chứa sạch sẽ.

- Các tiểu thương bán trong chợ đặc biệt là hàng thịt, cá phải vệ sinh sạch sẽ đầu buổi sáng, cuối buổi chiều và thu gom triệt để nước thải nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ đối với người dân trong dự án.

- Đối với khu dân cư thì khuyến khích các hộ dân giữ gìn vệ sinh chung và sử dụng gas, dần dần chuyển sang dùng bếp điện.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 05/10/2007 và văn bản 573/STNMT – CCBVMT ngày 22/02/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh so thực tế hiện nay cho thấy một số điểm sai khác như sau:

Bảng 3. 10. Những nội dung sai khác so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

Stt	Tên hạng mục	Phương án đã duyệt trong báo cáo ĐTM	Thực tế hiện nay	Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước
1	Tổng diện tích quy hoạch	Tổng diện tích quy hoạch 17.475 m² trong đó: -Diện tích đất chợ là 2.885 m ² ,	Theo quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND thị Xã Tân Uyên thì tổng diện tích quy hoạch dự án 18.249,82 m² trong đó: -Đất chợ là 2.658,3 m ² ,	

		-Đất khu phố chợ (dân cư), 8.763 m² (66 căn khoảng 400 người), -Đất thương mại, dịch vụ 2.285 m², -Đất hạ tầng kỹ thuật 95 m², -Đất còn lại là các hạ tầng kỹ thuật khác	-Đất khu phố chợ (dân cư) 7.857,59 m² (65 căn khoảng 400 người), -Đất nhà bảo vệ 71,28 m², -Đất hạ tầng kỹ thuật 572,74 m² - Đất còn lại là đất giao thông, sân bãi và hành lan an toàn đường bộ.	
2	Công suất hệ thống xử lý nước thải	200 m ³ /ngày	160 m ³ /ngày	Văn bản số 573/STNMT-CCBVMT ngày 22/02/2017
3	Công nghệ xử lý nước thải	Nước thải từ hố xí được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn và nước thải từ sàn nhà, lavabo,.. của khu dân cư và chợ → song chắn rác → bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Thải ra cống thoát <i>(theo đường thoát chung với nước mưa được nêu tại trang 61 báo cáo ĐTM)</i>	Nước thải từ hố xí được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn và nước thải từ sàn nhà, lavabo,.. của khu dân cư và chợ → Song chắn rác → Hố thu gom kết hợp lắng cát → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí có giá thể vi sinh → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc cát → Thải ra môi trường (cống thoát chung với đường thoát nước mưa nối vào ĐT 746)	+Thông báo số 1140/STNMT-CCBVMT ngày 03/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra, xác nhận công trình xử lý nước thải +Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 77/GP-STNMT ngày 16/8/2021
4	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại	+ Khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 10 m², tần suất thu gom 2 lần/ngày + Không đề xuất khu lưu giữ chất thải nguy hại	+ Diện tích 4,5 x 9,5 = 42,75 trong đó bố trí khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt 40,75 m² và khu lưu giữ chất thải nguy hại 2 m² + Tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt 1 lần/ngày + Tần suất thu gom chất thải nguy hại 1 năm/lần	

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư (thuộc Phố chợ Khánh Bình) với lưu lượng 60 m³/ngày.đêm sau khi xử lý qua hầm tự hoại ba ngăn và vớt dầu mỡ được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của toàn khu quy hoạch.

Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà lồng chợ Khánh Bình với lưu lượng 50 m³/ngày.đêm được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của toàn khu quy hoạch.

Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ WC của chợ Khánh Bình với lưu lượng 10 m³/ngày.đêm sau khi xử lý qua hầm tự hoại ba ngăn thể tích 2,5 m³/2 bể được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của toàn khu quy hoạch.

4.1.2. Dòng nước thải, vị trí xả thải:

4.1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào tuyến cống thoát nước chung trên đường ĐT 746 → suối Cái → sông Đồng Nai.

4.1.2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả thải X = 12.21.482m, Y = 06.88.878 m. (theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

4.1.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 120 m³/ngày.đêm.

– Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn theo cống HDPE D200 dài 30m thoát ra tuyến cống thoát nước mưa trên đường số 3 của khu quy hoạch, từ đây nước thải đi chung với đường nước mưa thoát ra đường ĐT 746, dẫn về suối Cái và cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai theo phương thức tự chảy.

– Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày, liên tục.

– Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn các chất ô nhiễm	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1.	pH	–	5-9	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2.	BOD ₅	mg/l	30		
3.	TSS	mg/l	50		
4.	TDS	mg/l	500		
5.	Sunfua	mg/l	1,0		
6.	Amoni	mg/l	5		
7.	Nitrat	mg/l	30		
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	10		
9.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10.	Photphat	mg/l	6		
11.	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000		

4.1.2.4. Công nghệ xử lý nước thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý:

Nước thải → Song chắn rác → Bể thu gom kết hợp lắng cát → Bể điều hòa → Bể Aerotank (bể sinh học có giá thể) → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng → Bể lọc cát → môi trường (đầu nối vào đường thoát nước trên ĐT 746).

- Công suất thiết kế: 160 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Clorin, mật rỉ đường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có nguồn thải

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: từ máy móc thiết bị khu xử lý nước thải

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ đại diện X = 12.25.976m; Y = 06.22.388m

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

4.3.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

4.3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

4.3.3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1.	Thiết bị điện tử có chứa các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	40 - 200
2.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	70 - 100
3.	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	60 - 80
4.	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	10 - 15
5.	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	40-60
6.	Hộp mực máy in photo thải	Rắn	08 02 04	3 - 4
7.	Bình xịt côn trùng	Lỏng	18 01 02	15 - 20
8.	Bình đựng nhớt xe	Rắn	18 01 03	12 - 15

	Tổng khối lượng			250 - 494
--	------------------------	--	--	------------------

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1.	Rác sinh hoạt khu dân cư	10.800
2.	Rác sinh hoạt khu chợ	22.500
3.	Rác quét đường, chăm sóc cây xanh	1.200
4.	Bùn thải HTXL nước thải	245
	Tổng cộng	34.745

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sau hệ thống xử lý nước thải năm 2022 và 2023 và quý 1, 2 năm 2024 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sau hệ thống xử lý

Thông số quan trắc	Đơn vị	Thời gian quan trắc				Giới hạn phát hiện (MDL)	QCVN 14:2008/BTNMT cột A (k=1)
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4		
A	Năm 2022						
pH	-	7,32	7,42	7,43	6,91	-	5,0-9
BOD ₅	mg/l	5	8	11	8	-	30
TSS	mg/l	13	16	21	17	-	50
Amoni	mg/l	0,27	0,45	1,18	2,23	-	5
Photphat	mg/l	0,60	0,79	0,55	10	-	6
Coliform	MPN/ 100ml	640	930	1.100	1.700	-	3.000
B		Năm 2023					
pH	-	6,93	7,17	7,05	6,81	-	5,0-9
BOD ₅	mg/l	25	22	21	26	-	30
TSS	mg/l	41,5	42,3	39,8	44,5	-	50
Dầu mỡ ĐTV	mg/l	< 3	< 3	< 3	, 3	-	10
TDS	mg/l	122	151	182	215	-	500
S ²⁻	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	MDL=0,05	1
P-PO ₄ ³⁻	mg/l	1,16	1,27	3,11	3,26	-	6
N-NO ₃ ⁻	mg/l	9,30	8,83	10,3	9,15	-	30
N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,11	2,54	2,90	3,27	-	5
Chất hoạt động bề mặt	mg/l	< 0,15	< 0,15	< 0,15	< 0,15	-	5
Coliform	MPN/ 100ml	1.700	2.200	2.300	1.400	-	3.000
C		Năm 2024					
pH	-	6,31	6,30	-	-	-	5-9
BOD ₅	mg/l	18	19	-	-	-	30
COD	mg/l	42	41	-	-	-	-
TSS	mg/l	29	25	-	-	-	50
Tổng N	mg/l	7,6	8,5	-	-	-	-
Tổng P	mg/l	3,89	3,66	-	-	-	-
Coliform	MPN/ 100ml	1.700	2.100	-	-	-	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Nhận xét: Nhìn chung chất lượng nước thải sau xử lý của Công ty qua các đợt quan trắc từ năm 2022 đến nay hầu hết đều đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1).

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải:

Khu chợ và dân cư không có công trình xử lý khí thải nên không có quan trắc khí thải tại nguồn, tuy nhiên trong quá trình hoạt động Công ty đã quan trắc không khí xung quanh khu dự án gồm các vị trí sau:

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc không khí tại khu chợ và phố chợ Khánh Bình

Thông số quan trắc	Đơn vị	Thời gian quan trắc				Vị trí quan trắc	Quy chuẩn
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4		
A	Năm 2022						
Nhiệt độ	oC	29,3	31,5	30,8	30,5	Khu vực phố chợ	-
Độ ẩm	%	70,3	63,2	63,5	69,5		-
Tốc độ gió	m/s	0,6	0,6	0,6	KPH (MDL=0,6)		-
Ánh sáng	Lux	Ánh sáng tự nhiên	Ánh sáng tự nhiên	Ánh sáng tự nhiên	Ánh sáng tự nhiên		-
NO ₂	µg/Nm ³	61	56	53	48		200
SO ₂	µg/Nm ³	67	60	66	63		350
CO	µg/Nm ³	4.458	4.371	4.049	4.174		30.000
Nhiệt độ	oC	29,5	31,4	30,5	30,2	Khu vực giữa chợ	-
Độ ẩm	%	75,6	59,8	60,1	70,1		-
Tốc độ gió	m/s	0,6	2,1	1,1	0,8		-
Ánh sáng	Lux	Ánh sáng tự nhiên	Ánh sáng tự nhiên	Ánh sáng tự nhiên	Ánh sáng tự nhiên		-
NO ₂	µg/Nm ³	48	45	41	54		200
SO ₂	µg/Nm ³	61	50	61	75		350
CO	µg/Nm ³	4.322	4.038	4.268	4.071		30.000
B	Năm 2024						
Tiếng ồn	dBA	54,8	54,2	-	-	KK1	70 ⁽¹⁾
Bụi tổng	µg/Nm ³	214	197	-	-		300
NO ₂	µg/Nm ³	71	68	-	-		200
SO ₂	µg/Nm ³	56	60	-	-		350
CO	µg/Nm ³	3.442	3.084	-	-		30.000
n-Hexan	µg/Nm ³	-	KPH (MDL=156)	-	-		-
Tiếng ồn	dBA	59,7	65,8	-	-	KK2	70 ⁽¹⁾
Bụi tổng	µg/Nm ³	204	201	-	-		300
NO ₂	µg/Nm ³	77	74	-	-		200
SO ₂	µg/Nm ³	64	62	-	-		350
CO	µg/Nm ³	2.955	3.019	-	-		30.000

n-Hexan	µg/Nm ³	-	KPH (MDL=156)	-	-		-
Tiếng ồn	dBA	62,3	66,1	-		KK3	70⁽¹⁾
Bụi tổng	µg/Nm ³	198	207	-			300
NO ₂	µg/Nm ³	73	72	-			200
SO ₂	µg/Nm ³	61	61	-			350
CO	µg/Nm ³	3.050	3.724	-			30.000
n-Hexan	µg/Nm ³	-	KPH (MDL=156)	-	-		-
Tiếng ồn	dBA	61,3	62,2	-	-	KK4	70⁽¹⁾
Bụi tổng	µg/Nm ³	190	210	-	-		300
NO ₂	µg/Nm ³	79	70	-	-		200
SO ₂	µg/Nm ³	65	56	-	-		350
CO	µg/Nm ³	3.207	2.998	-	-		30.000
n-Hexan	µg/Nm ³	-	KPH (MDL=156)	-	-		-

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh là QCVN 05:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (giá trị trung bình trong 1 giờ).
- (1): QCVN 26:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Nhận xét: Qua kết quả phân tích trên cho thấy chất lượng môi trường không khí khu chợ và phố chợ có các giá trị quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình của Công ty TNHH Quang Vinh không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và công trình cũng đã đi vào hoạt động từ năm 2016 nên chúng tôi chọn thì thời gian vận hành thử nghiệm cho HTXL nước thải là 1 tháng (thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm sau 20 ngày kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực).

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a) Thời gian và vị trí lấy mẫu:

Bảng 6.1. Thời gian, vị trí và thông số quan trắc nước thải vận hành thử nghiệm

Hạng mục	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc
HTXL nước thải	3 ngày liên tục trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	01 mẫu trước khi vào HTXL nước thải (bể thu gom) trong ngày lấy mẫu đầu tiên	pH, BOD5, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, dầu mỡ ĐTV, nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliform
		03 mẫu nước thải sau xử lý trong 3 ngày liên tục	pH, BOD5, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, dầu mỡ ĐTV, nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliform

b) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Dự kiến kết hợp với 1 trong số các công ty sau:

Đơn vị thứ 1:

- Tên đơn vị: Trung tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet.
- Địa chỉ: LL 4A Đường Tam Đảo - Phường 15 - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38680842, Fax: (08) 38680869
- Email: trungtamcoshet@gmail.com.

Hoặc một số đơn vị quan trắc khác có đủ năng lực theo quy định hiện hành của pháp luật.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau HTXL nước thải (sau bể lọc cát).
- Thông số giám sát: pH, BOD5, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, dầu mỡ ĐTV, nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2011/BTNMT, cột A (K=1).

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí: Kho chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ chất thải được thu gom, phân loại lưu giữ trong kho chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6.2. Kinh phí giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

STT	Chương trình giám sát	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền (VNĐ/năm)
1.	Chi phí phân tích mẫu nước thải	1	3.000.000	4	12.000.000
2.	Nhân công lấy mẫu	1	500.000	4	2.000.000
3.	Chi phí vận chuyển	1	1.500.000	4	6.000.000
4.	Thu thập số liệu, viết báo cáo	1	2.000.000	1	2.000.000
Tổng cộng giám sát hàng năm					22.000.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

- Trong thời gian vừa qua (năm 2022 và 2023) Công ty không tiếp đón đoàn kiểm tra nào của cơ quan nhà nước.
- Trong quá trình hoạt động công ty luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy,...

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Báo cáo thực hiện đúng theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các nội dung quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết tính chính xác và độ trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong giấy phép môi trường đã đăng ký.

Trong quá trình hoạt động của chợ và khu phố chợ, Công ty cam kết toàn bộ chất thải phát sinh phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép trước khi xả ra môi trường. Cụ thể như sau:

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Đối với nước thải: Xây dựng đường ống thu gom nước thải tách biệt với nước mưa và xử lý đạt QCVN 14:2011/BTNMT, cột A (K=1) trước khi xả ra môi trường.
- Chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn khu vực sản xuất đạt QCVN 22:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; TCVN 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Thực hiện nghiêm các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống, khắc phục các sự cố do cháy nổ, các rủi ro và các sự cố môi trường khác.

Công ty cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Báo cáo với cơ quan cấp phép môi trường khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung giấy phép môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan cấp phép.

Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Thực hiện quan trắc môi trường theo tần suất trong báo cáo và cam kết lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm khi dự án đã đi vào hoạt động.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xảy ra vi phạm liên quan đến công tác thực hiện bảo vệ môi trường của dự án

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700596880

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 09 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 26 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUANG VINH.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLORY CO.,LTD.

Tên công ty viết tắt: GV CO.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 365 3368

Email: bdsquangvinhd@gmail.com

Fax: 0274 365 3369

Website:

3. Vốn điều lệ

138.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ QUANG VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/05/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067016689

Ngày cấp: 14/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ QUANG VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067016689

Ngày cấp: 14/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: **875**, tờ bản đồ số: **33**
- Địa chỉ: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 526,2m², (bằng chữ: Năm trăm hai mươi sáu phẩy hai mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất giao thông (Bãi xe)
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/8/2057
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

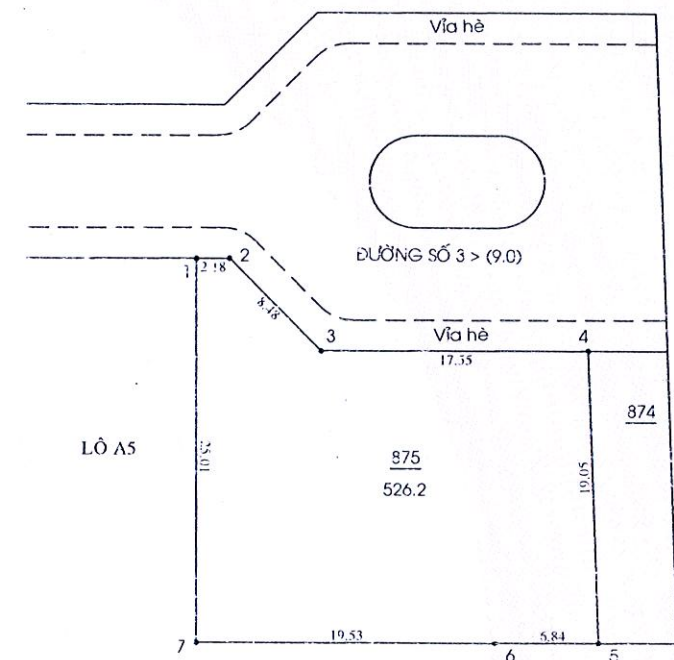
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

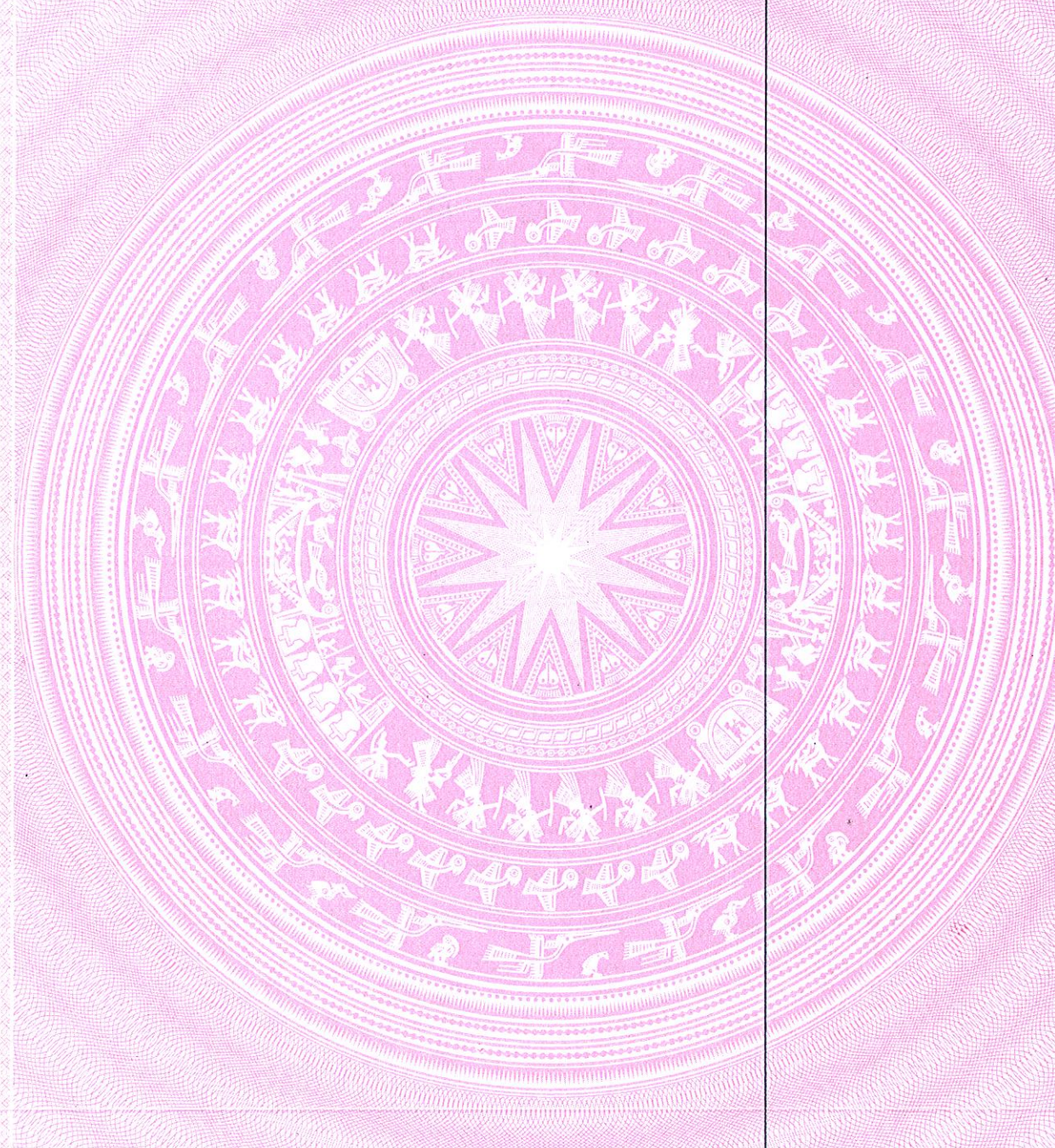


Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT19589

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên
Mã số doanh nghiệp: 3700596880
Đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004
Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 10/11/2015
Do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CK 804600

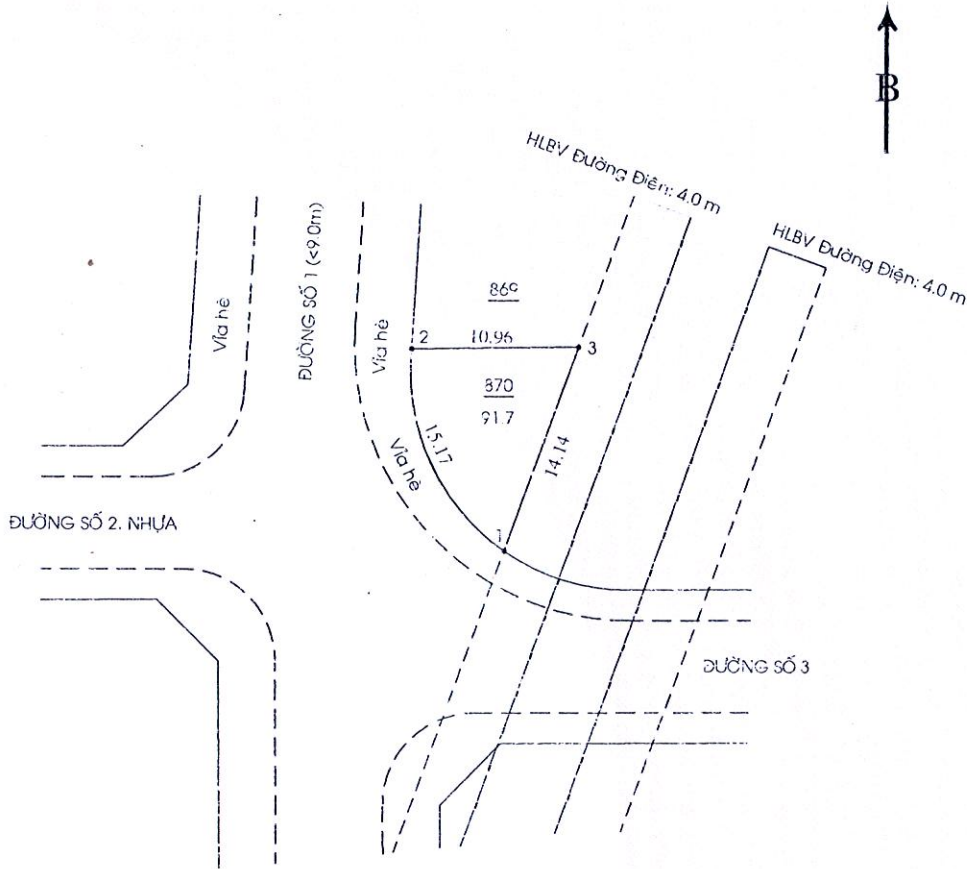
II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 870, tờ bản đồ số: 33
- b) Địa chỉ: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- c) Diện tích: 91,7m², (bằng chữ: Chín mươi một phẩy bảy mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất giao thông (Bãi xe)
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/8/2057
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

- 2. Nhà ở: -/-.
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-.
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.
- 5. Cây lâu năm: -/-.
- 6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT19590

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 9 2 1 1 7 0 0 7 3 8 0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên

Mã số doanh nghiệp: 3700596880

Đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 10/11/2015

Do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CK 804601

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 9 2 1 1 7 0 0 7 3 7 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên

Mã số doanh nghiệp: 3700596880

Đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 10/11/2015

Do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CK 804599

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 869, tờ bản đồ số: 33
b) Địa chỉ: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 71,3m², (bằng chữ: Bảy mươi một phẩy ba mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ (Nhà bảo vệ)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/8/2057
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

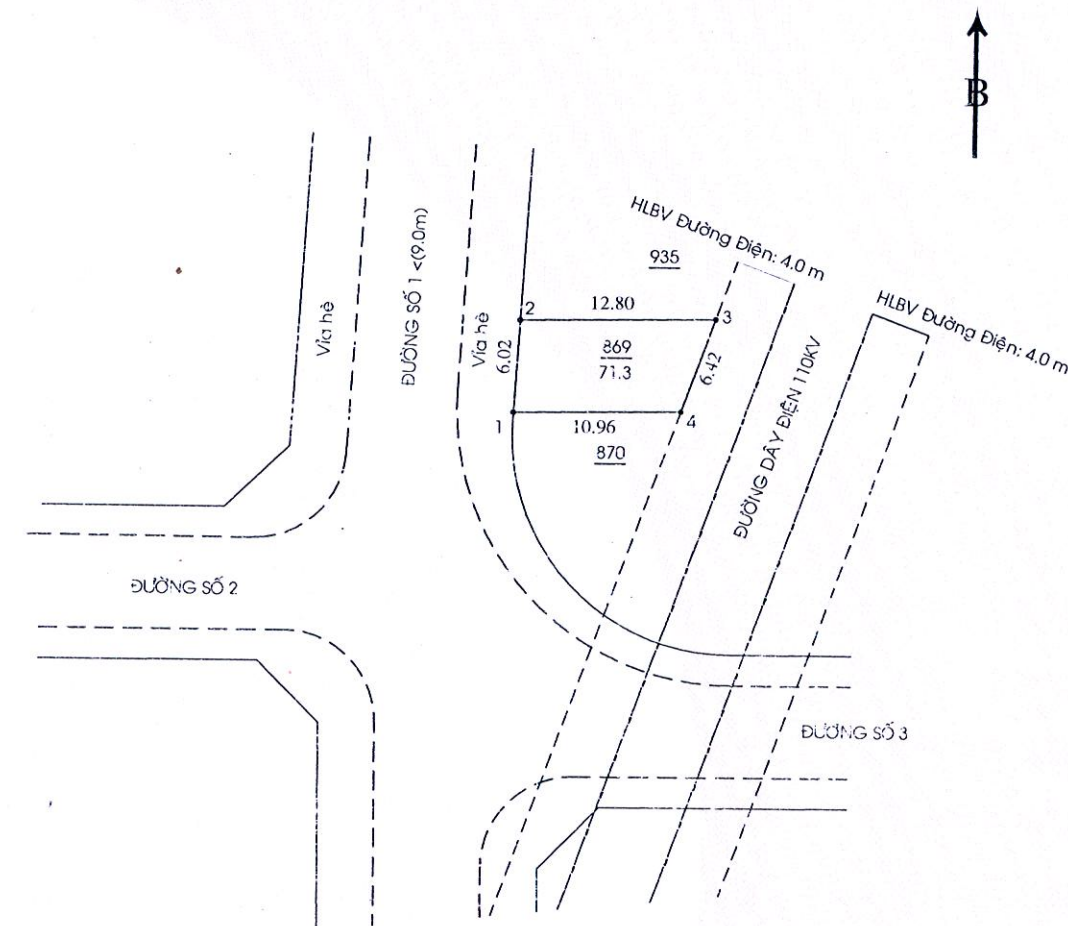
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT19588

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên

Mã số doanh nghiệp: 3700596880

Đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 10/11/2015

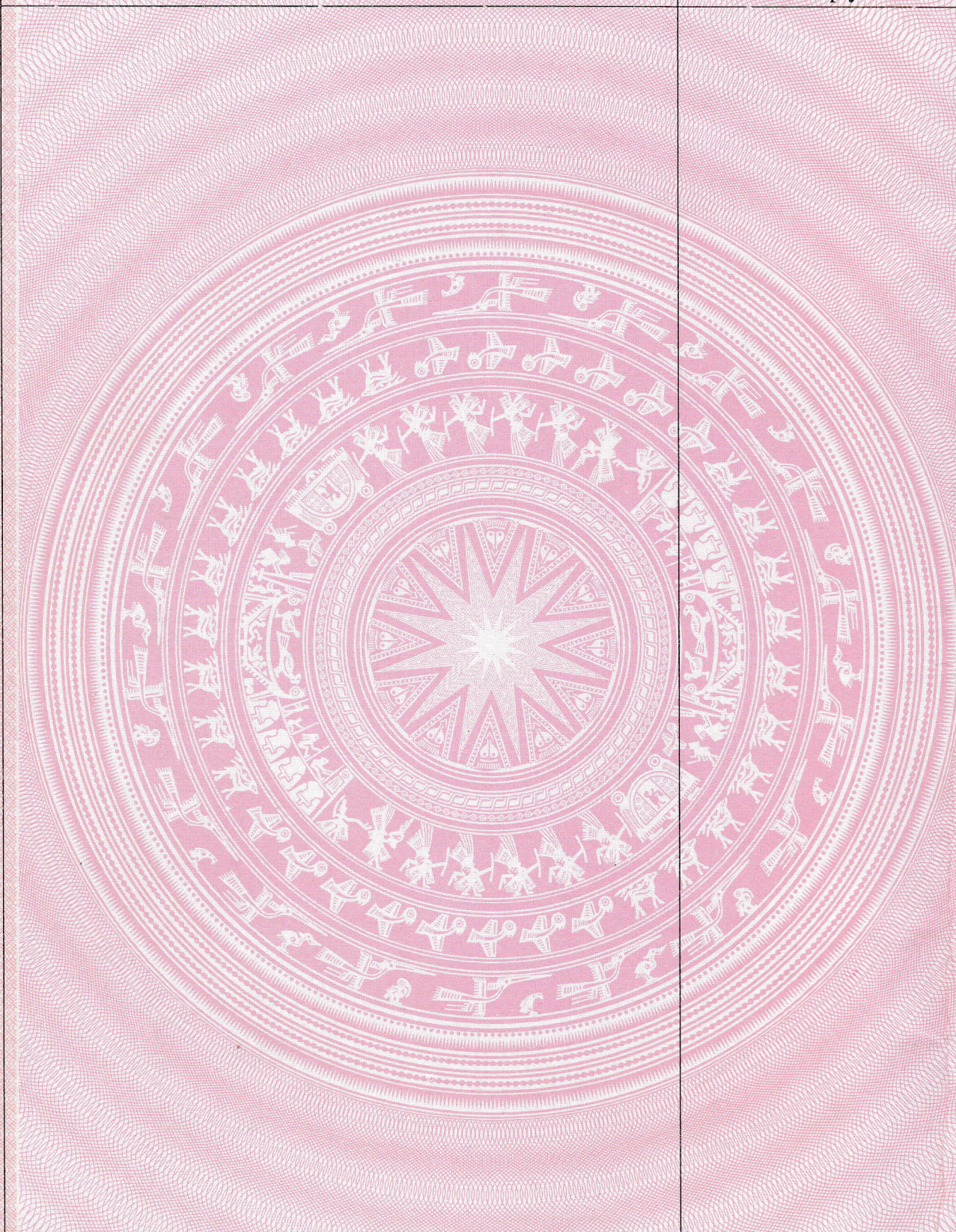
Do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CK 804598

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 9 2 1 1 7 0 0 7 3 7 7

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **868**, tờ bản đồ số: **33**
- b) Địa chỉ: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- c) Diện tích: 2658,3m², (bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm năm mươi tám phẩy ba mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ (Đất chợ)
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/8/2057
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

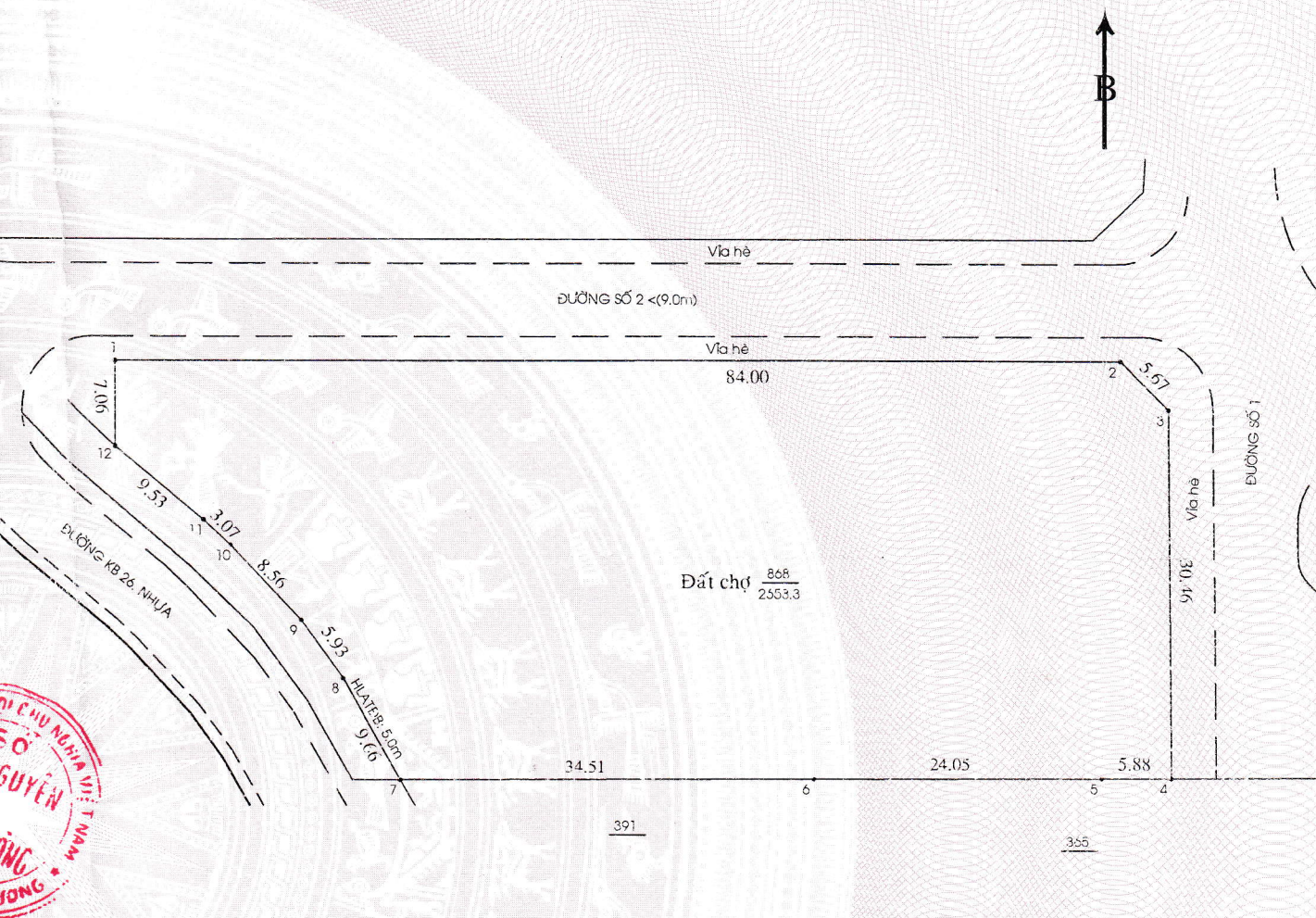
Bình Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT19587

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2833 / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 6 năm 2006

V/v đầu tư xây dựng chợ tại
xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- Sở Thương mại và Du lịch;
- UBND huyện Tân Uyên ;
- Công ty TNHH Quang Vinh .

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quang Vinh tại công văn số 06/CV/2006 ngày 09/5/2006 về việc xin chấp thuận địa điểm đầu tư dự án chợ và xin giao đất và ý kiến của Sở Thương mại và Du lịch tại công văn số 172/STMDL-QLTM ngày 22/5/2006 về việc đầu tư xây dựng chợ tại xã Khánh Bình ; thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh trụ sở chính tại số 1004/12B/19/25B, tổ 5, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An tỉnh Bình Dương được đầu tư xây dựng chợ tại ấp 4 xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trên diện tích đất là 4.500m² để phục vụ cho hoạt động giao lưu hàng hoá của nhân dân trong khu vực .

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ theo đúng quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ ./.

KT- CHỦ TỊCH 

Nơi nhận:

- CT, PCT;
 - Như trên;
 - LĐVP, Lg;
 - Lưu VT. 
- Lg/CV/30/5/2006

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *H33H* / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày *22* tháng *8* năm 2006

V/v mở rộng địa điểm đầu tư xây dựng
chợ tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- UBND huyện Tân Uyên;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quang Vinh tại công văn số 04/CV-2006 ngày 15/8/2006 về việc xin chấp thuận mở rộng địa điểm đầu tư xây dựng chợ và xin giao đất, ý kiến của UBND huyện Tân Uyên tại công văn số 1167/UBND-KTTH ngày 14/8/2006 về việc bố trí địa điểm đầu tư dự án mở rộng khu phố chợ của Công ty TNHH Quang Vinh tại xã Khánh Bình; thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh trụ sở chính tại số 1004/12B/19/25B, tổ 5, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An được đầu tư xây dựng mở rộng chợ tại ấp 4 xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên theo chủ trương tại công văn số 2833/UBND-KTTH ngày 05/6/2006 của UBND tỉnh. Địa điểm mở rộng chợ trên diện tích liền kề với khu vực đã bố trí xây dựng chợ của đơn vị.

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đất đai để mở rộng đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước ./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- Sở TMDL;
- LĐVP, Lg;
- Lưu VT. *L*

Lg/CV/21/8/2006

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Lợi

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5654 / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 11 năm 2006

V/v đầu tư xây dựng mở rộng dự án khu phố
chợ tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- Sở Thương mại và Du lịch;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quang Vinh tại công văn số 12/CV ngày 11/10/2006 về việc xin điều chỉnh nội dung công văn số 4334/UBND-KTTH ngày 22/8/2006 của UBND tỉnh, ý kiến của UBND huyện Tân Uyên tại công văn số 1167/UBND-KTTH ngày 14/8/2006 về việc bố trí địa điểm đầu tư dự án mở rộng khu phố chợ của Công ty TNHH Quang Vinh tại xã Khánh Bình, ý kiến của Sở Thương mại và Du lịch tại công văn số 60/STMDL-QLTM ngày 26/10/2006; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh trụ sở chính tại số 1004/12B/19/25B, tổ 5, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An được đầu tư xây dựng mở rộng khu phố chợ tại chợ Khánh Bình thuộc ấp 4, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo chủ trương tại công văn số 2833/UBND-KTTH ngày 05/6/2006 và công văn số 4334/UBND-KTTH ngày 22/8/2006 của UBND tỉnh.

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục có liên quan để mở rộng đầu tư xây dựng phố chợ và kinh doanh chợ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước ./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- LĐVP, Lg;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *H 33H* / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày *22* tháng *8* năm 2006

V/v mở rộng địa điểm đầu tư xây dựng
chợ tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- UBND huyện Tân Uyên;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quang Vinh tại công văn số 04/CV-2006 ngày 15/8/2006 về việc xin chấp thuận mở rộng địa điểm đầu tư xây dựng chợ và xin giao đất, ý kiến của UBND huyện Tân Uyên tại công văn số 1167/UBND-KTTH ngày 14/8/2006 về việc bố trí địa điểm đầu tư dự án mở rộng khu phố chợ của Công ty TNHH Quang Vinh tại xã Khánh Bình; thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh trụ sở chính tại số 1004/12B/19/25B, tổ 5, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An được đầu tư xây dựng mở rộng chợ tại ấp 4 xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên theo chủ trương tại công văn số 2833/UBND-KTTH ngày 05/6/2006 của UBND tỉnh. Địa điểm mở rộng chợ trên diện tích liền kề với khu vực đã bố trí xây dựng chợ của đơn vị.

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đất đai để mở rộng đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước ./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- Sở TMDL;
- LDVP, Lg;
- Lưu VT. *L*

Lg/CV/21/8/2006

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2233 / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 6 năm 2006

V/v đầu tư xây dựng chợ tại
xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- Sở Thương mại và Du lịch;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quang Vinh tại công văn số 06/CV/2006 ngày 09/5/2006 về việc xin chấp thuận địa điểm đầu tư dự án chợ và xin giao đất và ý kiến của Sở Thương mại và Du lịch tại công văn số 172/STMDL-QLTM ngày 22/5/2006 về việc đầu tư xây dựng chợ tại xã Khánh Bình; thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh trụ sở chính tại số 1004/12B/19/25B, tổ 5, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An tỉnh Bình Dương được đầu tư xây dựng chợ tại ấp 4 xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trên diện tích đất là 4.500m² để phục vụ cho hoạt động giao lưu hàng hoá của nhân dân trong khu vực.

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ theo đúng quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ ./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
 - Như trên;
 - LĐVP, Lg;
 - Lưu VT. *L*
- Lg/CV/30/5/2006

KT- CHỦ TỊCH *h*

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Lợi

Số: 2143 /SKHĐT-KTĐN

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2020

V/v đề nghị quyết định chủ trương đầu tư
dự án chợ và khu phố chợ Khánh Bình
của Công ty TNHH Quang Vinh tại
khu phố Long Bình, phường Khánh Bình.

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án chợ và khu phố chợ Khánh Bình của Công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên.

Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến phúc đáp như sau:

- Công ty TNHH Quang Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và mở rộng xây dựng chợ và khu phố chợ tại các công văn số 2833/UBND-KTTH ngày 05 tháng 6 năm 2006, số 4334/UBND-KTTH ngày 22 tháng 8 năm 2006 và số 5654/UBND-KTTH ngày 01 tháng 11 năm 2006 chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh được đầu tư xây dựng chợ và đầu tư xây dựng mở rộng khu phố chợ tại ấp 4, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên).

- Ngày 09 tháng 8 năm 2007 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3452/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên) tỉnh Bình Dương.

- Ngày 27 tháng 3 năm 2017 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 748/QĐ-UBND về việc giao đất, cho thuê đất (đợt 2), đồng thời điều chỉnh mục đích sử dụng đất đối với diện tích đã giao đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên.

- Theo báo cáo giải trình của Công ty TNHH Quang Vinh. Đến nay, Công ty đã hoàn thành các thủ tục về đất đai: đã được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch được phê duyệt và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng loại đất theo cơ cấu đã được phê duyệt (65 thửa đất ở và 03 thửa đất thương mại dịch vụ). Tuy nhiên, do bị sai lệch tọa độ các công trình tại dự án trong thi công, đồng thời do Nhà nước quy hoạch mở rộng lộ giới các đường ĐT 746 và đường Khánh Bình 26 nên Công ty xin điều chỉnh lại quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án cho phù hợp hiện trạng.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư năm 2014. Dự án chợ và khu phố chợ Khánh Bình của Công ty TNHH Quang Vinh không có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, do đó không thuộc trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

- Căn cứ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại công văn số 4293/UBND-KTN ngày 03 tháng 9 năm 2020 “Từ ngày 10/9/2020, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận xử lý và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ đăng ký đầu tư các dự án nhà ở có chuyển mục đích sử dụng đất”.

Xuất phát từ các lý do trên, đề nghị Công ty TNHH Quang Vinh liên hệ với Sở xây dựng để được hướng dẫn thủ tục điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến Công ty TNHH Quang Vinh được biết và thực hiện./2012

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Xây dựng;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, ĐKKD, KTDN (L).



GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]
Mai Bá Trước

Số: 3861/QĐ-UBND

Tân Uyên, ngày 29 tháng 12 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết
chợ và khu phố chợ Khánh Bình – xã Khánh Bình- huyện Tân Uyên.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật xây dựng năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về
quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 4/4/2006 của UBND tỉnh Bình
Dương về việc phân cấp thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng
trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị tại tờ trình số 282/TTr-QLĐT
ngày 29/12/2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết chợ và Khu phố chợ Khánh
Bình, xã Khánh bình- huyện Uyên uyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt quy hoạch chi tiết chợ và Khu phố chợ Khánh Bình- xã
Khánh Bình- huyện Tân Uyên.

A./ THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

- + 1/22 Sơ đồ vị trí khu đất quy hoạch TL1/5000
- + 2/22 Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật TL1/500
- + 3/22 Bản đồ hiện trạng sử dụng đất TL1/500
- + 4/22 Bản đồ quy hoạch cơ cấu TL1/1000
- + 5/22 Bản đồ quy hoạch phân lô TL1/500
- + 6/22 Bản đồ quy hoạch kiến trúc không gian TL1/500
- + 7/22 Bản đồ quy hoạch cảnh quan TL1/500
- + 8/22 Bản đồ quy hoạch chỉ giới xây dựng TL1/500
- + 9/22 Bản đồ quy hoạch san nền TL1/500
- + 10/22 Bản đồ quy hoạch giao thông TL1/500
- + 11/22 Mẫu thiết kế đô thị
- + 12/22 Mẫu thiết kế đô thị
- + 13/22 Mẫu thiết kế đô thị

- + 14/22 Mẫu thiết kế đô thị
- + 15/22 Bản đồ quy hoạch lưới điện trung thế TL1/500
- + 16/22 Bản đồ quy hoạch lưới điện hạ thế TL1/500
- + 17/22 Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng TL1/500
- + 18/22 Bản đồ quy hoạch cấp nước & PCCC TL1/500
- + 19/22 Bản đồ quy hoạch thoát nước bản TL1/500
- + 20/22 Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa TL1/500
- + 21/22 Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc TL1/500
- + 22/22 Bản đồ quy hoạch tổng hợp đường dây đường ống TL1/500
- + Thuyết minh tổng hợp quy hoạch chi tiết.

B./ NỘI DUNG THIẾT KẾ:

1. Mục tiêu:

- Xây dựng một chợ và khu phố chợ đảm bảo về kỹ thuật hạ tầng cũng như về không gian cảnh quan kiến trúc.

- Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và ở của cư dân trong xã Khánh Bình và khu vực lân cận. Sự hình thành khu phố chợ này có tính thực tiễn cao.

Chợ và Khu phố chợ được thiết kế nhằm gắn liền với các khu vực chung quanh bao trong một tổng thể thống nhất và hài hoà về không gian và cơ sở hạ tầng cũng như đảm bảo môi trường xung quanh.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm đường giao thông, hệ thống thoát nước, cấp nước, cấp điện, vệ sinh môi trường được thiết kế hiện đại cho trước mắt và lâu dài, đảm bảo phục vụ các nhu cầu ở.

2. Vị trí, ranh giới khu vực qui hoạch:

Toàn khu đất qui hoạch Chợ và Khu phố Khánh Bình tọa lạc tại ấp 4, xã Khánh Bình-huyện Tân Uyên-tỉnh Bình Dương.

*Vị trí này có đặc trưng như sau:

Cách trung tâm thị trấn Uyên Hưng khoảng 03 km

Cách trung tâm Thị Xã Thủ Dầu Một khoảng 10 km

Cách quốc lộ 13 khoảng 10 km.

*Có tứ cận như sau:

- Phía Đông: giáp đất trống
- Phía Tây: giáp đường giao thông nhỏ.
- Phía Nam: giáp đất trống.
- Phía Bắc: giáp đường ĐT 746

3. Quy mô đất xây dựng:

+ Tổng diện tích: 17.475m²

4. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

ST T	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỈ LỆ (%)
1	Đất ở	8.009	45,84%
2	Đất giao thông	5.981	34,22%
3	Đất công trình kỹ thuật	95	0,54%
4	Đất thương mại-du lịch	2.306	13,20%
5	Đất cây xanh, công viên	1.084	6,20%
	Tổng cộng	17.475	100%

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

5.1/- Hệ thống giao thông:

- Trục giao thông đối ngoại vào khu là đường số 1, trong khu chia theo dạng bàn cờ.

- Toàn bộ mặt đường được thiết kế bê tông nhựa nóng nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường và tăng tuổi thọ của đường.

- Vĩa hè được lát gạch bê tông (gạch Block) với tuổi thọ phục vụ cao và tạo cảnh quan hài hoà.

Khu vực quy hoạch tiếp cận đối ngoại với đường DT 746 là tuyến giao thông chính của khu vực.

Khu vực quy hoạch không có đường nội bộ.

Bảng tổng hợp đường:

1./ **Bình đồ tuyến:** theo trục quy hoạch khu dân cư. Bán kính cong tại các ngã 3, ngã 4 được thiết kế với $R=6m$. Tổng chiều dài đường giao thông là 376m, trong đó:

2./ **Trắc dọc tuyến:** cao độ sang nền là bằng phẳng nên cao độ thiết kế trắc dọc $i=0.3-0.4\%$.

3./ Mặt cắt ngang :

a./ Đường số 1: mặt cắt A-A dài 168m, mặt đường rộng 7,5m, lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 3,5 x 2 bên, độ dốc ngang mặt đường 2 %.

b./ Đường số 2: mặt cắt B-B, dài 105m, mặt đường rộng 6,0m, lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 2,0 x 2 bên, độ dốc ngang mặt đường 2 %

c./ Đường số 3: mặt cắt C-C, dài 63m, mặt đường rộng 6,0m , lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 2,05 x 2 bên, độ dốc ngang mặt đường 2 %.

5.2/ Hệ thống cấp nước:

Tiêu chuẩn và yêu cầu dùng nước:

Tiêu chuẩn: Quy phạm quản lý kỹ thuật hệ thống cấp thoát nước TCXDVN 33-2006 của Bộ xây dựng- yêu cầu cấp nước PCCC- TCVN2622-1995.

- Nước sinh hoạt, sản xuất: 150l/người/ngày.
- Nước công cộng, dịch vụ: 20% Qsh.
- Nước tưới cây rửa đường: 10 % Qsh
- Nước thất thoát, rò rỉ: 20% Qnc
- Nhu cầu dùng nước:
- Nhu cầu tính toán:

stt	các yếu tố tính toán	dân số (người)	tiêu chuẩn	nhu cầu(m ³ /ngày)
1	nước sinh hoạt Qsh	400	150l/người/ngày	60
2	nước cho tưới cây		10% SQsh	6
3	nước cho CTCC, dịch vụ		15% Qsh	12
4	tổng nhu cầu dùng nước(Qnc)			78
5	nước thất thoát, rò rỉ.		20%Qnc	15.6
6.	công suất mạng			93.6
lưu lượng tính toán				93.6

Lưu lượng cần thiết $Q_{ct_{ngày}} = Q_{ngày \max} = Q_{\max} \times K_{ngày \max} = 93.6 \times 1.4 = 131$ m³/ngày

$K_{ngày \max} = 1.4$: Hệ số dùng nước không điều hoà ngày.

$K_{giờ \max} = 1.2$: Hệ số dùng nước không điều hoà giờ.

$Q_{ct_s} = Q_{ct_{ngày}} \times K_{giờ \max} / 86400 = 131 / 86400 = 0.0015$ m³/s

Lưu lượng cấp nước chữa cháy q – 10l/s cho một đám cháy theo TCVN. Số đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là 1.(số dân dưới 5000 thì số đám cháy xảy ra đồng thời là 1)

b./ Nguồn nước, mạng lưới phân phối:

Khu đất quy hoạch hiện tại chưa có hệ thống cấp nước tập trung, nhân dân trong vùng đang sử dụng nước ngầm qua giếng đào cá nhân của các hộ gia đình, chiều sâu giếng từ 40m trở lên.

Đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục để phục vụ sinh hoạt cho khu dân cư với các yêu cầu đủ lưu lượng, đúng áp lực và đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Đối tượng và phạm vi cấp nước: cấp cho khu dân cư và các công trình nhà lồng chợ trong khu quy hoạch.

Do khu đất xây dựng khu dân cư chưa có mạng lưới đường ống cấp nước, nên phải xây dựng mạng lưới đường ống mới hoàn toàn. Theo quy hoạch dân cư bố trí dọc theo các trục đường. Vì vậy mạng lưới đường ống được bố trí 2 bên

đường cho các tuyến ống, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo tạo thành những mạng vòng khép kín, nhằm đáp ứng việc cấp nước an toàn liên tục.

Hành lang đặt ống sẽ được tuân thủ theo quy hoạch của từng tuyến đường giao thông trong khu dân cư.

Mạng lưới đường ống cấp nước:

Để cấp nước cho khu quy hoạch sẽ lấy nước từ tuyến ống $\varnothing 800$ của hệ thống cấp nước trên đường ĐT 746.

Các tuyến chính tạo thành các vòng khép kín và liên tục trong toàn khu, đường kính từ $\varnothing 60 - \varnothing 80$.

5.3/ Hệ thống thiết bị PCCC:

Dựa vào các tuyến ống cấp nước chính cho cả khu bố trí 3 trụ lấy nước chữa cháy $\varnothing 80$ với bán kính phục vụ 150m.

đầu tư xây dựng hệ thống thu chống xét trên nóc mái nhà lồng chợ nhằm đảm bảo thu chống xét cho công trình chợ và khu dân cư.

Ngoài ra khi có sự cố cháy, cần phải gọi xe chữa cháy chuyên dùng để hỗ trợ. (Riêng khu nhà lồng chợ sẽ có hệ thống chữa cháy riêng sẽ thiết kế trong bước thiết kế kỹ thuật. Để đảm bảo dập tắt các đám cháy một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất).

5.3/ Hệ thống thoát nước mưa và nước thải:

* Hệ thống thoát nước mưa và nước thải thoát riêng trong từng hệ thống.

- Hệ thống thoát nước sử dụng hệ thống ống cống BTLT và hố ga BTCT

- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm thiểu kích thước cống và khối lượng đào đắp.

Các phân băng ngang đường của hệ thống thoát nước sử dụng cống BTLT chịu lực.

Các hố thu nước phải có song chắn rác và gờ hàm ếch để lắng cát.

Tính toán lưu lượng nước thải bằng lưu lượng nước cấp.

$$Q_{\text{thải}} = 320^3/\text{ngày}$$

Cường độ tính toán nước mưa của khu vực Bình Dương $q_5=496\text{l/s-ha}$.

Chọn độ dốc cống:

Đối với các tuyến ống có địa hình dốc thuận, ta lấy độ dốc của cống là độ dốc địa hình

Đối với các tuyến cống có địa hình dốc ngược hay bằng phẳng, ta lấy độ dốc của cống là độ dốc min như sau:

$$i \approx i_{\min} \approx 1/D$$

trong đó:

D: đường kính cống sẽ xác định trong tính toán.

Tóm lại ta sẽ chọn sơ bộ $i = 0.3\%$. (chọn D, i sao cho V chảy trong đoạn cống $V_{\text{lắng}} < V < V_{\text{xói}}$ để cho đường ống tự cọ rửa)

-Bố trí các hố ga dọc theo các ống cống cách nhau trên dưới 30m để thu nước mưa dọc theo các trục đường trong khu quy hoạch. Các hố ga thoát nước thải được bố trí tại vị trí giữa 2 nhà để thu nước thải sinh hoạt từ 2 nhà vào chung 1 hố ga thoát nước thải và được dẫn về nhà máy xử lý nước thải, vị trí nhà máy này được bố trí như trong quy hoạch tổng thể. Hướng thoát nước bắt đầu từ các nhánh cấp 2, sau đó nhập vào nhánh cấp 1, rồi đổ ra hướng đường ĐT 746(nước mưa). Riêng nước thải sẽ tập trung về nhà máy xử lý nước thải. Sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ đổ chung vào hố ga thoát nước mưa gần nhà máy xử lý nước thải rồi theo hệ thống thoát nước mưa rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước đường ĐT 746.

Tuy nhiên trước mắt nước mưa sẽ được đầu nối cho thoát vào hệ thống cống của khu công nghiệp nam Tân uyên.

Lắp đặt hố ga tại các vị trí khoảng cách 30m để tiện việc nạo vét. Hố ga bằng bê tông đá 1x2 mác 200, dày 200mm, đáy đổ bê tông đá 4x6 M100 dày 150mm nắp đan BTCT Mác 200 dày 90mm.

5.4/- Hệ thống cấp điện:

Chợ và khu phố chợ Khánh Bình hiện là đất nông nghiệp hầu như chưa có trạm phân phối điện, hiện trạng đã có nguồn lưới điện 22KV đã kéo về dọc theo trục đường ĐT 746.

Chợ và khu phố chợ Khánh Bình do công ty TNHH Quang Vinh làm chủ đầu tư có diện tích: 17.475m².

-Nguồn điện: Chợ và khu phố chợ Khánh Bình được cấp điện từ lưới điện Quốc gia, nhận điện lưới điện chung của tỉnh Bình Dương. kết nối và hạ bình từ lưới điện hiện hữu đường ĐT746 để sử dụng.

5.5/ Mạng lưới thông tin bưu điện: để đáp ứng nhu cầu dịch vụ bưu chính viễn thông , thông tin điện thoại sẽ được kết nối với hệ thống cáp thông tin bưu điện cụm công nghiệp nam Tân Uyên.

5.6/.Vệ sinh môi trường:

Tất cả các khu vệ sinh trong mỗi căn hộ đều phải có bể tự hoại 3 ngăn đúng theo quy cách để xử lý sơ bộ nước thải từ các khu vệ sinh trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Nước thải trước khi thoát vào hệ thống sông rạch phải có nồng độ các chất bẩn không vượt quá giới hạn cho phép ghi trong cột B-bảng 1-TCVN-1995.

Rác thải phải được phân loại trong từng căn hộ trước khi cơ quan có chức năng đến thu gom mỗi ngày và vận chuyển đến khu xử lý rác thải của tỉnh. Riêng các loại rác hữu cơ phải có hợp đồng với cơ quan chức năng đến thu gom và vận chuyển đến khu vực xử lý. Mật độ thu gom: 100%.

Điều 2. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện theo quy hoạch chi tiết và quy chế quản lý xây dựng, báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu phố chợ nhằm đưa ra biện pháp xử lý thích hợp, đảm bảo điều kiện vệ sinh cho cả khu vực bên trong lẫn bên ngoài khu phố chợ, thỏa thuận với cơ quan phòng

cháy chữa cháy và triển khai thực hiện dự án chợ và khu phố chợ đúng theo trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng quản lý Đô thị , Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường, Chủ tịch UBND xã Khánh Bình, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.

16/ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VÕ VĂN DANH

PHÓ CHỦ TỊCH

Số: 519/H /QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 28 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình, phường Khánh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư 07/2008/TT-BXD ngày 09/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình, tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh thời gian sử dụng đất của Công ty TNHH Quang Vinh;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết chợ và khu phố chợ Khánh Bình- xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên;

Xét Báo cáo thẩm định và Tờ trình số 149/TTr-QLĐT ngày 24/10/2016 của Phòng Quản lý đô thị về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình, phường Khánh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình, phường Khánh Bình, với các nội dung sau:

I. Nội dung:

1. Tên dự án và Chủ đầu tư:

- Tên dự án: Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình (Chợ Quang Vinh 1).
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quang Vinh.
- Địa điểm xây dựng: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch phát triển đô thị Bình Dương.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất:

Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình thuộc phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với tứ cận như sau:

- Đông giáp: DNTN Hùng Hưng và đất dân cư;
- Tây giáp: đất dân cư và đường Khánh Bình 26;
- Nam giáp: đất dân cư hiện hữu;
- Bắc giáp: đường ĐT 746.

3. Quy mô đất quy hoạch:

- Quy mô diện tích điều chỉnh: 18.249,82m².
- Dân số: khoảng 400 người.
- Tính chất khu vực quy hoạch: Là nơi trao đổi, buôn bán hàng hóa phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt của cư dân trong phường Khánh Bình và khu vực lân cận.

4. Nội dung điều chỉnh:

Tuân theo Quy hoạch quy hoạch chi tiết đã được UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên) phê duyệt tại Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 29/12/2006, chỉ điều chỉnh lại một số nội dung phù hợp với thực tế như sau:

4.1 Ranh giới:

Tổng diện tích khu đất quy hoạch điều chỉnh là 18.249,82m², tăng 774,82m² so với quy hoạch được duyệt là 17.475 m², do tình hình thực hiện đồ án những năm trước chưa tiến hành đo đạc khảo sát kỹ dẫn đến sự sai khác về ranh giới của đồ án đã phê duyệt so với thực tế.

4.2 Sử dụng đất:

a. Đất ở:

- Điều chỉnh giảm tổng quy mô diện tích toàn khu so với quy hoạch được duyệt do các quy định về hành lang an toàn đường bộ và hành lang an toàn đường điện.

- Điều chỉnh giảm một thửa đất còn 65 thửa so với quyết định phê duyệt là 66 thửa tại vị trí lô A1 thửa số 6 và số 7 trên trục đường ĐT 746.

- Thương mại dịch vụ: điều chỉnh tăng quy mô diện tích từ phần đất đất hạ tầng kỹ thuật và đất sân bãi nhằm đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy chuẩn đáp ứng cho nhu cầu khai thác hiệu quả sử dụng đất của lô đất thương mại dịch vụ.

- Đất cây xanh: điều chỉnh giảm quy mô diện tích so với quy hoạch được duyệt thực tế do điều chỉnh vị trí đất cây xanh (CX2) thành đất sân bãi và đất hạ tầng kỹ thuật.

- Bổ sung đất trụ sở (nhà bảo vệ): tại khu vực đất sân bãi phía Nam lô đất ở A2 trên trục đường Số 1 theo nhu cầu thực tế của khu nhằm đảm bảo về tình hình an toàn trật tự và quản lý của một khu chợ và phố chợ.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: điều chỉnh thay đổi vị trí trên trục đường Số 2 chuyển về vị trí đất cây xanh CX2 trên trục đường Số 3 phía Đông Nam khu đất theo nhu cầu thực tế của lô đất thương mại.

b. Giao thông:

- Đường ĐT 746: điều chỉnh theo lộ giới hiện tại là 42m.

- Đường Khánh Bình 26: cập nhật hành lang an toàn đường bộ và điều chỉnh lộ giới theo quy hoạch phân khu là 17,0m.

- Đường Số 1:

+ Điều chỉnh mặt cắt ngang (3,5m-7,5m-3,5m) thành (3,75m-7,0m-3,75m) lộ giới 14,5m.

+ Điều chỉnh khoảng lùi xây dựng bên trái thuộc lô A2 từ 1,5m thành 1,3m do thực tế quá trình thi công có sai số so với quy hoạch được duyệt.

+ Điều chỉnh đoạn cuối tuyến về phía Nam không đầu nối ra ngoài ranh quy hoạch do thực tế đất phía ngoài ranh không có đường hiện hữu và các dự án mà là đất dân nên khó thực hiện cho việc kết nối thông tuyến sau này.

c. Đường điện:

Điều chỉnh hành lang an toàn đường điện 110kV tối thiểu 4m tính từ dây ngoài cùng về mỗi phía theo Nghị định 14/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện.

d. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng 1. Bảng cơ cấu sử dụng đất toàn khu

STT	LOẠI ĐẤT	CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT				HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	MỖXD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO XD (tầng)	TỶ LỆ (%)
		Diện tích (m ²)	Số thửa	Dân số (người)	Chỉ tiêu (m ² /ng)				
I	ĐẤT DÂN DỤNG	16.773,81			41,93				91,91

1	Đất ở (phố chợ)	7.857,59	65	400	19,64			2-4	43,06
	Lô A1	3.013,00	16	98	7,53	$\leq 3,0$	≤ 74		
	Lô A2	2.435,04	17	105	6,09	$\leq 3,5$	≤ 88		
	Lô A3	1.088,51	19	117	2,72	$\leq 4,0$	≤ 100		
	Lô A4	490,09	5	31	1,23	$\leq 3,6$	≤ 90		
	Lô A5	830,94	8	49	2,08	$\leq 3,6$	≤ 89		
2	Đất thương mại dịch vụ (chợ)	2.658,30			6,65	$\leq 1,2$	≤ 60	1-2	14,57
3	Đất trụ sở (nhà bảo vệ)	71,28			0,18	$\leq 0,4$	≤ 40	1	0,39
4	Đất cây xanh	493,38			1,23				2,70
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	572,74			1,43				3,14
	Hành lang kỹ thuật sau nhà	455,29			1,14				
	Trạm xử lý nước thải	99,00			0,25				
	Trạm rác	18,46							
6	Đất giao thông	4.502,61			11,26				24,67
7	Đất sân bãi (bãi xe)	617,91			1,54				3,39
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	1.476,01							8,09
1	Đất HLAT đường điện	1.476,01							8,09
	TỔNG CỘNG	18.249,82	65	400	45,62	$\leq 1,6$	$\leq 45,3$	3,60	100,00

5. Các yêu cầu kiến trúc cảnh quan:

Các yêu cầu kiến trúc cảnh quan (mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất ...) được quy định phù hợp với từng khu chức năng và đúng với tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

5.1 Đất ở (phố chợ):

a. Lô A1: có mặt đứng chính và mặt bên nằm trên trục đường DT 746 và đường Số 1:

- Tầng cao xây dựng: 4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa: $\leq 74\%$.

- Hệ số sử dụng đất: $\leq 3,0$.
- Khoảng lùi xây dựng:
 - + Đối với đường ĐT 746: 15 mét.
 - + Đối với đường Số 1 : 1,5 mét.

b. Lô A2: có mặt đứng chính và mặt bên nằm trên trục đường ĐT 746 và đường Số 1:

- Tầng cao xây dựng: 2-4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa: $\leq 88\%$.
- Hệ số sử dụng đất: $\leq 3,5$.
- Khoảng lùi xây dựng:
 - + Đối với đường ĐT 746: 15 mét.
 - + Đối với đường Số 1 : 1,3 mét.

c. Lô A3: có mặt đứng chính và mặt bên nằm trên trục đường Số 1 và đường Số 2:

- Tầng cao xây dựng: 2-4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa: $\leq 100\%$.
- Hệ số sử dụng đất: $\leq 4,0$.
- Khoảng lùi xây dựng:
 - + Đối với đường Số 1: 1,5 mét.
 - + Đối với đường Số 2: 1 mét.

d. Lô A4, A5: có mặt đứng chính và mặt bên nằm trên trục đường Số 1 và đường Số 3:

- Tầng cao xây dựng: 2-4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa: $\leq 90\%$.
- Hệ số sử dụng đất: $\leq 3,6$.
- Khoảng lùi xây dựng: 0 mét.

5.2 Đất dịch vụ thương mại:

- Tầng cao xây dựng: 1-2 tầng.
- Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$.
- Hệ số sử dụng đất: $\leq 1,5$.
- Khoảng lùi xây dựng: 0 mét.

5.3 Đất trụ sở (nhà bảo vệ):

- Tầng cao xây dựng: 01 tầng.

- Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.
- Hệ số sử dụng đất: $\leq 0,4$.
- Khoảng lùi xây dựng: 1,3mét.

5.4 Đất cây xanh: không xây dựng các công trình.

5.5 Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải, sân bãi):

Áp dụng theo quy định của ngành và được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

5.6 Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

Tuân theo Quy hoạch quy hoạch chi tiết đã được UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên) phê duyệt tại Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 29/12/2006.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1 Quy hoạch giao thông:

a. Các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Đường phố nội bộ, tốc độ thiết kế 20 Km/h, tải trọng trục thiết kế 100 KN.
- Độ dốc ngang mặt đường 2%, độ dốc dọc từ 0% - 2%.
- Bán kính cong tại các ngã 3, ngã 4 được thiết kế với $R \geq 8m$.
- Kết cấu đường: mặt đường bê tông nhựa nóng, vỉa hè đổ bê tông xi măng.

b. Mô tả:

Giao thông đối ngoại: các trục đường giao thông đối ngoại bao gồm:

ĐT 746: là tuyến giao thông chính đi qua khu đất tiếp giáp về phía Bắc kết cấu nhựa nóng giới lộ 42,0m, chỉ giới xây dựng 36m.

- Khánh Bình 26: là tuyến giao thông tiếp giáp phía Tây khu đất kết, lộ giới theo định hướng quy hoạch phân khu 17,0m.

Giao thông đối nội:

Hệ thống giao thông đối nội của khu vực quy hoạch được thiết kế dạng bàn cờ, kết nối với nhau một cách liên hoàn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa.

Đường Số 1: là tuyến giao thông chính kết nối từ đường ĐT 746 vào khu quy hoạch lộ giới 14,5m.

- Đường Số 2: là tuyến giao thông kết nối từ đường Khánh Bình 26 đến đường Số 1 lộ giới 10m.

- Đường Số 3: là tuyến giao thông kết nối từ đường Số 1 về phía Đông khu đất lộ giới 10m.

c. Bảng thống kê đường giao thông:

**Bảng 2. Bảng thống kê tổng hợp hệ thống giao thông
và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng**

Stt	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Chiều rộng (mét)					CGĐĐ (m)		CGXD (m)	
			Vĩa hè	Phân cách	Mặt đường	Vĩa hè	Lộ giới	Bên trái	Bên phải	Bên trái	Bên phải
I	Giao Thông Đối Ngoại										
1	Đường ĐT 746	1 - 1	8	2	24	8	42	21	21	36	36
2	Đường Khánh Bình 26	4 - 4	5		7	5	17,0	8,5	8,5	8,5	8,5
II	Giao Thông Nội Bộ										
1	Đường Số 1	2 - 2	3,75		7	3,75	14,5	7,25	7,25	8,75	8,55
2	Đường Số 2	3 - 3	2		6	2	10	5	5	6	5
3	Đường Số 3	3 - 3	2		6	2	10	5	5	5	5
		3'-3'	2	6	12	2	22	11	11	11	11

6.2 Quy hoạch san nền và hệ thống thoát nước mưa:

a. San nền:

- Hiện trạng: Địa hình khu đất đã được san lấp theo quy hoạch được duyệt, cao độ tự nhiên thấp nhất là 36,85m theo cao độ chuẩn quốc gia nằm về phía bắc khu đất, cao độ cao nhất là 37,51m nằm về phía nam khu quy hoạch.

- Hướng dốc san nền chính của khu vực quy hoạch là hướng Nam lên Bắc.

b. Thoát nước mưa:

- Nguồn tiếp nhận: toàn bộ hệ thống thoát nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước trên đường ĐT 746.

- Giải pháp thiết kế:

+ Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng.

+ Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch được thu gom và thoát về phía bắc khu đất hướng ra đường ĐT 746.

+ Công thoát nước của khu vực quy hoạch sử dụng loại cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn đường kính D500.

+ Tuyến cống thoát nước mưa D500 của dự án được đấu nối với tuyến cống thoát nước mưa hiện hữu D1000 trên đường ĐT 746.

6.3 Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước là: $127,26\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn cấp: từ tuyến ống cấp nước D100 hiện hữu trên đường ĐT 746.
- Giải pháp cấp nước:
 - + Đường ống cấp nước được bố trí hai bên đường.
 - + Mạng lưới được xây dựng bằng các ống uPVC đường kính D60-D150.
- Phòng cháy chữa cháy:

Dựa và hệ thống cấp nước trong khu quy hoạch sẽ bố trí 03 họng chữa cháy Ø100, cự ly 120m một trụ. Lưu lượng nước chữa cháy 10lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần phải gọi xe chữa cháy chuyên dùng để hỗ trợ.

6.4 Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải: $100,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn tiếp nhận:
 - + Nước thải sinh hoạt trước khi đổ vào hệ thống đường cống gom phải được xử lý cục bộ trong từng công trình.
 - + Tất cả các khu vệ sinh đều phải có bể tự hoại 3 ngăn, xây đúng quy cách, để xử lý sơ bộ tránh ô nhiễm môi trường và làm tắc nghẽn hệ thống cống dẫn.
 - + Toàn bộ nước thải của khu vực thiết kế đều được thu gom và đưa về trạm xử lý đặt cuối tuyến đường Số 3.
- Giải pháp thiết kế:
 - + Hệ thống thoát nước thải của khu quy hoạch được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.
 - + Cống thoát nước thải sử dụng cống BTCT đường kính D200.
 - + Nước thải sau khi xử lý được thoát ra tuyến cống thoát nước mưa trên đường số 3.

6.5 Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Tổng công suất của khu quy hoạch là: 375.1 KVA.
- Nguồn cấp điện: nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch lấy từ lưới điện quốc gia qua đường dây trung thế 22kV trên đường ĐT 746.
- Giải pháp thiết kế: Nâng cấp trạm hạ thế hiện hữu 183kVA thành 400 kVA. 22/04KV đảm bảo theo nhu cầu sử dụng điện mới cho toàn khu.
- Mạng lưới trung thế: đi nổi sử dụng cáp AsEV (P: 3x70mm²+N: 1x50mm²).
- Mạng lưới hạ thế: đi nổi sử dụng cáp ABC 4x120mm² và cáp ABC 4x95mm².
- Mạng lưới chiếu sáng: đi nổi trên trụ điện hạ thế, sử dụng cáp ABC 4x16mm² và bộ đèn cao áp 150W/220V.

6.6 Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nhu cầu thuê bao của toàn khu quy hoạch là: 131 thuê bao.
- Nguồn cung cấp: Nguồn cung cấp cho khu được lấy từ tuyến thông tin hiện hữu từ các nhà mạng được treo trên các trụ điện dọc đường ĐT 746.
- Giải pháp thiết kế: Cáp thông tin liên lạc được đi nổi trên trụ điện hạ thế.

6.7 Rác thải và bảo vệ môi trường:

- Tổng khối lượng chất thải rắn của khu nhà quy hoạch là: 2.383,73 kg/ngày.
- Hệ thống thu gom và nguồn tiếp nhận:
 - + Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.
 - + Hình thức thu gom: Việc thu gom rác được thực hiện từ nhà ở các hộ gia đình.
 - + Thu gom rác tại các khu nhà ở: Mỗi hộ gia đình sẽ tự thu gom và đổ rác vào thùng rác của nhà mình. Sau đó được các công nhân vệ sinh thu gom vào các xe vận chuyển rác.
 - Vận chuyển rác: Dùng xe chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác từ các hộ dân cư đến khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh.
 - Không được thường xuyên xả khói, khí thải gây khó chịu cho cư dân xung quanh. Miệng xả ống khói, ống thông hơi không được hướng ra đường phố, nhà xung quanh. Ống thoát hơi có đường kính tối thiểu 160 mm, vị trí miệng ống thoát hơi phải đặt phía sau nhà, cách vị trí cao nhất của mái nhà tối thiểu 1,0.
 - Hạn chế khói bụi, tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công: chủ đầu tư và các đơn vị thi công cần có kế hoạch thi công hợp lý.
 - Trong những ngày nắng hạn chế mức độ ô nhiễm khói bụi tại khu vực công trường, tiến hành phun nước thường xuyên.
 - Khi chuyên chở vật liệu xây dựng các xe vận tải phải được phủ kín. Trong quá trình thi công phải trang bị hệ thống che chắn công trình, tránh bụi và vật dụng rơi từ trên cao xuống.
 - Tập kết vật tư đúng nơi quy định, không được đổ tràn lan trên vỉa hè và đường phố, phải bảo vệ vỉa hè tại các khu vực nhà xây dựng. Các thiết bị thi công có tiếng ồn và độ rung lớn không hoạt động trong thời gian từ 18 – 6h hàng ngày. Lựa chọn thiết bị thi công thích hợp để tránh rung động, khói bụi và tiếng ồn đối với các hộ dân xung quanh.
 - Hạn chế nước thải và chất thải trong quá trình thi công: Nước thải phải được dẫn vào bể lắng trước khi thoát ra xung quanh. Các chất thải rắn sẽ được tập trung tại bãi chứa qui định và được vận chuyển đến bãi rác xây dựng quy định trong một thời gian định kỳ.

II. Thành phần hồ sơ:

Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất; tỷ lệ từ 1/2.000 đến 1/5.000;

- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; tỷ lệ 1/500;
- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan; tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch chia lô, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch san nền, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng, tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống, tỷ lệ 1/500;
- Bản vẽ thiết kế đô thị.
- Thuyết minh tổng hợp.

III. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (Công ty TNHH Quang Vinh):

- Lập và trình duyệt dự án trong thời hạn 12 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
- Đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đồng bộ với hệ thống hạ tầng khu vực xung quanh, phù hợp với tiến độ thực hiện dự án. Đảm bảo cốt san nền, hệ thống thoát nước mưa và nước thải.
- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình thuộc dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.
- Thỏa thuận về phòng cháy chữa cháy.
- Công bố quy hoạch chi tiết theo quy định.
- Triển khai thực hiện dự án đúng theo trình tự xây dựng cơ bản hiện hành, chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.
- Quản lý và có trách nhiệm đối với việc kiểm tra, báo cáo về các hoạt động xây dựng, mua bán của người dân tại dự án.

Điều 2. Sau khi Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu phố chợ Khánh Bình được phê duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Khánh Bình, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *tail*

Nơi nhận: *lu*

- CT, các P.CT;
- Như điều 3 ;
- Lưu VT, (D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**ỦY CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng桂

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /2008/QĐ-UBND

Tân Uyên, ngày 04 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý xây dựng
chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 4 - xã Khánh Bình -
huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 90/2006/QĐ-UBND ngày 04/4/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định phân cấp thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2833/UBND-KTTH ngày 05/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc đầu tư xây dựng chợ;

Căn cứ Công văn số 4334/UBND-KTTH ngày 22/08/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc mở rộng địa điểm đầu tư xây dựng chợ của Công ty TNHH Quang Vinh tại ấp 4, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện tại Tờ trình số 492/TTr-QLĐT ngày 21/12/2007 về việc đề nghị ban hành Quy chế quản lý xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 4 - xã Khánh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình do Công ty TNHH Quang Vinh làm chủ đầu tư tại ấp 4 - xã Khánh Bình - huyện Tân Uyên - tỉnh Bình Dương.

Điều 2: Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Công ty TNHH Quang Vinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

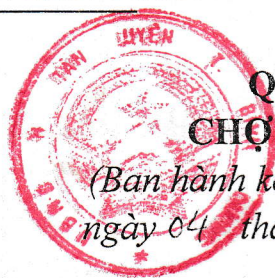
- TTHU, TT.HĐND;
- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- Phòng KT;
- UBND xã Khánh Bình;
- Lưu: VT, TH;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT CHỦ TỊCH ^{sh}
ĐỖ CHỦ TỊCH

Võ Văn Danh



**QUY CHẾ QUẢN LÝ XÂY DỰNG
CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH**

(Ban hành kèm Quyết định số: 01 / 2008/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 01 năm 2008 của UBND huyện Tân Uyên)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này được áp dụng đối với chợ và khu phố chợ Khánh Bình do Công ty TNHH Quang Vinh làm chủ đầu tư.
2. Quy mô và ranh giới quản lý:

2.1. Ranh giới:

Khu đất đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình có vị trí tại ấp 4 - xã Khánh Bình - huyện Tân Uyên, với tứ cận như sau:

- Bắc giáp: Đường ĐT -746.
- Nam giáp: Đất dân.
- Đông giáp: Đất dân.
- Tây giáp: Đường giao thông.

2.2. Quy mô:

Tổng diện tích khu đất quy hoạch là 17.475 m² được cơ cấu sử dụng đất gồm các phân khu chức năng quy định trong Bảng 1:

BẢNG 1. CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ %
1	Đất ở	8.009	45,84
2	Đất giao thông	5.981	34,22
3	Đất công trình kỹ thuật	95.2	0,54
4	Đất thương mại - dịch vụ	2.306	13,20
5	Đất trồng cây xanh	1.084	6,20
	Tổng cộng	17.475	100

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng chợ và khu phố chợ Khánh Bình và các quy định tại quy chế này, các cơ quan quản lý xây dựng và

chính quyền địa phương theo quyền hạn, trách nhiệm được giao, hướng dẫn việc triển khai dự án đầu tư, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 3: Tổ chức không gian kiến trúc nhà ở

1. Quy định chung:

Chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ: tính từ tim đường đến chân công trình. Không có bộ phận nào của nhà vượt quá chỉ giới đường đỏ (kể cả bộ phận ngầm dưới mặt đất).

Độ vươn ban công: 01m tính từ chỉ giới xây dựng.

Bậc thềm, vệt dẫn xe: không được nhô ra quá 01m so với chỉ giới xây dựng.

Đường ống đứng thoát nước mưa: không được nhô ra quá 0,2m so với chỉ giới xây dựng, đồng thời phải làm hộp gain.

2. Quy định cụ thể chỉ giới đường đỏ:

- Đường DT 746: 21,00m
- Đường số 1: 7,25m
- Đường số 2: 5,00m
- Đường số 3: 5,05m

3. Quy định cụ thể chỉ giới xây dựng:

- Đường DT 746: 36,00m
- Đường số 1: 8,75m
- Đường số 2: 6,00m
- Đường số 3: 6,00m

Tầng cao xây dựng: Tầng cao xây dựng: 1 trệt + 1 lầu đến 3 lầu

Cao độ nền: +0,570 tính từ mặt vỉa hè đã hoàn thiện đến mặt nền tầng trệt.

Cao độ tầng lầu 1: +3,800 tính từ nền tầng trệt đến sàn lầu 01.

Cao độ tầng lầu 2: +7,400 tính từ nền trệt đến sàn lầu 2.

Cao độ tầng lầu 3: +11,000 tính từ nền trệt đến sàn lầu 3.

Cao độ sân mái: +3,600 tính từ nền tầng cuối đến sân mái.

Điều 4: Về giải pháp kết cấu xây dựng nhà ở:

1. Để xử lý phần móng công trình không vượt quá chỉ giới đường đỏ, giải pháp móng được chọn theo dọc con-sole hoặc móng "chân vịt".

2. Các nhà liên kế phải thi công dạng móng chân vịt, móng bè, móng băng, hoặc móng con-sole. Trường hợp có móng cọc, chỉ được sử dụng cọc ép hoặc cọc khoan nhồi.

3. Biện pháp chống sạt lở khi thi công móng: Trường hợp hai nhà liên kế không xây dựng cùng lúc, nhà thi công sau phải có biện pháp xử lý nền móng thật tốt để tránh tình

trạng làm sạt lở nhà liền kề. Có thể tham khảo giải pháp thi công như sau: gia cố vách nền nhà liền kề bằng cừ tràm, mép ngoài móng cách ranh 0,5m và đưa con-sole ra đỡ cột.

Điều 5: Quy định về cấp nước và PCCC:

1. Chủ hộ có trách nhiệm liên hệ Công ty Cấp thoát nước của tỉnh Bình Dương để hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt. Trong trường hợp chưa có hệ thống cấp nước chung khu vực, chủ hộ có trách nhiệm xin với sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để sử dụng nguồn nước ngầm trong khu vực quy hoạch.
2. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đào, đấu nối hệ thống nước trong khu dân cư.
3. Vị trí đặt satudo trên mái nhà buộc phải đặt ở vị trí $\frac{1}{2}$ chiều dài phía sau nhà.
4. Chủ đầu tư khu dân cư có trách nhiệm lắp đặt các họng cứu hỏa dọc theo các trục đường giao thông chính để phòng và chữa cháy cho toàn khu dân cư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6: Thoát nước:

1. Thoát nước mưa: nước mưa không được xả trực tiếp lên vỉa hè, đường phố mà phải theo hệ thống ống, cống ngầm từ nhà ra hố ga và chảy về hệ thống thoát nước đô thị.
2. Thoát nước thải: nước thải từ các khu vệ sinh của các hộ dân trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung phải được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn theo đúng quy cách.
3. Bể tự hoại: xây dựng đúng quy cách và phải đủ dung tích để xử lý chất thải cho từng hộ gia đình.
4. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại sẽ được đấu nối vào hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt; nước mưa phải được tách riêng và đấu nối vào hệ thống đường cống thoát nước mưa. Trường hợp chưa có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, toàn bộ nước thải sinh hoạt của hộ gia đình phải qua bể tự hoại rồi mới cho thấm tại hố thấm riêng. Việc xây dựng hố thấm phải lưu ý đến việc đấu nối nước thải từ bể tự hoại vào cống thoát nước sau này.

Điều 7: Cấp điện và an toàn điện:

1. Chủ hộ phải liên hệ với Công ty Điện lực để được hợp đồng cung cấp điện. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đấu nối với hệ thống điện trong khu dân cư.
2. Khoảng cách tối thiểu từ mép ngoài dây điện trung thế đến mép ngoài công trình là 2,0 m.
3. Khoảng cách tối thiểu từ mép ngoài dây điện hạ thế đến mép ngoài công trình là 1,0 m.
4. Dây dẫn (dây bọc) đặt hở dọc theo công trình phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu như sau:

Cao hơn ban-công, mái nhà 2,5 m.

Cách ban-công 1,0 m.

5. Trường hợp chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ, khi xây dựng công trình phải đảm bảo khoảng cách an toàn lưới điện hạ thế:

Dây bọc: Cách 1,0 m tính từ mép ngoài của dây đến mép ngoài công trình theo chiều thẳng đứng.

Dây trần: Cách 2,0 m tính từ mép ngoài của dây đến mép ngoài công trình theo chiều thẳng đứng.

Điều 8: Điện chiếu sáng, cây xanh đường phố, vỉa hè:

1. Điện chiếu sáng:

Chủ đầu tư khu dân cư phối hợp với cơ quan quản lý điện đảm bảo cung cấp hệ thống điện chiếu sáng theo quy hoạch khu dân cư. Trường hợp hư hỏng, chủ hộ lân cận phải báo ngay cho cơ quan chức năng để sửa chữa. Nghiêm cấm các hành vi tự ý leo trèo hoặc sử dụng trụ điện chiếu sáng vào mục đích khác.

2. Cây xanh đường phố:

Cây xanh đường phố trong khu dân cư do chủ đầu tư khu dân cư trồng, chăm sóc, bảo quản và hưởng lợi. Người dân có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đường phố. Không được chặt phá cây; khi có kẻ gian phá hoại, cần phải báo ngay với chủ đầu tư để xử lý kịp thời.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc đốn mé, tỉa cành cây xanh để bảo vệ an toàn nhà cửa và các công trình kỹ thuật.

Nghiêm cấm các trường hợp sau đây làm thiệt hại đến cây xanh khu dân cư:

- Đào bới, đốt rác ở gốc cây.
- Tiêu tiện ở gốc cây.
- Bẻ cành, lột vỏ cây, đóng đinh, đóng bảng quảng cáo vào cây xanh.
- Đốn hạ cây xanh.
- Và những hành vi khác làm thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến sự phát triển của cây.

Khuyến khích các hộ trồng cây xanh trên ban công, lô gia, sân trước, sân sau, ... nhằm cải thiện môi trường và cảnh quan.

3. Vỉa hè:

Vỉa hè trong khu dân cư dùng để đi bộ và bố trí các công trình kỹ thuật đô thị.

Vỉa hè do chủ đầu tư thực hiện, bảo quản và hưởng lợi.

Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm hoặc sử dụng sai mục đích.

Điều 9: Về an toàn giao thông đô thị:

Công trình xây dựng, cây xanh không được hạn chế tầm nhìn và che khuất các biển báo, tín hiệu điều khiển giao thông. Cây trồng trong sân phải là cây xanh thấp.

Vạt góc tại ngã 3, ngã 4: kích thước vạt góc là 4 m x 4 m tính từ giao điểm của hai chỉ giới đường đỏ. Kể từ tầng 2 trở lên có thể dùng đường cong tiếp xúc thay cho đường thẳng.

Điều 10: Xử lý rác và vệ sinh môi trường:

1. Rác thải:

Toàn khu sẽ bố trí các thùng chứa rác tại các vị trí thích hợp thu gom rác thải. Các hộ trong khu dân cư có trách nhiệm hợp đồng với cơ quan vệ sinh đô thị để vận chuyển rác thải sinh hoạt của từng hộ gia đình đến nơi hợp lý.

Nghiêm cấm mọi hành vi đổ rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan khu dân cư.

2. Môi trường:

Không được thường xuyên xả khói, khí thải gây khó chịu cho cư dân xung quanh. Miệng xả ống khói, ống thông hơi không được hướng ra đường phố, nhà xung quanh. Ống thoát hơi có đường kính tối thiểu 160 mm, vị trí miệng ống thoát hơi phải đặt phía sau nhà, cách vị trí cao nhất của mái nhà tối thiểu 1,0 m.

Máy lạnh, nếu đặt ở mặt tiền, phải đặt ở độ cao trên 2,7 mét và không xả nước trực tiếp lên vỉa hè, mặt đường.

Điều 11: Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường khi thi công:

Lựa chọn thiết bị thi công thích hợp để tránh rung động, khói bụi và tiếng ồn đối với các hộ cư dân xung quanh.

Trong quá trình thi công phải trang bị hệ thống che chắn công trình, tránh bụi và vật rơi từ trên cao xuống, tránh xả khói bụi vào môi trường xung quanh.

Thầu xây dựng phải tổ chức các bãi tập kết vật tư, không được đổ tràn lan trên vỉa hè và đường phố, phải bảo vệ vỉa hè tại các khu vực nhà xây dựng.

Các loại đất, cát, xà bần phát sinh trong quá trình thi công phải được vận chuyển ngay đến nơi tập kết.

Trong quá trình vận hành máy móc thiết bị thi công phải hạn chế tiếng ồn, không cho phép vượt quá quy định tiếng ồn trong khu dân cư.

Điều 12: Mỹ quan đô thị:

Mặt tiền nhà, biển quảng cáo không được sử dụng vật liệu có độ phản quang lớn hơn 70%.

Không sử dụng hình thức kiến trúc chấp vá, vật liệu tạm, vật liệu thô sơ.

Mặt ngoài nhà không được sơn quét các màu đen, màu tối sẫm và trang trí các chi tiết phản mỹ thuật.

Mặt tiền không được bố trí sân phơi quần áo.

Hàng rào trước nhà phải có hình thức kiến trúc gọn nhẹ, thoáng, mỹ quan.

CHƯƠNG III : QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG

Điều 13 : Thủ tục xây dựng và quản lý xây dựng nhà ở:

1. Các hộ xây dựng nhà ở trong chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 4, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên được miễn thủ tục cấp phép xây dựng. Chủ đầu tư trực tiếp quản lý theo quy chế được phê duyệt.

2. Trình tự thủ tục:

Chủ đầu tư có tiếp nhận hồ sơ xin xây dựng (bản vẽ thiết kế công trình, chi tiết hầm tự hoại 03 ngăn đúng tiêu chuẩn, các giấy tờ về đất có liên quan), cung cấp bản quy chế quản lý xây dựng, cung cấp mẫu điển hình hầm tự hoại 03 ngăn đúng tiêu chuẩn cho các chủ hộ biết và thực hiện.

Cấm mốc xây dựng và nghiệm thu hoàn thành công trình.

Từng quý, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo danh sách và gửi hồ sơ các cá nhân xin xây dựng để UBND xã Khánh Bình và UBND huyện Tân Uyên quản lý.

Điều 14: Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở:

Chủ đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các chủ căn hộ liên hệ với các cơ quan chức năng liên quan để được cấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo đúng quy định hiện hành.

Điều 15: Phân công trách nhiệm:

1. Chủ đầu tư khu dân cư có trách nhiệm:

Triển khai thực hiện dự án chậm nhất là 12 tháng sau khi có quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; đảm bảo xây dựng cơ sở hạ tầng đúng theo quy hoạch và đảm bảo chất lượng.

Cấm mốc xây dựng, nghiệm thu và kiểm tra hoàn thành công trình.

Quản lý trật tự xây dựng trong khu dân cư theo Quy chế quản lý xây dựng Khu nhà ở chợ và khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 4 - xã Khánh Bình - huyện Tân Uyên - tỉnh Bình Dương.

Đình chỉ tạm thời việc xây dựng trái phép và báo cáo mọi trường hợp vi phạm về cơ quan quản lý trật tự đô thị, UBND huyện Tân Uyên để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chủ hộ có trách nhiệm:

Thực hiện theo đúng các quy định trong Quy chế quản lý xây dựng.

Theo dõi quá trình thi công công trình xây dựng của mình và hai hộ liền kề. Nếu xảy ra sự cố phải báo cáo về chủ đầu tư và chính quyền địa phương để phối hợp giải quyết.

3. Cá nhân, đơn vị thiết kế nhà ở trong khu dân cư có trách nhiệm:
Thực hiện theo đúng các quy định trong Quy chế quản lý xây dựng.
Ý thức về mức độ thẩm mỹ, bền vững, tiện ích, mối liên hệ giữa công trình với hệ thống kết cấu hạ tầng và cảnh quan chung của các hộ lân cận.

4. Đơn vị thi công có trách nhiệm:

Thực hiện theo đúng các quy định trong Quy chế quản lý xây dựng.

Xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

Đảm bảo an toàn khi thi công.

Giữ vệ sinh môi trường, dọn dẹp hiện trường sau khi thi công.

5. Cơ quan quản lý Nhà nước và địa phương có trách nhiệm:

Tạo điều kiện cho chủ đầu tư triển khai dự án và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của các chủ căn hộ theo đúng quy định.

Tạo điều kiện cho chủ hộ được nhập hộ khẩu và tổ chức sinh hoạt theo khu phố, tiến tới xây dựng khu phố văn hóa.

Triển khai kiểm tra định kỳ 2 tuần/1 lần trong quá trình xây dựng trong khu dân cư. Nếu phát hiện sai phạm, phải lập biên bản tại hiện trường và buộc chủ hộ tạm ngưng thi công chờ xử lý của cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16: Tuyên truyền phổ biến quy chế:

UBND xã Khánh Bình có trách nhiệm giải thích nội dung bản quy chế này trong các buổi họp dân phố, niêm yết công khai bản Quy chế và các văn bản pháp luật có liên quan tại phòng tiếp dân của UBND huyện Tân Uyên, UBND xã Khánh Bình.

Chủ đầu tư có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến Quy chế này để nhân dân biết và thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 573/STNMT-CCBVM

V/v xin điều chỉnh nội dung

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Sở Tài nguyên và Môi trường có nhận được Văn bản số 491/TTr-QV ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc xin điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Khu phố chợ Khánh Bình, theo đó Công ty đề nghị điều chỉnh công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải và thay đổi phương án thoát nước thải. Về vấn đề này, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời đến Công ty như sau:

- Công ty TNHH Quang Vinh đã lập Báo cáo ĐTM cho dự án xây dựng Khu phố chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên) và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2007. Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Công ty sẽ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 200 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Khu phố chợ với quy mô dân số khoảng 400 người đạt quy chuẩn, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối vào tuyến thoát nước dọc theo tỉnh lộ ĐT 746 (Công ty TNHH Quang Vinh phối hợp với các doanh nghiệp có nhà máy sản xuất dọc theo tỉnh lộ ĐT 746 xây dựng tuyến cống dẫn nước thải và nước mưa thoát ra suối Cái).

- Theo giải trình của Công ty thì quy mô dân cư của Khu phố chợ Khánh Bình khi đi vào ổn định khoảng 250 người, khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế hiện nay khoảng 120 m³/ngày. Do đó, Công ty đề xuất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 160 m³/ngày cho phù hợp với lưu lượng nước thải của Khu phố chợ. Ngoài ra, tuyến đường ĐT 746 đã được Tổng Công ty Becamex đầu tư xây dựng mở rộng và xây dựng hoàn chỉnh đường thoát nước ven đường bằng tuyến cống D1000 đi ngang Khu phố chợ Khánh Bình. Vì vậy, Công ty đề nghị thay đổi phương án thoát nước thải của dự án là nước thải từ Khu phố chợ sau khi được Công ty thu gom, xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối vào tuyến cống D1000 trên đường ĐT 746.

Căn cứ giải trình của Công ty và xem xét thực tế cho thấy với quy mô dân số ổn định là 250 người và lưu lượng nước thải phát sinh bình quân khoảng 120 m³/ngày như giải trình của Chủ đầu tư thì việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải từ 200 m³/ngày xuống 160 m³/ngày là phù hợp (giảm chi phí đầu tư và dễ vận hành). Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc điều

chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải như đề xuất của Công ty. Trong quá trình hoạt động yêu cầu Công ty phải thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Đối với việc đề nghị thay đổi phương án thoát nước của Chủ đầu tư dự án, qua xem xét cho thấy việc thay đổi này là phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời Công ty đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên chấp thuận việc thay đổi phương án thoát nước thải tại Quyết định số 5194/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phố chợ Khánh Bình 1/500 và đã được Tổng Công ty Becamex (Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật đường ĐT 746) thoả thuận đầu nối nước thải của dự án vào tuyến cống D1000 đi ngang dự án tại Văn bản số 422/KTKT/2013 ngày 20 tháng 8 năm 2013. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc thay đổi phương án thoát nước thải như Công ty đề xuất.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Quang Vinh để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TĐ, Trăn5.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nguyên

03

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4347/QĐ - UBND

Thủ Dầu Một, ngày 05 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh đã được chỉnh sửa bổ sung theo nhận xét góp ý của Hội đồng thẩm định họp ngày 18/07/2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh theo tờ trình số: 644/TT-TNMT ngày 28 tháng 9 năm 2007;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu phố Chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên của Công ty TNHH Quang Vinh.

Điều 2. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Báo cáo UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo mẫu quy định tại Phụ



lục 14 Thông tư số 08/2006/TT-TNMT ngày 8/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quá trình triển khai xây dựng dự án, Công ty phải báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch xây lắp các công trình xử lý môi trường và kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình này theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 và Phụ lục 17 Thông tư số 08/2006/TT-TNMT ngày 8/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Công ty phải phải thực hiện báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đồng thời có văn bản đề nghị xác nhận việc đã thực hiện các nội dung trên theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 và Phụ lục 19 Thông tư số 08/2006/TT-TNMT ngày 8 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Khi đi vào hoạt động, định kỳ 03 tháng/lần, Chủ dự án phải thực hiện tự đo đạc, giám sát chất lượng môi trường của dự án và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Yêu cầu về xử lý môi trường:

- Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Nước thải phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN : 5945 – 2005 cột A theo hệ số $K_q = 0,9$ và hệ số $K_f = 1,1$ trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, Công ty phải thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải sau xử lý từ dự án ra đến suối Cái để đảm bảo thoát nước của dự án.

- Khí thải phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn TCVN : 5937 – 2005 và TCVN : 5938 – 2005.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo TCVN 5949:1998 và TCVN 6962: 2001.

- Các chất thải rắn phải được thu gom và xử lý triệt để, đúng quy định theo Nghị định số: 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ.

- Đối với chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của dự án phải đăng ký chủ nguồn thải và thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo theo Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên & Môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty phải

có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở tài nguyên Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Công ty TNHH Quang Vinh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Chủ dự án;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT.

K. CHỦ TỊCH



Trần Thị Kim Vân

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 573/STNMT-CCBVM

V/v xin điều chỉnh nội dung

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Sở Tài nguyên và Môi trường có nhận được Văn bản số 491/TTr-QV ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc xin điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Khu phố chợ Khánh Bình, theo đó Công ty đề nghị điều chỉnh công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải và thay đổi phương án thoát nước thải. Về vấn đề này, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời đến Công ty như sau:

- Công ty TNHH Quang Vinh đã lập Báo cáo ĐTM cho dự án xây dựng Khu phố chợ Khánh Bình tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên) và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2007. Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Công ty sẽ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 200 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Khu phố chợ với quy mô dân số khoảng 400 người đạt quy chuẩn, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối vào tuyến thoát nước dọc theo tỉnh lộ ĐT 746 (Công ty TNHH Quang Vinh phối hợp với các doanh nghiệp có nhà máy sản xuất dọc theo tỉnh lộ ĐT 746 xây dựng tuyến cống dẫn nước thải và nước mưa thoát ra suối Cái).

- Theo giải trình của Công ty thì quy mô dân cư của Khu phố chợ Khánh Bình khi đi vào ổn định khoảng 250 người, khối lượng nước sạch tiêu thụ thực tế hiện nay khoảng 120 m³/ngày. Do đó, Công ty đề xuất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 160 m³/ngày cho phù hợp với lưu lượng nước thải của Khu phố chợ. Ngoài ra, tuyến đường ĐT 746 đã được Tổng Công ty Becamex đầu tư xây dựng mở rộng và xây dựng hoàn chỉnh đường thoát nước ven đường bằng tuyến cống D1000 đi ngang Khu phố chợ Khánh Bình. Vì vậy, Công ty đề nghị thay đổi phương án thoát nước thải của dự án là nước thải từ Khu phố chợ sau khi được Công ty thu gom, xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối vào tuyến cống D1000 trên đường ĐT 746.

Căn cứ giải trình của Công ty và xem xét thực tế cho thấy với quy mô dân số ổn định là 250 người và lưu lượng nước thải phát sinh bình quân khoảng 120 m³/ngày như giải trình của Chủ đầu tư thì việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải từ 200 m³/ngày xuống 160 m³/ngày là phù hợp (giảm chi phí đầu tư và dễ vận hành). Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc điều

chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải như đề xuất của Công ty. Trong quá trình hoạt động yêu cầu Công ty phải thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Đối với việc đề nghị thay đổi phương án thoát nước của Chủ đầu tư dự án, qua xem xét cho thấy việc thay đổi này là phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời Công ty đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên chấp thuận việc thay đổi phương án thoát nước thải tại Quyết định số 5194/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phố chợ Khánh Bình 1/500 và đã được Tổng Công ty Becamex (Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật đường ĐT 746) thỏa thuận đầu nối nước thải của dự án vào tuyến cống D1000 đi ngang dự án tại Văn bản số 422/KTKT/2013 ngày 20 tháng 8 năm 2013. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc thay đổi phương án thoát nước thải như Công ty đề xuất.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Quang Vinh để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TĐ, Trăn5.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nguyên

Số: 1140/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2017

Vv kiểm tra, xác nhận công trình xử lý
nước thải của Công ty TNHH Quang Vinh

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 19/CV-QV ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc đề nghị kiểm tra, xác nhận công trình xử lý nước thải. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Công ty TNHH Quang Vinh đã xây dựng, lắp đặt công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế 160 m³/ngày cho Chợ và khu phố chợ Khánh Bình để xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của các hộ kinh doanh trong chợ và nước thải sinh hoạt của khu nhà phố chợ. Công trình xử lý nước thải gồm các hạng mục cụ thể như sau:

Nước thải => Song chắn rác => Hồ thu gom => Bể điều hòa 6 ngăn => Bể xử lý sinh học có vật liệu đệm => Bể lắng => Bể khử trùng => Bể lọc cát => Thải ra môi trường (cống thoát nước đường ĐT 746).

So với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty đã điều chỉnh công suất thiết kế công trình xử lý nước thải từ 200 m³/ngày xuống còn 160 m³/ngày và được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất tại văn bản số 573/STNMT-CCBVM ngày 22 tháng 02 năm 2017.

Tại thời điểm kiểm tra ngày 21 tháng 3 năm 2017, Công ty đã điều chỉnh lại chế độ vận hành công trình xử lý nước thải theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 343/STNMT-CCBVM ngày 06 tháng 02 năm 2017; đồng thời, nước thải sau công trình xử lý đạt quy chuẩn thải ra môi trường (Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với K = 1,0). Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số TC 41 0317 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

Về mặt môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đồng ý cho Công ty TNHH Quang Vinh đưa công trình xử lý nước thải đã xây dựng và lắp đặt đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động yêu cầu Công ty TNHH Quang Vinh phải:

- Luôn vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình, đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

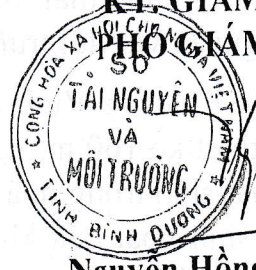
- Quản lý chất thải rắn theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Duy trì quan trắc, đo đạc, đánh giá hiện trạng môi trường các nguồn thải định kỳ và gửi báo cáo giám sát về Chi cục Bảo vệ môi trường theo đúng tần suất quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyên Công ty TNHH Quang Vinh để biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, CCBVMT, N.Anh4 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC 
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hồng Nguyên

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Quang Vinh ngày 20 tháng 07 năm 2021 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số. 196 /TTr-TNNKSKTTV ngày 13 tháng 7 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Quang Vinh; ngành nghề: kinh doanh chợ và khu phố chợ; địa chỉ: số 199/F tổ 4C, ấp 1, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung như sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Cái – sông Đồng Nai;

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Địa chỉ công trình: Chợ Quang Vinh 1, khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.21.482; Y: 06.88.878;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 10giờ/ngày;



5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 140 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số K= 1 đối với tất cả các thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT;

7. Thời hạn của giấy phép: ba (03) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Quang Vinh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với các thông số, tần suất, vị trí quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Cái cách vị trí công thoát nước đường ĐT 746 xả ra 30m về phía hạ nguồn;

- Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Nitrit, Phosphat, Coliforms theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 và Biểu mẫu số 24, 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty TNHH Quang Vinh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 121/GP-STNMT ngày 03 tháng 10 năm 2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Quang Vinh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / 

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty TNHH Quang Vinh;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT. 

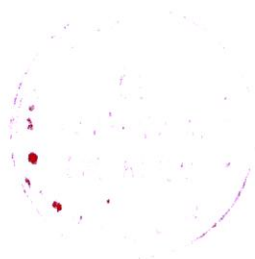
**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thúy

ĐƠN KINH DOANH
ĐƠN KINH DOANH
ĐƠN KINH DOANH

ĐƠN KINH DOANH
ĐƠN KINH DOANH
ĐƠN KINH DOANH



**TỔNG CÔNG TY ĐT&PT CN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số: A22/KTKT/2013

**(V/v: đấu nối hệ thống thoát nước
mưa vào đường ĐT746.)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2013

Kính gửi : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Vừa qua, Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV có nhận được văn bản số 113/2013/QV ngày 10 tháng 08 năm 2013 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc xin đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào đường ĐT746. Sau khi xem xét, Tổng công ty chúng tôi có ý kiến như sau:

- Về chủ trương đấu nối hạ tầng thoát nước: Tổng công ty Becamex đồng ý cho đấu nối hệ thống thoát nước mưa và nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải vào môi trường qua hệ thống thoát nước trên đường ĐT746, nhưng phải đáp ứng một số điều kiện dưới đây:
 - Phải có chứng nhận nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải vào môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước khi xả nước vào hệ thống.
 - Xây dựng một hố ga quan trắc dạng mương hở theo yêu cầu của Tổng công ty Becamex để thuận lợi cho việc giám sát kiểm tra thường xuyên của các Cơ quan chính quyền và Tổng công ty Becamex (bản vẽ đính kèm).
 - Hiện tại hệ thống thoát nước của đường ĐT746 chỉ thiết kế cho việc thoát nước mặt đường do vậy khi cho Công ty TNHH Quang Vinh đấu nối vào có thể sẽ gây quá tải cho đường ống. Nếu tình trạng này xảy ra làm ảnh hưởng đến môi trường và người dân thì Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm đầu tư một đường ống thoát nước khác hoặc nâng cấp đường cống thoát nước trên đường ĐT746 từ điểm đấu nối đến cuối tuyến xả ra kênh tự nhiên và chịu hoàn toàn chi phí, đồng thời phải chịu mọi trách nhiệm liên quan trước cơ quan nhà nước nếu có.
 - Chịu chi phí phân tích mẫu nước thải khi kiểm tra chất lượng nước xả thải.
- Sau khi Công ty TNHH Quang Vinh thực hiện xong cơ sở hạ tầng cho việc đấu nối thì thông báo cho Sở Tài Nguyên Môi Trường và Tổng công ty Becamex đến để kiểm tra và cho phép xả nước vào đường thoát nước đường ĐT746 bằng văn bản.
- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm đầu tư xây dựng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn giao thông trong quá trình sử dụng.



4. Trước khi tiến hành thi công Công ty TNHH Quang Vinh phải thông báo cho Ban quản lý dự án 3 tuyến đường Tân Uyên để phối hợp giám sát.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên .
- BQL DA 3 tuyến đường Tân Uyên.
- Lưu VP.

TỔNG CTY ĐT&PT CN - TNHH MTV
TỔNG GIÁM ĐỐC

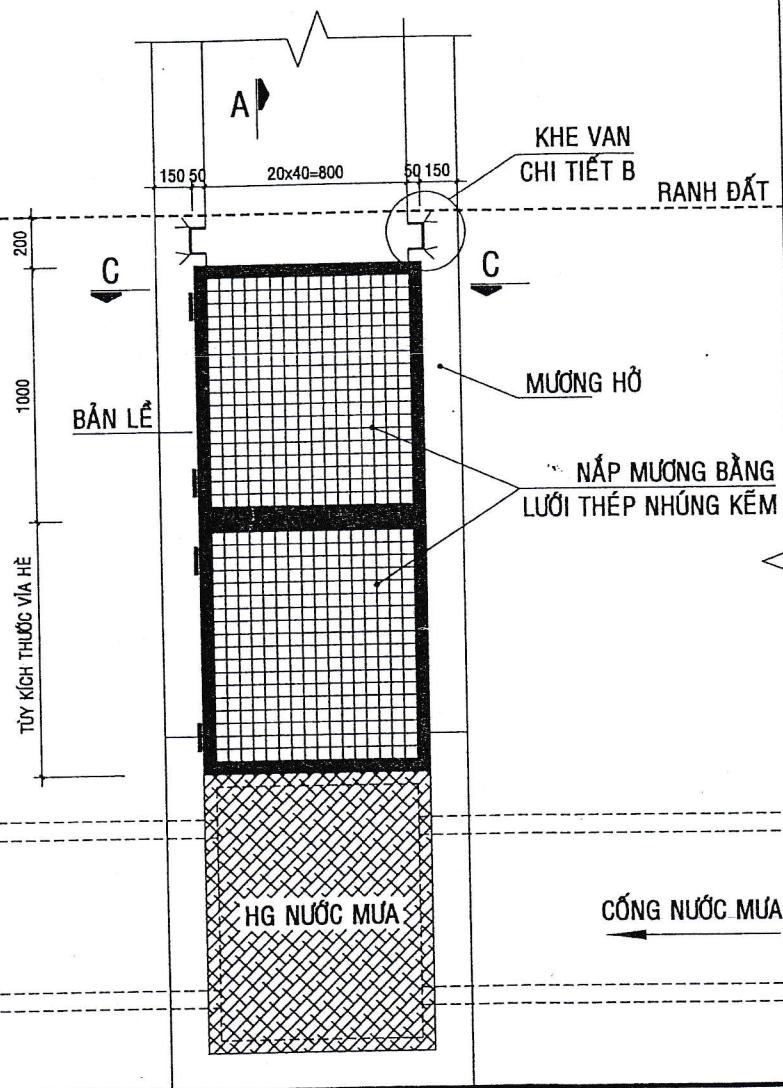


NGUYỄN VĂN HÙNG



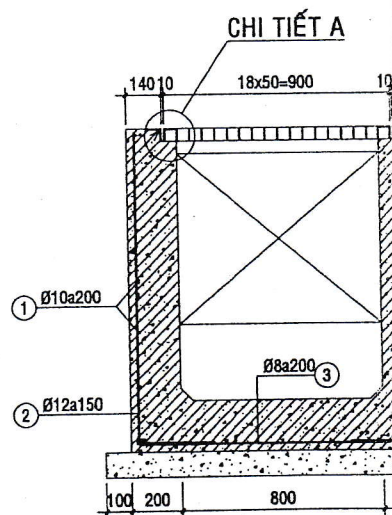
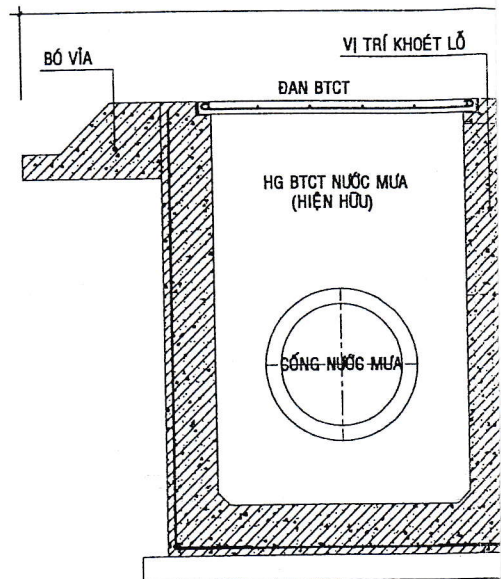
BỐ TRÍ CHUNG HỒ QUAN TRẮC NƯỚC MƯA

Tỷ lệ: 1/20



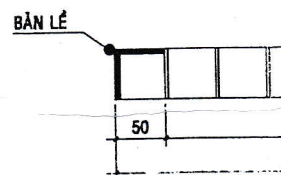
BÓ VÍA

LỒNG ĐƯỜNG

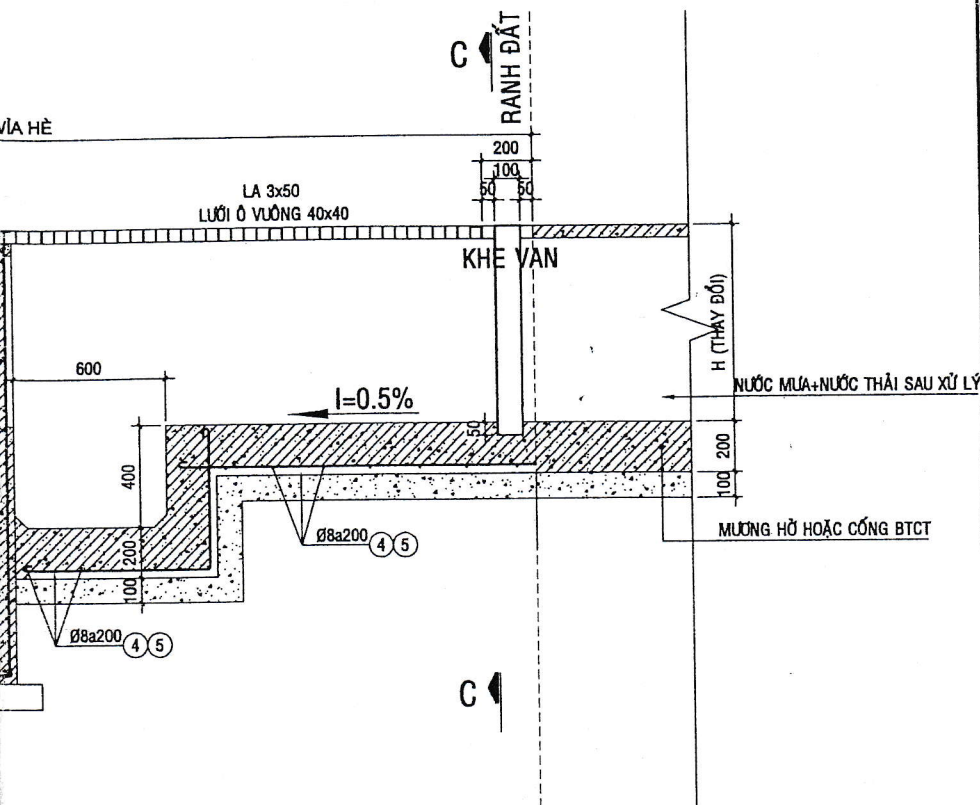


MC C-C (MƯƠNG BÊ)

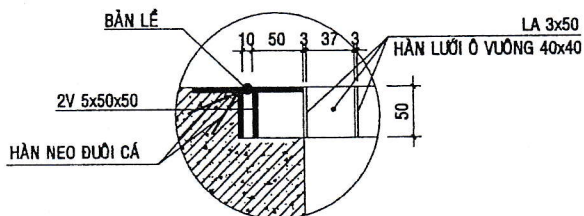
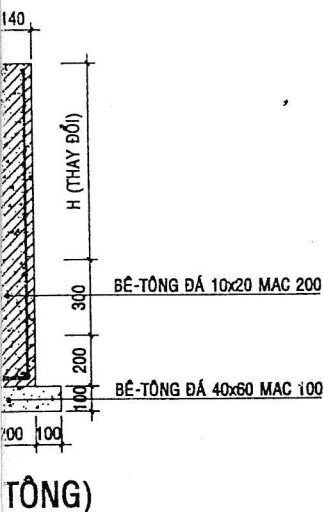
Tỷ lệ: 1/20



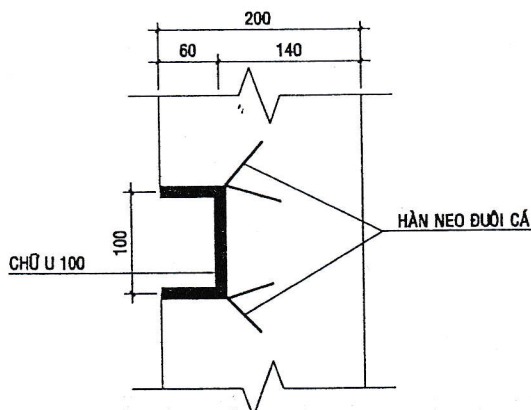
LƯU Ý: NẾU MƯƠNG HỒ CẮT HỆ THỐNG NƯỚC MƯA (CẤP NƯỚC...) ĐƠN VỊ THI CÔNG CẦN CÓ B...



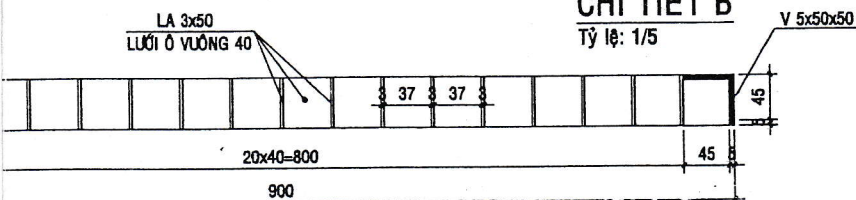
MC A-A
Tỷ lệ: 1/20



CHI TIẾT A
Tỷ lệ: 1/5



CHI TIẾT B
Tỷ lệ: 1/5



CHI TIẾT NẮP MƯỜNG
Tỷ lệ: 1/5

ẤM KHÁC (ĐIỆN, CẤP QUANG,
PHÁP BẢO VỆ PHÙ HỢP

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP



BECAMEX IDC CORP.

ĐỊA CHỈ: 230 ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG - TX THỦ DẦU MỘT - BD

DIỆN THOẠI: 0650 822655

FAX: 0650 822713

WEBSITE: www.becamex.com.vn

Email: becamex@bctd.com.vn

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC [General Director]

NGUYỄN VĂN HOÀNG
TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ KỸ THUẬT
[Manager of Economical & Technical Dept.]

Eng. NGUYỄN VĂN THANH HUY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ [Structure Presided by]

THIẾT KẾ [Structure designed by]

KIỂM [Checked by]

CÔNG TRÌNH [Project name]

HẠNG MỤC [Word name]

BẢN VẼ [Drawing title]

**CHI TIẾT HỖ GA
QUAN TRẮC NƯỚC MƯA**

LOẠI HỒ SƠ [Issued for]

THAM KHẢO [Reference]	THI CÔNG [Construction]	☒
THIẾT KẾ SƠ BỘ [Preliminary]	HIỆU CHỈNH [Revised]	☐
TRÌNH DUYỆT [Your approval]	HOÀN CÔNG [As-Built]	☐
NGÀY HOÀN THÀNH [Completion Date]	KÝ HIỆU [Drawing No.]	☐

Số: 252 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 08/TTTr... ngày 24/4... / 2018 của: Công ty TNHH Quang Vinh

Người đại diện là Ông/Bà: Vương Thế Hùng Chức danh: P. Giám đốc

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG NHẬN:

KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI

Địa điểm xây dựng: Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Quang Vinh

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH MTV Xây dựng Nhật Tân

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Quang Vinh;
- Phòng CS.PCCC số 5;
- Lưu: Phòng 2 (TH, TDKT).

Bình Dương, ngày 03 tháng 5 năm 2018

GIÁM ĐỐC



Đại tá Nguyễn Văn Duyệt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

[illegible]

Số: 529/TD-PCCC (.....)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 30/2007 ngày 16 / 8 / 2007 của: **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

Người đại diện là ông/bà: LÊ QUANG VINH Chức danh GIÁM ĐỐC
(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.**

CHỨNG NHẬN:

(2) CHỢ, KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH

Địa điểm: Ấp I Khánh Bình - Tân Uyên - Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Quang Vinh

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH TV-TK Lắp đặt PCCC Phú Thịnh

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hệ thống cấp nước chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Loại trụ chữa cháy phải theo TCVN 6379-1998.
- Thi công theo bản vẽ thiết kế đã thẩm duyệt (Điều 17 Nghị định 35/NĐ-CP)
- Nghiệm thu trước khi công trình vào hoạt động (Điều 16 Luật PCCC).

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo).
- Công ty TNHH Quang Vinh.
- Lưu CS PCCC Bình Dương.

Thủ Đầu Một, ngày 20 tháng 8 năm 2007

(4) **TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC**

(Ký tên, đóng dấu)



THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.

Số: 19/16 /QĐ - UBND

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình,
huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 404/TTr-STNMT-MT ngày 12 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh.

Điều 2. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây :

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải công nghiệp riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn thải TCVN 6772-2000, mức III;

- Khí thải phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn TCVN: 5937 - 2005, TCVN : 5938 - 2005, TCVN : 5939 - 2005, TCVN : 5940 - 2005;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo TCVN 5949:1998, TCVN 6962: 2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát các nguồn thải định kỳ 03 tháng/lần và chất lượng môi trường không khí xung quanh định kỳ 6 tháng/lần, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty TNHH Quang Vinh phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Giám đốc Công ty TNHH Quang Vinh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận :

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở Tài nguyên & Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tân Uyên;
- LĐVP (Cư, Trú). Lm, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Kim Vân

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 4654 /STNMT-CCBVMT

V/v xin điều chỉnh nội dung

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại

(Chợ Quang Vinh 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 82/TTr-QV2 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc xin điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Chợ và Khu nhà ở thương mại (Chợ Quang Vinh 2), theo đó Công ty đề nghị điều chỉnh công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải và thay đổi phương án thoát nước thải. Về vấn đề này, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời đến Công ty như sau:

- Công ty TNHH Quang Vinh đã lập Báo cáo ĐTM cho dự án xây dựng Khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên) và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 18 tháng 06 năm 2008. Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Công ty cam kết đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 300 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Chợ và Khu nhà ở thương mại với quy mô diện tích 20.137,9 m² (quy mô dân số 400 người) đạt quy chuẩn, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối vào tuyến thoát nước dọc theo đường ĐH 418 (trong khi chờ đợi tuyến cống trên đường Tỉnh lộ 418 xây dựng, Công ty sẽ xây dựng một tuyến cống nước thải từ Trạm xử lý nước thải dẫn ra suối con, nằm ở phía Đông Bắc dự án để đổ ra suối Cái và thoát vào sông Đồng Nai).

- Theo giải trình của Công ty thì lưu lượng nước thải phát sinh thực tế của toàn dự án chỉ 119,2 m³/ ngày (theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh tại Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên). Do đó, Công ty đề nghị điều chỉnh công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải xuống còn 150 m³/ ngày cho phù hợp với lưu lượng nước thải của Dự án. Ngoài ra, tuyến đường ĐH 418 đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên xây dựng hoàn chỉnh đường thoát nước ven đường bằng tuyến cống D1000 đi qua dự án và Công ty đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên chấp thuận đầu nối nước thải tại văn bản số 939/UBND-KTTH ngày 19 tháng 4 năm 2017 nên Công ty đề nghị thay đổi phương án thoát nước thải của dự án, theo đó nước thải sẽ

được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn và đầu nối vào tuyến cống D1000 trên đường ĐH 418.

Căn cứ giải trình của Công ty và xem xét cho thấy việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải từ 300 m³/ngày xuống 150 m³/ngày và việc thay đổi phương án thoát nước như trên trong giai đoạn hiện nay là phù hợp. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải và phương án thoát nước như đề xuất của Công ty. Đồng thời, yêu cầu Công ty khẩn trương xây dựng hệ thống xử lý nước thải để thu gom và xử lý toàn bộ nước thải của chợ và khu nhà ở đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường. Trong quá trình hoạt động nếu lượng nước thải tăng quá 150 m³/ngày thì Công ty phải có phương án xây dựng mở rộng Trạm xử lý nước thải để đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Khu chợ và khu nhà ở thương mại phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Quang Vinh để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TĐ, Trân5.

14.09.2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

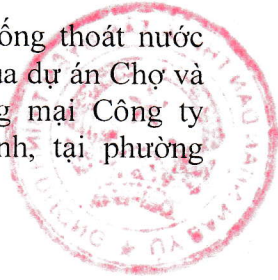
**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 939 /UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 19 tháng 11 năm 2017

V/v đấu nối hệ thống thoát nước mưa, giao thông của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình.



Kính gửi:

- Phòng Quản lý đô thị;
- UBND phường Khánh Bình;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Xét Báo cáo số 34/BC-QLĐT ngày 07/4/2017 của Phòng Quản lý đô thị về việc khảo sát đấu nối thoát nước mưa, giao thông dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình,

Chủ tịch UBND thị xã có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương, thống nhất vị trí đấu nối hệ thống thoát nước mưa, đấu nối giao thông của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình ra đường ĐH 418 và đường Khánh Bình 66, cụ thể:

- Vị trí đấu nối thoát nước mưa: Toàn bộ nước mưa trong dự án được thu gom và thoát ra hệ thống cống hộp trên đường ĐH 418 tại 03 vị trí (02 vị trí tại nút giao lộ giữa đường D1 của dự án với đường ĐH 418 và 01 vị trí tại nút giao lộ giữa đường D4 của dự án với đường ĐH 418).

- Vị trí đấu nối giao thông: Đấu nối ra đường ĐH 418 và đường Khánh Bình 66 tại 04 vị trí .

+ Vị trí đấu nối 1: Tại nút giao lộ giữa đường D1 của dự án với đường ĐH 418.

+ Vị trí đấu nối 2: Tại nút giao lộ giữa đường D4 với đường ĐH 418.

+ Vị trí đấu nối 3: Tại nút giao lộ giữa đường D1 với đường Khánh Bình 66.

+ Vị trí đấu nối 4: Tại nút giao lộ giữa đường D3 với đường Khánh Bình 66.

Khi tiến hành thi công đấu nối hạ tầng kỹ thuật nêu trên Công ty TNHH Quang Vinh phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt và đảm bảo an toàn giao thông, lắp đặt các biển báo hiệu theo quy định. Đồng thời đảm bảo việc lưu thông trên đoạn đường ĐH 418 và đường Khánh Bình 66.

2. Giao Phòng Quản lý đô thị, UBND phường Khánh Bình theo dõi, kiểm tra Công ty TNHH Quang Vinh thực hiện việc đấu nối hạ tầng cũng như thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐVP;
- Lưu: VT, (D).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Hồng桂

Số: 453 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ...21/CV... ngày ...01/...7.../2020 của: Công ty TNHH Quang Vinh

Người đại diện là Ông/Bà:..... Lê Quang Vinh..... Chức danh:..... Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

CHỖ QUANG VINH 1

Địa điểm xây dựng: ...TĐS 868, TBĐ 33, P. Khánh Bình, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ...Công ty TNHH Quang Vinh

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ...Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Hùng Phát.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; giải pháp thoát nạn; bậc chịu lửa;
- Khoảng cách an toàn PCCC; trang bị phương tiện PCCC ban đầu;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Biện pháp bảo vệ kết cấu thép: Toàn bộ cột thép chịu lực ốp gạch dày 100mm 04 mặt cột cao đến mái; kèo chính (liên kết với cột chịu lực) sơn chống cháy, GHCL ≥ 90 phút.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. *TL*

Bình Dương, ngày 06 tháng 7 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Quang Vinh;
- Cục C07; Công an thị xã Tân Uyên;
- Lưu: CTPC.



Trưởng tá Nguyễn Anh Tuấn

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

[illegible]

Số: 721 /PC07-CTPC

Bình Dương, ngày 24 tháng 11 năm 2020

V/v nghiệm thu về
phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 453/TD-PCCC, do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/7/2020;

- Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 06/11/2020 của Công ty TNHH Quang Vinh;

- Căn cứ hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Quang Vinh;

- Căn cứ các biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Dương và các biên bản liên quan lập ngày 23/11/2020;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Quang Vinh với các nội dung sau:

I. Thông tin chung về công trình

1. Tên công trình: Chợ Quang Vinh 1.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quang Vinh.
3. Địa điểm xây dựng: Thửa đất số 868, tờ bản đồ số 33, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
4. Quy mô công trình: Chợ Quang Vinh 1 (2.240,3m² – 01 tầng).
5. Đơn vị thi công, giám sát:

- Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH thiết bị PCCC Hùng Phát.

II. Các nội dung nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư

1. Giao thông phục vụ chữa cháy; giải pháp thoát nạn; bậc chịu lửa;
2. Khoảng cách an toàn PCCC; trang bị phương tiện PCCC ban đầu;
3. Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
4. Hệ thống báo cháy tự động;
5. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.
6. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

III. Một số yêu cầu kèm theo

Để bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy cho công trình, hạng mục công trình trong suốt quá trình sử dụng theo tuổi thọ, đề nghị Công ty TNHH Quang Vinh, đơn vị quản lý sử dụng và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Lưu: CTPC.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO THIẾT BỊ PCCC
SỐ :01/BBNTBGTB

Công trình: **CHỢ QUANG VINH 1 _CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

Địa chỉ : Thửa đất số 868, tờ bản đồ số 33, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hạng mục : - Hệ Thống Báo Cháy Tự Động
- Hệ Thống Chữa Cháy Vách Tường & Tự Động.

Bộ phận/thiết bị kiểm tra: Vị trí công trình: **Chợ Quang Vinh 1.**

Thành phần trực tiếp tham gia kiểm tra:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Ông : **LÊ QUANG VINH**

Chức vụ: Giám đốc

2- ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PCCC HÙNG PHÁT

Ông : **NGUYỄN NGỌC HÙNG**

Chức vụ : Giám đốc.

Tài liệu dung khi kiểm tra:

- Bản vẽ thiết kế: Bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.
- Tiêu chuẩn áp dụng: TC PCCC VN.

KHỐI LƯỢNG KIỂM TRA

Stt	Tên vật tư – thiết bị	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY			
1	Bơm chữa cháy động cơ điện 3 pha 380VAC (Parma) Q=169-332 m3/h: H= 75-45 m	Bơm	01	
2	Bơm chữa cháy động cơ nổ DIEZEL Q=169-332 m3/h: H= 75-45 m	Bơm	01	
3	Bơm bù áp Q= 1.5-7.2 m3/h, H= 80-35 m	Bơm	01	
4	Tủ điều khiển trạm bơm chữa cháy + cáp kéo từ bơm đến tủ	Bộ	01	
5	Đồng hồ, công tắc áp lực	Cái	04	
6	Hộp đựng vòi chữa cháy trong nhà	Hộp	08	
7	Hộp đựng vòi chữa cháy ngoài nhà	Hộp	02	
8	Vòi chữa cháy D50	Cuộn	08	
9	Vòi chữa cháy D65	Cuộn	02	
10	Đầu nối vòi hợp kim nhôm D50	Bộ	08	
11	Đầu nối vòi hợp kim nhôm D65	Bộ	02	
12	Lăng phun chữa cháy D50	Cái	08	
13	Lăng phun chữa cháy D65	Cái	02	
14	Van chữa cháy D50	Cái	08	

15	Hạng tiếp nước	Cái	01	
16	Trụ ngoài trời	Trụ	02	
17	Ống STK các loại D140, D114vv.	Lô	01	
18	Đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler	Cái	240	
19	Vật liệu phụ các loại ...vv.	Lô	01	
II HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG				
1	Trung tâm báo cháy tự động 10 ZONE (Formosa)	Tủ	01	
2	Bình ác quy dự phòng 24 VDC	Bình	01	
3	Đầu báo BEAM 24VDC	Bộ	02	
4	Còi báo động	Cái	08	
5	Khẩn báo động	Cái	08	
6	Dây tín hiệu các loại	Lô	01	
7	Ống luồn dây các loại	Lô	01	
8	Đầu báo khói	Đầu	85	
9	Vật liệu phụ các loại...	Lô	01	

Kết luận : Toàn bộ thiết bị trên đã lắp đặt đúng như hợp đồng đã ký và đã đưa hệ thống vào sử dụng phục vụ cho việc Phòng Cháy & Chữa Cháy cho toàn bộ công trình.

Chữ ký của 2 bên:

CHỦ ĐẦU TƯ



LÊ QUANG VINH



NGUYỄN NGỌC HÙNG

Hợp Tác Xã Dịch Vụ Môi Trường Khánh Bình.
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu Phố Bình
Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh
Bình Dương
Tel: 035 777 7770
E-mail: htxdvmthanhbinh@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 111KB/HĐ-KB/2024

Bình Dương, ngày 01 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính Phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3702626964 do UBND thị xã Tân Uyên – phòng Tài chính kế hoạch cấp thay đổi lần 01, ngày 05 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ yêu cầu của **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ: 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Số điện thoại : 0274.3653 368

Mã số thuế : 3700596880

Email nhận hóa đơn chứng từ: bdsquangvinhd@gmail.com

Do ông (bà) : **LÊ QUANG VINH** Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B : HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH.

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu Phố Bình Chánh, Phường Khánh Bình,
Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 035 777 7770 (Mr Thành - Giám đốc điều hành) ; 0985 787 915 (Mr Diệp
PGĐ điều xe); 0961 020 517 (Mr Tuấn Anh - PGĐ tài chính); 0274 246 1577 (văn phòng
toán)

Mã số thuế : 3702626964

Người đại diện : **LÝ GIA THÀNH** Chức vụ: **Giám Đốc.**

Tài khoản số : 6501 0002 453 051 tại BIDV chi nhánh Bình Dương

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

ĐIỀU 2 : SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

- 2.1 Khối lượng của từng loại chất thải:** là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.



2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Danh mục	ĐVT	Đơn giá xử lý	Ghi chú
1	Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt	Tháng	15.000.000 VNĐ	thu gom 1 lần/ngày

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu đồng

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên đã bao gồm thuế GTGT.
- Hàng tháng sẽ có biên bản bàn giao chất thải sinh hoạt cho công ty, biên bản sẽ được giao mỗi quý 1 lần. (Ngày giao là ngày 15 tây của tháng đầu tiên quý tiếp theo)
- Đơn giá trên áp dụng với thùng rác để chỗ có mái che, thùng rác không bị ướt, không bị nước vào trong thùng.

2.4 Thời gian – Địa điểm thu gom:

- Thời gian thu gom: 07 lần/tuần

Địa điểm giao nhận: tại **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

Địa chỉ thu gom: Chợ Quang Vinh 1, khu phố Long Bình, Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Vào cuối mỗi tháng Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A. Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản bên A chịu) cho Bên B chậm nhất trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải sinh hoạt thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời hạn còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 3. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng BIDV Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục 3.2 Điều 3 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại Xí nghiệp xử lý chất thải (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải sinh hoạt của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng.

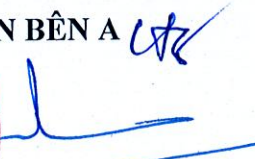
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGUNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Do bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 5). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- Trong thời gian hợp đồng của bên A còn hiệu lực nếu có biến động về khối lượng rác sinh hoạt thì hai bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng. Nếu có thay đổi về giá (theo Quyết định của UBND tỉnh) hợp đồng sẽ được thông báo điều chỉnh theo đơn giá mới.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG VINH
LÊ QUANG VINH

ĐẠI DIỆN BÊN B

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH
LÝ GIA THÀNH

880-G.T.T.N.H
TY HIỆM AN NH
NH DƯƠNG



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG**

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC
Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành
phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel/Fax: 0650. 3948739 - 0650. 3715754
E-mail: moitruongsenvang@gmail.com
Web: moitruongsenvang.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 904 HD/SV - 2023

Bình Dương, ngày 01 tháng 08 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 5-6.038.VX (Cấp lần 02) của Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng ngày 07 tháng 06 năm 2021;
- Căn cứ theo nhu cầu của hai bên.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 02743653368

Mã số thuế : 3700596880

Người đại diện : **Lê Quang Vinh**

Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG.

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274.3948739

Fax: 0274.3715754

Mã số thuế : 3701224331

Người đại diện : **Ông NGUYỄN VĂN HÒA**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc.**

Tài khoản số : 0711010293098 tại NH ABBANK – PGD Thuận An- Bình Dương.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.

- Thời hạn hợp đồng: 01(một) năm kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Hình Thức	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Thuế VAT (8%) (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Khoản	Năm	12.000.000	960.000	12.960.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06					
3	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04					
4	Các loại động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04					
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06					
6	Bao bì mềm thải	18 01 01					
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02					
8	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03					
9	Chất thải công nghiệp	-					

Ghi chú:

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom và xử lý.
- Thời gian thu gom chất thải nguy hại: 01 lần/năm. Với khối lượng không vượt quá 200 kg/năm. Ngoài số lượng vượt sẽ được tính là 6.000 đ/kg.
- Đơn giá trên đã bao gồm 8% thuế GTGT.
- Bao bì, thùng phuy chứa chất thải Bên B không hoàn trả lại sau xử lý.

2.4 Thời gian – Địa điểm thu gom:

- Thời gian thu gom: 01 lần/năm. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) bên A thông báo trước 03 ngày cho Bên B thực hiện thu gom.
- Địa điểm giao nhận: Dự án Chợ và khu phố chợ Khánh Bình (Quang Vinh 1) của công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0274 246 1222 Hotline: 0913 521 144.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Phương thức : Bằng chuyển khoản.
- Thanh toán:
- Sau khi ký hợp đồng trong vòng 10 (ngày) làm việc. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng và kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.
- Phần khối lượng vượt (nếu có) hoặc thu gom phát sinh bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A khi thu gom thực tế.

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải nguy hại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 2, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 2.000.000 đ/lần.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Khi bàn giao chất thải nguy hại Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao. Lập chứng từ chất thải nguy hại 4 liên theo mẫu quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và giao cho Bên B trong ngày nhận chất thải để ký đóng dấu xác nhận.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 3. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng ABBANK – PGD Thuận An – Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục 3.2 Điều 3 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng và/ hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho Bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...

TỈNH/THÀNH PHỐBình Dương.....		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1845/2024/5-6.038.VX					
1. Chủ xử lý XLCTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC. Chánh Nghĩa, P. Chánh Nghĩa, TP. TDM, Bình Dương. ĐT: 0274.2461222 Địa chỉ cơ sở: KLH xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Kp 1B, P. Chánh Phú Hòa, Bến Cát, BD ĐT: 0274.2461222							
2. Chủ xử lý XLCTNH 2:.....Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): Địa chỉ văn phòng:ĐT: Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....							
3.Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH QUANG VINH Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng: Số 199/F, tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam ĐT: Địa chỉ cơ sở: Dự án Chợ và khu phố chợ Khánh Bình (Quang Vinh 1) của công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam ĐT:							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu mỡ				18 02 01	12	TĐ – HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải				16 01 06	3	Nghiên - HR
3	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại				08 02 04	-	TĐ – HR
4	Các loại động cơ, hộp số và bôi trơn thải				17 02 04	-	TĐ – HR
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải				17 01 06	-	TĐ – HR
6	Bao bì mềm thải				18 01 01	15	TĐ – HR
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại				18 01 02	8	Súc rửa - TC
8	Bao bì cứng bằng nhựa				18 01 03	5	Súc rửa - TC
Tổng Cộng						43	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: 61C-105.69 Dương Thiện Thanh Ký:Ngày 18 tháng 07 năm 2024							
7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2:Ký:..... Ngày tháng năm 2024							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Tân Uyên, ngày 18 tháng 07 năm 2024				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu) Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024			
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG VINH (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ 2 ^S □ - 2 ^T □ - 4□ - 5□							

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NĂM 2024
Hệ thống xử lý nước thải dự án - chợ QV1

Thời gian	Lượng điện tiêu thụ bình quân (KW)		Lưu lượng sau xử lý (m ³)			Thông tin Hoá chất	Bổ sung thiết bị vi sinh	Bổ sung Bùn vi sinh
			Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Lưu lượng (m ³)			
01/01/2024	93,5		11.950	12.008	58	40kg mật rỉ đường	1m ³ giá thể vi sinh D100	1.000 kg bùn vi sinh khi ép khô
02/01/2024	93,5		12.008	12.055	47	0,3kg-Clorine 70%		
03/01/2024	93,5		12.055	12.092	37	0,3kg-Clorine 70%		
04/01/2024	93,5		12.092	12.130	38	0,3kg-Clorine 70%		
05/01/2024	93,5		12.130	12.197	67	0,3kg-Clorine 70%		
06/01/2024	93,5		12.197	12.294	97	0,3kg-Clorine 70%		
07/01/2024	93,5		12.294	12.365	71	0,3kg-Clorine 70%		
08/01/2024	93,5		12.365	12.457	92	0,3kg-Clorine 70%		
09/01/2024	93,5		12.457	12.507	50	0,3kg-Clorine 70%		
10/01/2024	93,5		12.507	12.576	69	0,3kg-Clorine 70%		
11/01/2024	93,5		12.576	12.667	91	0,3kg-Clorine 70%		
12/01/2024	93,5		12.667	12.762	95	0,3kg-Clorine 70%		
13/01/2024	93,5		12.762	12.827	65	0,3kg-Clorine 70%		
14/01/2024	93,5		12.827	12.882	55	0,3kg-Clorine 70%		
15/01/2024	93,5	1.402,3	12.882	12.922	40	0,3kg-Clorine 70%		
16/01/2024	93,5		12.922	12.956	34	0,3kg-Clorine 70%		
17/01/2024	93,5		12.956	13.032	76	40 kg mật rỉ đường		5 m3 bùn vi sinh lỏng
18/01/2024	93,5		13.032	13.076	44	0,3kg-Clorine 70%		1.000 kg bùn vi sinh khi ép khô
19/01/2024	93,5		13.076	13.159	83	0,3kg-Clorine 70%		
20/01/2024	93,5		13.159	13.229	70	0,3kg-Clorine 70%		
21/01/2024	93,5		13.229	13.277	48	0,3kg-Clorine 70%		
22/01/2024	93,5		13.277	13.325	48	0,3kg-Clorine 70%		
23/01/2024	93,5		13.325	13.409	84	0,3kg-Clorine 70%		
24/01/2024	93,5		13.409	13.475	66	0,3kg-Clorine 70%		
25/01/2024	93,5		13.475	13.525	50	0,3kg-Clorine 70%		

26/01/2024	93,5		13.525	13.568	43	0,3kg-Clorine 70%		
27/01/2024	93,5		13.568	13.609	41	0,3kg-Clorine 70%		
28/01/2024	93,5		13.609	13.681	72	0,3kg-Clorine 70%		
29/01/2024	93,5		13.681	13.741	60	0,3kg-Clorine 70%		
30/01/2024	93,5		13.741	13.810	69	0,3kg-Clorine 70%		
31/01/2024	93,5	1.495,7	13.810	13.898	88	0,3kg-Clorine 70%		
01/02/2024	89,5		13.898	13.981	83	0,3kg-Clorine 70%		
02/02/2024	89,5		13.981	14.045	64	0,3kg-Clorine 70%		
03/02/2024	89,5		14.045	14.093	48	0,3kg-Clorine 70%		
04/02/2024	89,5		14.093	14.138	45	0,3kg-Clorine 70%		
05/02/2024	89,5		14.138	14.204	66	0,3kg-Clorine 70%		
06/02/2024	89,5		14.204	14.267	63	0,3kg-Clorine 70%		
07/02/2024	89,5		14.267	14.315	48	0,3kg-Clorine 70%		
08/02/2024	89,5		14.315	14.368	53	0,3kg-Clorine 70%		
09/02/2024	89,5		14.368	14.408	40	0,3kg-Clorine 70%		
10/02/2024	89,5		14.408	14.460	52	0,3kg-Clorine 70%		
11/02/2024	89,5		14.460	14.502	42	0,3kg-Clorine 70%		
12/02/2024	89,5		14.502	14.547	45	0,3kg-Clorine 70%		
13/02/2024	89,5		14.547	14.604	57	0,3kg-Clorine 70%		
14/02/2024	89,5		14.604	14.662	58	0,3kg-Clorine 70%		
15/02/2024	89,5	1.342,8	14.662	14.711	49	0,3kg-Clorine 70%		
16/02/2024	89,5		14.711	14.764	53	0,3kg-Clorine 70%		
17/02/2024	89,5		14.764	14.841	77	0,3kg-Clorine 70%		
18/02/2024	89,5		14.841	14.914	73	0,3kg-Clorine 70%		
19/02/2024	89,5		14.914	14.963	49	0,3kg-Clorine 70%		
20/02/2024	89,5		14.963	15.051	88	0,3kg-Clorine 70%		
21/02/2024	89,5		15.051	15.124	73	0,3kg-Clorine 70%		
22/02/2024	89,5		15.124	15.185	61	0,3kg-Clorine 70%		
23/02/2024	89,5		15.185	15.230	45	0,3kg-Clorine 70%		
24/02/2024	89,5		15.230	15.293	63	0,3kg-Clorine 70%		
25/02/2024	89,5		15.293	15.354	61	0,3kg-Clorine 70%		
26/02/2024	89,5		15.354	15.419	65	0,3kg-Clorine 70%		
27/02/2024	89,5		15.419	15.497	78	0,3kg-Clorine 70%		
28/02/2024	89,5		15.497	15.573	76	0,3kg-Clorine 70%		
29/02/2024	89,5	1.342,8	15.573	15.635	62	0,3kg-Clorine 70%		
01/03/2024	95,6		15.635	15.703	68	0,3kg-Clorine 70%		

02/03/2024	95,6		15.703	15.761	58	0,3kg-Clorine 70%		
03/03/2024	95,6		15.761	15.842	81	0,3kg-Clorine 70%		
04/03/2024	95,6		15.842	15.894	52	0,3kg-Clorine 70%		
05/03/2024	95,6		15.894	15.954	60	0,3kg-Clorine 70%		
06/03/2024	95,6		15.954	16.020	66	0,3kg-Clorine 70%		
07/03/2024	95,6		16.020	16.088	68	0,3kg-Clorine 70%		
08/03/2024	95,6		16.088	16.161	73	0,3kg-Clorine 70%		
09/03/2024	95,6		16.161	16.246	85	0,3kg-Clorine 70%		
10/03/2024	95,6		16.246	16.295	49	0,3kg-Clorine 70%		
11/03/2024	95,6		16.295	16.332	37	0,3kg-Clorine 70%		
12/03/2024	95,6		16.332	16.367	35	0,3kg-Clorine 70%		
13/03/2024	95,6		16.367	16.416	49	0,3kg-Clorine 70%		
14/03/2024	95,6		16.416	16.452	36	0,3kg-Clorine 70%		
15/03/2024	95,6	1.434,7	16.452	16.484	32	0,3kg-Clorine 70%		
16/03/2024	95,6		16.484	16.551	67	0,3kg-Clorine 70%		
17/03/2024	95,6		16.551	16.627	76	0,3kg-Clorine 70%		
18/03/2024	95,6		16.627	16.683	56	0,3kg-Clorine 70%		
19/03/2024	95,6		16.683	16.750	67	0,3kg-Clorine 70%		
20/03/2024	95,6		16.750	16.823	73	0,3kg-Clorine 70%		
21/03/2024	95,6		16.823	16.896	73	0,3kg-Clorine 70%		
22/03/2024	95,6		16.896	16.963	67	0,3kg-Clorine 70%		
23/03/2024	95,6		16.963	17.018	55	0,3kg-Clorine 70%		
24/03/2024	95,6		17.018	17.079	61	0,3kg-Clorine 70%		
25/03/2024	95,6		17.079	17.149	70	0,3kg-Clorine 70%		
26/03/2024	95,6		17.149	17.220	71	0,3kg-Clorine 70%		
27/03/2024	95,6		17.220	17.281	61	0,3kg-Clorine 70%		
28/03/2024	95,6		17.281	17.337	56	0,3kg-Clorine 70%		
29/03/2024	95,6		17.337	17.332	-5	0,3kg-Clorine 70%		
30/03/2024	95,6		17.332	17.411	79	0,3kg-Clorine 70%		
31/03/2024	95,6	1.434,7	17.411	17.478	67	0,3kg-Clorine 70%		
01/04/2024	97,5		17.478	17.563	85	0,3kg-Clorine 70%		
02/04/2024	97,5		17.563	17.647	84	0,3kg-Clorine 70%		
03/04/2024	97,5		17.647	17.724	77	0,3kg-Clorine 70%		
04/04/2024	97,5		17.724	17.810	86	0,3kg-Clorine 70%		
05/04/2024	97,5		17.810	17.857	47	0,3kg-Clorine 70%		
06/04/2024	97,5		17.857	17.929	72	0,3kg-Clorine 70%		

07/04/2024	97,5		17.929	17.975	46	0,3kg-Clorine 70%		
08/04/2024	97,5		17.975	18.053	78	0,3kg-Clorine 70%		
09/04/2024	97,5		18.053	18.085	32	0,3kg-Clorine 70%		
10/04/2024	97,5		18.085	18.162	77	0,3kg-Clorine 70%		
11/04/2024	97,5		18.162	18.202	40	0,3kg-Clorine 70%		
12/04/2024	97,5		18.202	18.234	32	0,3kg-Clorine 70%		
13/04/2024	97,5		18.234	18.325	91	0,3kg-Clorine 70%		
14/04/2024	97,5		18.325	18.376	51	0,3kg-Clorine 70%		
15/04/2024	97,5	1.462,5	18.376	18.422	46	0,3kg-Clorine 70%		
16/04/2024	97,5		18.422	18.475	53	0,3kg-Clorine 70%		
17/04/2024	97,5		18.475	18.523	48	0,3kg-Clorine 70%		
18/04/2024	97,5		18.523	18.576	53	0,3kg-Clorine 70%		
19/04/2024	97,5		18.576	18.649	73	0,3kg-Clorine 70%		
20/04/2024	97,5		18.649	18.719	70	0,3kg-Clorine 70%		
21/04/2024	97,5		18.719	18.775	56	0,3kg-Clorine 70%		
22/04/2024	97,5		18.775	18.863	88	0,3kg-Clorine 70%		
23/04/2024	97,5		18.863	18.943	80	0,3kg-Clorine 70%		
24/04/2024	97,5		18.943	19.014	71	0,3kg-Clorine 70%		
25/04/2024	97,5		19.014	19.091	77	0,3kg-Clorine 70%		
26/04/2024	97,5		19.091	19.162	71	0,3kg-Clorine 70%		
27/04/2024	97,5		19.162	19.224	62	0,3kg-Clorine 70%		
28/04/2024	97,5		19.224	19.278	54	0,3kg-Clorine 70%		
29/04/2024	97,5		19.278	19.343	65	0,3kg-Clorine 70%		
30/04/2024	97,5	1.462,5	19.343	19.375	32	0,3kg-Clorine 70%		
01/05/2024	88,9		19.375	19.439	64	0,3kg-Clorine 70%		
02/05/2024	88,9		19.439	19.493	54	0,3kg-Clorine 70%		
03/05/2024	88,9		19.493	19.542	49	0,3kg-Clorine 70%		
04/05/2024	88,9		19.542	19.600	58	0,3kg-Clorine 70%		
05/05/2024	88,9		19.600	19.650	50	0,3kg-Clorine 70%		
06/05/2024	88,9		19.650	19.694	44	0,3kg-Clorine 70%		
07/05/2024	88,9		19.694	19.731	37	0,3kg-Clorine 70%		
08/05/2024	88,9		19.731	19.774	43	0,3kg-Clorine 70%		
09/05/2024	88,9		19.774	19.808	34	0,3kg-Clorine 70%		
10/05/2024	88,9		19.808	19.857	49	0,3kg-Clorine 70%		
11/05/2024	88,9		19.857	19.894	37	0,3kg-Clorine 70%		
12/05/2024	88,9		19.894	19.932	38	0,3kg-Clorine 70%		

13/05/2024	88,9		19.932	19.969	37	0,3kg-Clorine 70%		
14/05/2024	88,9		19.969	20.020	51	0,3kg-Clorine 70%		
15/05/2024	88,9	1.334,0	20.020	20.084	64	0,3kg-Clorine 70%		
16/05/2024	88,9		20.084	20.150	66	0,3kg-Clorine 70%		
17/05/2024	88,9		20.150	20.205	55	0,3kg-Clorine 70%		
18/05/2024	88,9		20.205	20.247	42	0,3kg-Clorine 70%		
19/05/2024	88,9		20.247	20.283	36	0,3kg-Clorine 70%		
20/05/2024	88,9		20.283	20.336	53	0,3kg-Clorine 70%		
21/05/2024	88,9		20.336	20.381	45	0,3kg-Clorine 70%		
22/05/2024	88,9		20.381	20.431	50	0,3kg-Clorine 70%		
23/05/2024	88,9		20.431	20.469	38	0,3kg-Clorine 70%		
24/05/2024	88,9		20.469	20.520	51	0,3kg-Clorine 70%		
25/05/2024	88,9		20.520	20.588	68	0,3kg-Clorine 70%		
26/05/2024	88,9		20.588	20.621	33	0,3kg-Clorine 70%		
27/05/2024	88,9		20.621	20.671	50	0,3kg-Clorine 70%		
28/05/2024	88,9		20.671	20.715	44	0,3kg-Clorine 70%		
29/05/2024	88,9		20.715	20.756	41	0,3kg-Clorine 70%		
30/05/2024	88,9		20.756	20.797	41	0,3kg-Clorine 70%		
31/05/2024	88,9	1.423,0	20.797	20.835	38	0,3kg-Clorine 70%		
01/06/2024	87,5		20.835	20.873	38	0,3kg-Clorine 70%		
02/06/2024	87,5		20.873	20.908	35	0,3kg-Clorine 70%		
03/06/2024	87,5		20.908	21.050	142	0,3kg-Clorine 70%		
04/06/2024	87,5		21.050	21.099	49	0,3kg-Clorine 70%		
05/06/2024	87,5		21.099	21.161	62	0,3kg-Clorine 70%		
06/06/2024	87,5		21.161	21.206	45	0,3kg-Clorine 70%		
07/06/2024	87,5		21.206	21.261	55	0,3kg-Clorine 70%		
08/06/2024	87,5		21.261	21.330	69	0,3kg-Clorine 70%		
09/06/2024	87,5		21.330	21.379	49	0,3kg-Clorine 70%		
10/06/2024	87,5		21.379	21.414	35	0,3kg-Clorine 70%		
11/06/2024	87,5		21.414	21.476	62	0,3kg-Clorine 70%		
12/06/2024	87,5		21.476	21.518	42	0,3kg-Clorine 70%		
13/06/2024	87,5		21.518	21.591	73	0,3kg-Clorine 70%		
14/06/2024	87,5		21.591	21.658	67	0,3kg-Clorine 70%		
15/06/2024	87,5	1.312,0	21.658	21.738	80	0,3kg-Clorine 70%		
16/06/2024	87,5		21.738	21.791	53	0,3kg-Clorine 70%		
17/06/2024	87,5		21.791	21.826	35	0,3kg-Clorine 70%		

18/06/2024	87,5		21.826	21.858	32	0,3kg-Clorine 70%		
19/06/2024	87,5		21.858	21.892	34	0,3kg-Clorine 70%		
20/06/2024	87,5		21.892	21.928	36	0,3kg-Clorine 70%		
21/06/2024	87,5		21.928	21.976	48	0,3kg-Clorine 70%		
22/06/2024	87,5		21.976	22.008	32	0,3kg-Clorine 70%		
23/06/2024	87,5		22.008	22.051	43	0,3kg-Clorine 70%		
24/06/2024	87,5		22.051	22.086	35	0,3kg-Clorine 70%		
25/06/2024	87,5		22.086	22.127	41	0,3kg-Clorine 70%		
26/06/2024	87,5		22.127	22.164	37	0,3kg-Clorine 70%		
27/06/2024	87,5		22.164	22.218	54	0,3kg-Clorine 70%		
28/06/2024	87,5		22.218	22.278	60	0,3kg-Clorine 70%		
29/06/2024	87,5		22.278	22.370	92	0,3kg-Clorine 70%		
30/06/2024	87,5	1.312,0	22.370	22.416	46	0,3kg-Clorine 70%		
01/07/2024	84,6		22.416	22.456	40	0,3kg-Clorine 70%		
02/07/2024	84,6		22.456	22.489	33	0,3kg-Clorine 70%		
03/07/2024	84,6		22.489	22.521	32	0,3kg-Clorine 70%		
04/07/2024	84,6		22.521	22.558	37	0,3kg-Clorine 70%		
05/07/2024	84,6		22.558	22.600	42	0,3kg-Clorine 70%		
06/07/2024	84,6		22.600	22.634	34	0,3kg-Clorine 70%		
07/07/2024	84,6		22.634	22.671	37	0,3kg-Clorine 70%		
08/07/2024	84,6		22.671	22.725	54	0,3kg-Clorine 70%		
09/07/2024	84,6		22.725	22.800	75	0,3kg-Clorine 70%		
10/07/2024	84,6		22.800	22.842	42	0,3kg-Clorine 70%		
11/07/2024	84,6		22.842	22.884	42	0,3kg-Clorine 70%		
12/07/2024	84,6		22.884	22.959	75	0,3kg-Clorine 70%		
13/07/2024	84,6		22.959	23.031	72	0,3kg-Clorine 70%		
14/07/2024	84,6		23.031	23.092	61	0,3kg-Clorine 70%		
15/07/2024	84,6	1.269,7	23.092	23.183	91	0,3kg-Clorine 70%		
16/07/2024	84,6		23.183	23.337	154	0,3kg-Clorine 70%		
17/07/2024	84,6		23.337	23.522	185	0,3kg-Clorine 70%		
18/07/2024	84,6		23.522	23.625	103	0,3kg-Clorine 70%		
19/07/2024	84,6		23.625	23.684	59	0,3kg-Clorine 70%		
20/07/2024	84,6		23.684	23.778	94	0,3kg-Clorine 70%		
21/07/2024	84,6		23.778	23.852	74	0,3kg-Clorine 70%		
22/07/2024	84,6		23.852	23.939	87	0,3kg-Clorine 70%		
23/07/2024	84,6		23.939	24.013	74	0,3kg-Clorine 70%		

24/07/2024	84,6		24.013	24.056	43	0,3kg-Clorine 70%		
25/07/2024	84,6		24.056	24.134	78	0,3kg-Clorine 70%		
26/07/2024	84,6		24.134	24205	71	0,3kg-Clorine 70%		
27/07/2024	84,6			0	0	0,3kg-Clorine 70%		
28/07/2024				0	0	0,3kg-Clorine 70%		
29/07/2024				0	0	0,3kg-Clorine 70%		
30/07/2024				0	0	0,3kg-Clorine 70%		
31/07/2024		1.015,7		0	0	0,3kg-Clorine 70%		

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C24TKB
Số : 0002040

Ngày 27 tháng 06 năm 2024

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 06/2024)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 27 tháng 6 năm 2024

Mã nhận hóa đơn: 24JS024958EU Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 008908AE5803DC4B17B496EA1312DA83D7

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C24TKB
Số : 0001786

Ngày 29 tháng 05 năm 2024

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 05/2024)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 5 năm 2024

Mã nhận hóa đơn: 24HU7045038H Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00C649BF870B554008821BA7767772B6F

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C24TKB
Số : 0001405

Ngày 29 tháng 04 năm 2024

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 04/2024)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 4 năm 2024

Mã nhận hóa đơn: 24GU402491UU Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00956A6D9BD8A64C4A9FE51A5200F4A825

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C24TKB
Số : 0001015

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 03/2024)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 3 năm 2024

Mã nhận hóa đơn: 24FT046169QX Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 004EE70DE9C04D49EA8BA443585866FA2D

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C24TKB

Số : 0000671

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com

Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Mã số thuế : 3700596880

Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 02/2024)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 27 tháng 2 năm 2024

Mã nhận hóa đơn: 24ES6510574N Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 000A9CF7B9D0384AAEAA81ECFE110B00A3

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C24TKB
Số : 0000308

Ngày 26 tháng 01 năm 2024

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 01/2024)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 26 tháng 1 năm 2024

Mã nhận hóa đơn: 24DR333206TE Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00B616F68069D2420F9AC940AEFAE72796

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0003856

Ngày 27 tháng 12 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: ht.gdxmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 12/2023)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 27 tháng 12 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23PS823566S8 Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00660B300B24854C33AF00CB3F2DFCFF2D

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0003420

Ngày 29 tháng 11 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 11/2023)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 11 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23OU502416GS Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00EB9A7CB07A2C4F1691562447EEAFD134

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0003053

Ngày 28 tháng 10 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 10/2023)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 10 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23NT226610BZ Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 008EC467394F8242C2AA4F9C CB96F4054A

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB

Số : 0002841

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com

Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Mã số thuế : 3700596880

Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 09/2023)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23MV991403JA Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00F61904F3B19B4492A38FED200AE66DD7

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0002523

Ngày 28 tháng 08 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 08/2023)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 8 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23LT708214HU Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 001CA034454E28494DACD9DFFE3322BAF5

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0002057

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 07/2023)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử; chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử; chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 7 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23KT464415FV Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00F29539D752CA4611B7274242EB0F6C5D

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB

Số : 0001869

Ngày 28 tháng 06 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com

Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 06/2023)	Tháng	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng :					13.636.364
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT : 1.363.636
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 6 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23JT243947K3 Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 0032D53173041F4E1EB5EF31C6FFEEB11B

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0001451

Ngày 30 tháng 05 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 05/2023)	Tháng	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng :					13.636.364
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT : 1.363.636
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 30 tháng 5 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23HV0206436K Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 003B354BEBC646465AAF90D3B127373A92

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0000928

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 03/2023)	Tháng	1	18.181.818	18.181.818
Cộng tiền hàng :					18.181.818
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT : 1.818.182
					Tổng cộng tiền thanh toán : 20.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Hai mươi triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 3 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23FU586921ZN Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00FB5DF47EFA2A442782E93495C6EA0412

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0000621

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 02/2023)	Tháng	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng :					13.636.364
Thuế suất GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT :	1.363.636
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 2 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23ET375131HC Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00169FCB2F7F0A47EC8D12ED26AEE3D532

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C23TKB
Số : 0000272

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 01/2023)	Tháng	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng :					13.636.364
Thuế suất GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT :	1.363.636
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 30 tháng 1 năm 2023

Mã nhận hóa đơn: 23DV267326G6 Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 000004F3B29C5C4A23BE1D556B9BDCED47

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0002561

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 12/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 23 tháng 12 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22PO029614FF Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 0097F0D41CD0114F4BAE5FB0DF9519F2D8

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0002257

Ngày 28 tháng 11 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 11/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH
Ký ngày 28 tháng 11 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22OT824099VH Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 0044ACB073F94747C69B24E2EFA7A843DF

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0001922

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 10/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%					Tiền thuế GTGT : 1.111.111
					Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH
Ký ngày 28 tháng 10 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22NT592547H4 Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00B1A05B9DF88941F3A8F2C5DB0AEBFABD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0001479

Ngày 29 tháng 09 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 09/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 9 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22MU373895Y6 Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00CD3CA6EEA0BB4044938E8CDD141EA77D

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0001280

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Họ tên người mua hàng : _____
 Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
 Mã số thuế : 3700596880
 Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
 Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản : _____

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Ký ngày 29 tháng 8 năm 2022

Cung cấp giải pháp HDDT: Công Ty CP Chữ Ký Số Vi Na, MST:0309612872, website: ehd.smartsign.com.vn, hotline:19006276 - 19006676

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0000805

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Họ tên người mua hàng : _____
 Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
 Mã số thuế : 3700596880
 Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
 Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản : _____

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Ký ngày 29 tháng 7 năm 2022

Cung cấp giải pháp HDDT: Công Ty CP Chữ Ký Số Vi Na, MST:0309612872, website: ehd.smartsign.com.vn, hotline:19006276 - 19006676

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0000595

Ngày 29 tháng 06 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 06/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 6 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22JU718630VQ Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 004E74F874094846B596BB22F4DD0EFD58

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C22TKB
Số : 0000278

Ngày 31 tháng 05 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : TĐS 43, TBĐS 36, Kp. Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 05/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 31 tháng 5 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22HZ557054TB Tra cứu tại website: <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>
Mã của cơ quan thuế: 00E7214CEE85294971941D41E7FEA7797C

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTKT0/002

Ký hiệu : KB/21E

Số : 0003565

Ngày 29 tháng 04 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu phố Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com

Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Mã số thuế : 3700596880

Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gồm, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 04/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 29 tháng 4 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22GU330316C8 Tra cứu tại website: <https://tracuu.smartvas.vn/HDDT/>

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTKT0/002

Ký hiệu : KB/21E

Số : 0003089

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu phố Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmkhanhbinh@gmail.com

Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 03/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889
Cộng tiền hàng :					13.888.889
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	1.111.111
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng					

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 30 tháng 3 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22FV305202HB Tra cứu tại website: <https://tracu.smartvas.vn/HDDT/>

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GKT0/002
Ký hiệu : KB/21E
Số : 0002836

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu phố Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
Mã số thuế : 3700596880
Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt (tháng 02/2022)	Tháng	1	13.888.889	13.888.889

Cộng tiền hàng : 13.888.889

Thuế suất GTGT : 8%

Tiền thuế GTGT : 1.111.111

Tổng cộng tiền thanh toán : 15.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 2 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 22ET262207HS Tra cứu tại website: <https://tracu.smartvas.vn/HDDT/>

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTTK0/002

Ký hiệu : KB/21E

Số : 0002527

Ngày 28 tháng 01 năm 2022

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu phố Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 02742 461 577 Email: htcdvmtkhanhbinh@gmail.com

Số tài khoản : 65010002453051 Ngân Hàng BIDV - Chi nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Mã số thuế : 3700596880

Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): rác từ nhà ăn, ... (Tháng 01/2022)	Tháng	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng :					13.636.364
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT : 1.363.636
Tổng cộng tiền thanh toán :					15.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười lăm triệu đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày 28 tháng 1 năm 2022

Mã nhận hóa đơn: 221S581182XI Tra cứu tại website: <https://tracuu.smartvas.vn/HDDT/>



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 256/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 24 tháng 01 năm 2024

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ: Dự án Quang Vinh 1- khu phố Long Bình, Phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 17/01/2024

4. Ngày nhận mẫu: 17/01/2024

Ngày thử nghiệm: 17/01/2024

5. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ: Dự án Quang Vinh 1- khu phố Long Bình, Phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

6. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0124-25561	QCVN 14:2008/BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	7	TCVN 6001-1:2021(*)(**)	14	30
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625:2000(*)(**)	28	50
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,21	TCVN 5988:1995(*)(**)	9,45	5
4	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	0,02	SMEWW 4500-PO43-.E:2023(*)(**)	18	6
5	pH	-	2 - 12	TCVN 6492:2011(*)(**)	4	5-9

1/2

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0124-25561: Sau hệ thống xử lý

- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

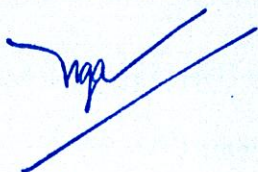
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại

<https://cenlabv2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/0eZFj>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HỒNG NGA

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
- Địa điểm lấy mẫu : CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH - QUANG VINH 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 27/02/2024
- Thời gian thử nghiệm : 28/02/2024 - 04/03/2024
- Ngày trả kết quả : 05/03/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240228.KK.001	Khu vực phía đông chợ Quang Vinh 1 (X = 1221987; Y = 609336)	Không khí xung quanh
2	240228.KK.002	Khu vực phía tây chợ Quang Vinh 1 (X = 1221972; Y = 609221)	Không khí xung quanh
3	240228.KK.003	Khu vực nhà dân 1 liền kề chợ (X = 1222011; Y = 609231)	Không khí xung quanh
4	240228.KK.004	Khu vực nhà dân 2 liền kề chợ (X = 1222035; Y = 609319)	Không khí xung quanh
5	240228.NT.004	Trước hệ thống xử lý chung (X = 1221970; Y = 609397)	Nước thải
6	240228.NT.005	Sau hệ thống xử lý chung (X = 1221967; Y = 609401)	Nước thải
7	240228.NM.001	Nước mặt ở thượng nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221468; Y = 607024)	Nước mặt
8	240228.NM.002	Nước mặt ở hạ nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221774; Y = 606986)	Nước mặt

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.KK.001)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	54,8	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	214	300
3	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	71	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	56	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29	3.442	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240228.KK.001: Khu vực phía đông chợ Quang Vinh 1 (X = 1221987; Y = 609336)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.KK.002)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,7	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	204	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	77	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	64	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29	2.955	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240228.KK.002: Khu vực phía tây chợ Quang Vinh 1 (X = 1221972; Y = 609221)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.KK.003)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,3	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	198	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	73	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	61	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29	3.050	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240228.KK.003: Khu vực nhà dân 1 liền kề chợ (X = 1222011; Y = 609231)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.KK.004)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,3	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	190	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	79	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	65	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29	3.207	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240228.KK.004: Khu vực nhà dân 2 liền kề chợ (X = 1222035; Y = 609319)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.NT.004)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,06	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	218	30
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	503	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	60	50
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	34,2	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,12	-
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,8 x 10 ⁴	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vincerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 240228.NT.004: Trước hệ thống xử lý chung (X = 1221970; Y = 609397)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.NT.005)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,31	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18	30
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	42	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	50
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,6	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,89	-
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,7 x 10 ³	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vincerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 240228.NT.005: Sau hệ thống xử lý chung (X = 1221967; Y = 609401)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.NM.001)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,78
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	37
3	Oxy hòa tan (DO) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016	6,42
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	55
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000 + TCVN 6179-1:1996	3,0
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,55
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,7 x 10 ³

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- 240228.NM.001: Nước mặt ở thượng nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221468; Y = 607024)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02732/2024/PKQ-THH (24.3182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240228.NM.002)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,77
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	43
3	Oxy hòa tan (DO) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016	6,65
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	64
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000 + TCVN 6179-1:1996	3,7
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,83
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,6 x 10 ³

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- 240228.NM.002: Nước mặt ở hạ nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221774; Y = 606986)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
- Địa điểm lấy mẫu : CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH - QUANG VINH 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 22/05/2024
- Thời gian thử nghiệm : 23/05/2024 - 29/05/2024
- Ngày trả kết quả : 30/05/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240523.KK.019	Khu vực phía đông chợ Quang Vinh 1 (X = 1221987; Y = 609336)	Không khí xung quanh
2	240523.KK.020	Khu vực phía tây chợ Quang Vinh 1 (X = 1221972; Y = 609221)	Không khí xung quanh
3	240523.KK.021	Khu vực nhà dân 1 liền kề chợ (X = 1222011; Y = 609231)	Không khí xung quanh
4	240523.KK.022	Khu vực nhà dân 2 liền kề chợ (X = 1222035; Y = 609319)	Không khí xung quanh
5	240523.NT.029	Trước hệ thống xử lý chung (X = 1221970; Y = 609397)	Nước thải
6	240523.NT.030	Sau hệ thống xử lý chung (X = 1221967; Y = 609401)	Nước thải
7	240523.NM.006	Nước mặt ở thượng nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221468; Y = 607024)	Nước mặt
8	240523.NM.007	Nước mặt ở hạ nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221774; Y = 606986)	Nước mặt

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.KK.019)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	54,2	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	197	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	68	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	60	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.084	30.000
6	n-hexan ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500.	KPH (MDL=156)	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240523.KK.019: Khu vực phía đông chợ Quang Vinh 1 (X = 1221987; Y = 609336)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.KK.020)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	65,8	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	201	300
3	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	74	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	62	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.109	30.000
6	n-hexan ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500.	KPH (MDL=156)	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240523.KK.020: Khu vực phía tây chợ Quang Vinh 1 (X = 1221972; Y = 609221)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.KK.021)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	66,1	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	207	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	72	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	61	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.274	30.000
6	n-hexan ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500.	KPH (MDL=156)	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240523.KK.021: Khu vực nhà dân 1 liền kề chợ (X = 1222011; Y = 609231)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.KK.022)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	62,2	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	210	300
3	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	70	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	56	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	2.998	30.000
6	n-hexan ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500.	KPH (MDL=156)	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240523.KK.022: Khu vực nhà dân 2 liền kề chợ (X = 1222035; Y = 609319)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.NT.029)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,07	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	252	30
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	537	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	145	50
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	30,5	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	5,11	-
7	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,4 x 10 ⁴	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 240523.NT.029: Trước hệ thống xử lý chung (X = 1221970; Y = 609397)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.NT.030)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,30	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	19	30
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	41	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	25	50
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	8,5	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	3,66	-
7	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,1 x 10 ³	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 240523.NT.030: Sau hệ thống xử lý chung (X = 1221967; Y = 609401)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.NM.006)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,81
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	32
3	Oxy hòa tan (DO) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016	6,18
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	52
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO3-.E:2023	3,1
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,58
7	Coliform. ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,7 x 10 ³

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận VIMcerts;
- 240523.NM.006: Nước mặt ở thượng nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221468; Y = 607024)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 02735/2024/PKQ-THH (24.3184)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240523.NM.007)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,79
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36
3	Oxy hòa tan (DO) ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016	6,34
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	48
5	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO3-.E:2023	3,5
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,84
7	Coliform. ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,1 x 10 ³

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- 240523.NM.007: Nước mặt ở hạ nguồn cách 100 - 200m so với điểm thải (X = 1221774; Y = 606986)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH – QUANG VINH 1**
- Địa chỉ: Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: **01** mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT26.080323	0308/NT/TT-QV/1: Nước thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 08/03/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A
				NT26.080323	
1	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,93	5 - 9
2	BOD ₅ (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	25	30
3	TSS(a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	41,5	50
4	Dầu mỡ ĐTV(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 3	10
5	TDS(a)(c)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	122	500
6	S ²⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	1
7	P_PO ₄ ³⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	1,16	6
8	N_NO ₃ ⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	9,30	30
9	N_NH ₄ ⁺ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,11	5
10	Chất hoạt động bề mặt(a)(b)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	< 0,15	5
11	Coliform(d1)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1,7x10 ³	3.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm



Phạm Trúc Linh

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 241 thực hiện



Mã số: 210623/5737:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH – QUANG VINH 1**
- Địa chỉ: Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: **01** mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT37.210623	0621/NT/TT-QV/1: Nước thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 21/06/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A
				NT37.210623	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	7,17	5 - 9
2	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5210B:2017	22	30
3	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	TCVN 6625:2000	42,3	50
4	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 3	10
5	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	151	500
6	S ^{2-(a)(b)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	1
7	P_PO ₄ ^{3-(a)(b)}	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	1,27	6
8	N_NO ₃ ^{-(a)(b)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	8,83	30
9	N_NH ₄ ^{+(a)(b)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,54	5
10	Chất hoạt động bề mặt ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	< 0,15	5
11	Coliform ^(d1)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	2,2x10 ³	3.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm**Giám đốc**


Phạm Trúc Linh


Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 241 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 180923/9200:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 26 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH – QUANG VINH 1**
- Địa chỉ: Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: **01** mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT15.180923	0918/NT/TT-QV/1: Nước thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 18/09/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A
				NT15.180923	
1	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	7,05	5 - 9
2	BOD ₅ (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	21	30
3	TSS(a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,8	50
4	Dầu mỡ ĐTV(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 3	10
5	TDS(a)(c)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	182	500
6	S ²⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	1
7	P_PO ₄ ³⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,11	6
8	N_NO ₃ ⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	10,3	30
9	N_NH ₄ ⁺ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,90	5
10	Chất hoạt động bề mặt(a)(b)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	< 0,15	5
11	Coliform(d1)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	2,3x10 ³	3.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm


Phạm Trúc Linh


Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 241 thực hiện.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH – QUANG VINH 1**
- Địa chỉ: Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: **01** mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT34.151223	1215/NT/TT-QV/1: Nước thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 15/12/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A
				NT34.151223	
1	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,81	5 - 9
2	BOD ₅ (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	26	30
3	TSS(a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	44,5	50
4	Dầu mỡ ĐTV(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 3	10
5	TDS(a)(c)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	215	500
6	S ²⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	1
7	P_PO ₄ ³⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,26	6
8	N_NO ₃ ⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	9,15	30
9	N_NH ₄ ⁺ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	3,27	5
10	Chất hoạt động bề mặt(a)(b)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	< 0,15	5
11	Coliform(d1)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1,4x10 ³	3.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm**Giám đốc**
Phạm Trúc Linh
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vincert 241 thực hiện

Số phiếu: 00427/2022/PKQ-THH (22.514)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
- Địa điểm lấy mẫu : CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH - QUANG VINH 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 25/02/2022
- Ngày trả kết quả : 05/03/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220226.KK.026	Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)	Không khí xung quanh
2	220226.KK.027	Khu vực giữa chợ	Không khí xung quanh
3	220226.NT.043	Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00427/2022/PKQ-THH (22.514)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220226.KK.026)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	29,3	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	70,3	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	61	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	67	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.458	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- 220226.KK.026: Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00427/2022/PKQ-THH (22.514)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220226.KK.027)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	29,5	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	75,6	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(a,b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	48	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	61	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.322	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- 220226.KK.027: Khu vực giữa chợ

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00427/2022/PKQ-THH (22.514)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220226.NT.043)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,32	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	13	50
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,27	5
5	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,60	6
6	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	6,4 x 10 ²	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 220226.NT.043: Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01311/2022/PKQ-THH (22.1814)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
- Địa điểm lấy mẫu : CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH - QUANG VINH 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 26/04/2022
- Ngày trả kết quả : 06/05/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220427.KK.023	Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)	Không khí xung quanh
2	220427.KK.024	Khu vực giữa chợ	Không khí xung quanh
3	220427.NT.012	Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01311/2022/PKQ-THH (22.1814)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220427.KK.023)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,5	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,2	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	56	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	60	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.371	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- 220427.KK.023: Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01311/2022/PKQ-THH (22.1814)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220427.KK.024)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,4	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	59,8	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	2,1	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(a,b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	45	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	50	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.038	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- 220427.KK.024: Khu vực giữa chợ

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01311/2022/PKQ-THH (22.1814)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220427.NT.012)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,42	5 ÷ 9
2	BOD ₅ (a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	16	50
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,45	5
5	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,79	6
6	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	9,3 x 10 ²	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tải quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 220427.NT.012: Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02494/2022/PKQ-THH (22.3846)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
- Địa điểm lấy mẫu : CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH - QUANG VINH 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 21/07/2022
- Ngày trả kết quả : 29/07/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220722.KK.022	Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)	Không khí xung quanh
2	220722.KK.023	Khu vực giữa chợ	Không khí xung quanh
3	220722.NT.013	Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02494/2022/PKQ-THH (22.3846)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220722.KK.022)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	30,8	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,5	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	53	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	65	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.049	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- 220722.KK.022: Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02494/2022/PKQ-THH (22.3846)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220722.KK.023)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	30,5	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	60,1	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	1,1	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	41	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	61	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.268	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- 220722.KK.023: Khu vực giữa chợ

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02494/2022/PKQ-THH (22.3846)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220722.NT.013)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,43	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	21	50
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,18	5
5	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,55	6
6	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,1 x 10 ³	3.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tải quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 220722.NT.013: Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 03808/2022/PKQ-THH (22.5876)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022****PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

- Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH QUANG VINH
- Địa điểm lấy mẫu** : CHỢ VÀ KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH - QUANG VINH 1
- Địa chỉ lấy mẫu** : Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu** : 31/10/2022
- Ngày trả kết quả** : 08/11/2022
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	221101.KK.001	Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)	Không khí xung quanh
2	221101.KK.002	Khu vực giữa chợ	Không khí xung quanh
3	221101.NT.001	Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN**Vũ Thị Hà****P. GIÁM ĐỐC****ThS. Phạm Thị Hải Yến**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 03808/2022/PKQ-THH (22.5876)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 221101.KK.001)**

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN
					05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	30,5	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	69,5	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	KPH (MDL = 0,6)	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	48	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	63	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.174	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;**- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh****- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;****- 221101.KK.001: Khu vực tại khu phố chợ (X = 1222 118; Y = 609 327)****VIMCERTS 076**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 03808/2022/PKQ-THH (22.5876)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 221101.KK.002)**

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	30,2	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	70,1	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
4	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2012/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	54	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	75	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.071	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;**- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh****- 221101.KK.002: Khu vực giữa chợ****VIMCERTS 076**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 03808/2022/PKQ-THH (22.5876)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 221101.NT.001)**

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột A, K=1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,91	5 ÷ 9
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	17	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	8	50
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,23	5
5	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,7 x 10 ³	3.000
6	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	10,0	6

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột A, K=1: - Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt); K: Hệ số tính tải quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư.

- 221101.NT.001: Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (X = 1222 006; Y = 609 324)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

CT TNHH KỸ THUẬT TỔNG HỢP
LÂM ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Đ/c: 62 Huỳnh Văn Nghệ, KP5,
P.Phú Lợi, TP.TDM, BD
ĐT:0650 2470 290
Mail: Lamanh_co@yahoo.com.vn

Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 09 năm 2016

GIẤY BÀN GIAO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công trình: Cải tạo, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 28m³/ngày.đêm;

Hôm nay, ngày 03 tháng 10 năm 2016. Tại Công Ty TNHH Quang Vinh – Chợ Quang Vinh I, Chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty TNHH Kỹ Thuật Tổng Hợp Lâm Anh

Đại diện là (Ông) : Nguyễn Ngô Tùng Lâm Chức vụ: Giám Đốc
(Ông) : Nguyễn Trọng Tuyên Chức vụ: NVKT
(Ông) : Trần Trung Hiếu Chức vụ: NVKT
Địa chỉ : Số 62, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP5, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
Điện thoại : (0650) 2470290
Email : lamanh_co@yahoo.com.vn



Bên B: Công Ty TNHH Quang Vinh

Đại diện là (Ông) : Lê Quang Tuyền Chức vụ: Phó Giám Đốc
(Ông/bà) : Chức vụ:
Địa chỉ : Ấp Long Bình, xã Khánh Bình, Tx. Tân Uyên, Bình Dương;
Điện thoại : 0650-3653368
Fax : 0650-3653369

Hai bên cùng tiến hành xem xét, rà soát danh mục công trình máy móc, thiết bị của HTXL nước thải được bàn giao như sau:

Bảng. Danh mục công trình, máy móc và thiết bị được bàn giao

STT	Hạng Mục	Quy Cách	ĐV	SL	Ghi Chú
A	PHẦN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH				
01	Hồ thu gom kết hợp lắng cát;	- Đáy BT M200 dày 100mm; - Thành thả bi, mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 2,5m x 1,0m x 2,0m;	Bê	01	Cải tạo từ hạng mục có sẵn
02	Bể tách dầu mỡ;	- Đáy BTCT M200 dày 150mm; - Thành xây gạch dày 200mm, tô vữa mặt	Bê	1	Cải tạo từ hạng mục

Signature

		trong M75 dày 2cm; - Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 4,0m x 2,0m x 3,7m;			có sẵn
03	Bể điều hòa	- Đáy BTCT M200 dày 150mm; - Thành xây gạch dày 200mm, tô vữa mặt trong M75 dày 2cm; - Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 4,0m x 4,0m x 3,7m;	Bể	1	Cải tạo từ hạng mục có sẵn
04	Bể Aerotank	- Đáy, thành BTCT, M200 dày 2000mm; - Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 4,6m x 4,0m x 4,7m;	Bể	01	Xây mới
05	Bể lắng	- Đáy, thành BTCT, M200 dày 2000mm; - Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 2,5m x 2,5m x 4,7m;	Bể	01	
06	Bể khử trùng + Lọc chậm	- Đáy BTCT M200 dày 150mm; - Thành xây gạch dày 200mm, tô vữa mặt trong M75 dày 2cm; - Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 1,9m x 1,0m x 1,5m;	Bể	01	
07	Bể chứa bùn	- Đáy, thành BTCT, M200 dày 2000mm; - Mặt trong phủ lớp chống thấm, chống xâm thực; - Kích thước: LxBxH: 1,9m x 1,3m x 4,7m;	Bể	01	
08	Nhà điều hành	- Tường xây gạch dày 100mm; - Mái lợp tôn, nền tráng xi măng. - Diện tích (5m ²);	Nhà	01	
B	PHẦN THIẾT BỊ MÁY MÓC				
I	Hồ Thu Gom Kết Hợp Lắng Cát				
01	- Song chắn rác thô	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước khe lược: 10 mm	bộ	01	Mới
02	- Bơm nước thải	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm; - Lưu lượng: Q = 8-10m ³ /h; - Cột áp: H = 6-8mH ₂ O; - Công suất: 1HP;	bộ	02	Mới
03	- Phao điện;	- Xuất xứ: Việt Nam	bộ	02	Mới
II	Bể Điều Hòa				
01	- Đĩa thổi khí;	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí thô - Vật liệu: PVC cao cấp - Kích thước: D=110mm - Xuất xứ: Đài Loan	đĩa	16	Mới
02	- Bơm nước thải;	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm có xích treo; - Lưu lượng: Q = 8-10m ³ /h; - Cột áp: H = 6-8mH ₂ O;	bộ	02	Mới

Thư

		- Công suất: 1HP;			
03	- Phao điện;	- Xuất xứ: Việt Nam	bộ	02	Mới
IV	Bể Aerotank				
01	- Máy thổi khí;	- Loại máy: Longtech –Taiwan hoặc tương đương - Lưu lượng: $Q = 6,5-9\text{m}^3/\text{phút}$ - Công suất: 5,HP	bộ	02	Mới
02	- Vật liệu vi sinh bám dính;	- Loại giá thể: Giá thể tổ ong - Vật liệu: PVC - Xuất xứ: Đài Loan;	m^3	24	Mới
03	- Đĩa phân phối khí;	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí tinh - Vật liệu: PVC cao cấp - Kích thước: $D=270\text{mm}$ - Xuất xứ: Đài Loan	đĩa	24	Mới
04	- Giá đỡ vật liệu vi sinh bám dính;	- Vật liệu: Thép V43, phủ Epoxi	bộ	01	Mới
05	- Hệ thống lan can, hành lang công tác	- Vật liệu: Thép CT3, phủ kẽm	bộ	01	Mới
V	Bể Lắng				
01	- Bơm bùn;	- Loại bơm: Bơm nhúng chìm - Lưu lượng: $Q = 6\text{m}^3/\text{h}$ - Cột áp: $H = 6-8\text{mH}_2\text{O}$ - Công suất: 1HP	bộ	01	Mới
02	- Ống trung tâm;	- Inox 304, $D = 400\text{mm}$, $H = 3,0\text{m}$	bộ	01	Mới
03	- Giá đỡ ống trung tâm;	- Vật liệu: Thép V4, phủ Epoxi	bộ	01	Mới
04	- Tấm chắn dòng, máng răng cưa;	- Vật liệu: Inox 304, dày 0,8mm	bộ	01	Mới
05	- Hệ thống lan can, hành lang công tác	- Vật liệu: Thép CT3, phủ kẽm	bộ	01	Mới
VI	Bể Khử Trùng + Lọc Chậm				
01	- Bồn chứa hóa chất;	- Vật liệu: PVC - Thể tích: $V = 300\text{ lít}$	bồn	01	Mới
02	- Bơm định lượng;	- Loại bơm: Bơm màng - Nhãn hiệu: Blue White - Lưu lượng: $Q = 100\text{ lít/h}$ - Xuất xứ: Mỹ	bộ	01	Mới
03	- Giá đỡ vật liệu lọc	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước khe lọc: 4 mm	bộ	01	Mới
04	- Lớp vật liệu lọc;	- Vật liệu lọc tổng hợp;	Mục	01	Mới

C	CÁC HẠNG MỤC VÀ THIẾT BỊ KHÁC				
01	- Hệ thống ống kỹ thuật thu gom, kết nối công trình;	- ống uPVC Bình Minh + phụ kiện	Hệ	01	Mới
02	- Hệ thống ống phân phối khí;	- Đường ống sắt tráng kẽm phân phối khí cho bể điều hòa và Aerotank;	Hệ	01	Mới
03	- Hệ thống điện động lực kết nối vận hành cho toàn công trình	- Linh kiện LG (Korea), dây điện CADIVI (VN) các loại 3 pha, 2 pha và các phụ kiện	Hệ	01	Mới
04	Tủ điện điều khiển tự động cho toàn công trình	Linh kiện điện LG (Korea), timer, các phụ kiện điện tử tự động	Tủ	01	Mới

- Sau khi xem xét rà soát, hai bên cùng thỏa thuận thống nhất:
- Bên A đã hoàn thành việc cải tạo, xây dựng, lắp đặt hoàn thiện máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 160m³/ngày.đêm cho bên B.
- Bên A đã vận hành chạy thử các thiết bị của hệ thống để bên B kiểm tra, đồng thời hướng dẫn vận hành sơ bộ cho bên B.
- Bên A bàn giao toàn bộ các công trình, máy móc và thiết bị được liệt kê ở trên cho bên B, để bên B quản lý và bảo quản.
- Giấy bàn giao này gồm 04 tờ không thể tách rời và được thành lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Công ty TNHH Kỹ Thuật Tổng Hợp
Lâm Anh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngô Tùng Lâm

ĐẠI DIỆN BÊN B

Công Ty TNHH Quang Vinh

Nguyễn
Lê Quang Tuấn